

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



SÁCH HƯỚNG DẪN HỌC TẬP
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(Dùng cho sinh viên hệ đào tạo đại học từ xa)

Lưu hành nội bộ

HÀ NỘI - 2007

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Biên soạn : ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN
CN. ĐỖ MINH SƠN

LỜI NÓI ĐẦU

Để phục vụ cho việc tự nghiên cứu và học tập của sinh viên theo phương thức đào tạo từ xa của Học viện công nghệ Bưu chính Viễn thông. Bộ môn Mác-Lênin thuộc khoa Cơ bản I - Học viện công nghệ Bưu chính Viễn thông tổ chức biên soạn tập sách **Hướng dẫn học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh**. Tập sách được biên soạn dựa trên cơ sở giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dùng trong các trường đại học, cao đẳng) của Bộ Giáo dục – Đào tạo, do nhà xuất bản chính trị Quốc gia phát hành năm 2005

Tài liệu được trình bày dưới dạng hướng dẫn học tập gồm 7 chương sát với giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh của Bộ Giáo dục - Đào tạo và tài liệu hướng dẫn giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh tháng 1 năm 2007. Tài liệu sẽ giúp cho người học tiếp thu và nắm vững một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt nam trong quá trình hoạch định chủ trương đường lối chiến lược, sách lược trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như quá trình kiên trì giữ vững định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam.

Nội dung được biên soạn theo trình tự: Nêu rõ mục đích yêu cầu, trọng tâm trọng điểm của bài, những nội dung cơ bản, những nguyên tắc chỉ đạo hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn được rút ra từ những nội dung cơ bản. Hệ thống câu hỏi đặt ra giúp người học có thể tự mình xây dựng đề cương để học tập được tốt hơn.

Trong quá trình biên soạn, các tác giả đã rất cố gắng song chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế nhất định, rất mong được các đồng nghiệp và các bạn sinh viên đóng góp ý kiến để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Xin trân trọng cảm ơn !





HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông-Hà Tây

Điện thoại: (04) 5541221; Fax: (04) 5540587

Website: <http://www.o-ptit.edu.vn>; E-mail: dhcx@o-ptit.edu.vn

CHƯƠNG I

KHÁI NIỆM, NGUỒN GỐC, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Học tập, nghiên cứu chương I cần nắm vững những nội dung chủ yếu sau đây:

- Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh
- Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh
- Các nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
- Các giai đoạn chủ yếu của quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh
- Ý nghĩa và sự cần thiết của việc học tập và nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta cũng như đối với bản thân người học

NỘI DUNG CHÍNH

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA BỘ MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. Đối tượng nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm hệ thống quan điểm lý luận về cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của thời đại mới mà cốt lõi là tư tưởng độc lập tự do; về mối quan hệ giữa lý luận với thực tiễn của hệ thống quan điểm lý luận cách mạng Hồ Chí Minh; về mối quan hệ biện chứng trong sự tác động qua lại của tư tưởng độc lập tự do với tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội; về các quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh

Trên cơ sở đối tượng, bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiệm vụ đi sâu nghiên cứu và làm rõ:

- Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Nội dung, bản chất cách mạng và khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Vai trò nền tảng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và giá trị tư tưởng của Người trong kho tàng tư tưởng, lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

1.2. Phương pháp nghiên cứu:

1.2.1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là cơ sở phương pháp luận khoa học để nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh:

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh là trên cơ sở lý luận, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin để tổng kết kinh nghiệm, phân tích một cách đúng đắn những đặc

điểm của đất nước để tìm ra những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam. Đối với Hồ Chí Minh khi vận dụng phương pháp biện chứng duy vật, không giáo điều, rập khuôn, luôn xem xét sự vật trong vận động và phát triển và trong quá trình phát triển lịch sử. Cụ thể:

- Lý luận gắn liền với thực tiễn.
- Quan điểm thống nhất biện chứng giữa lập trường giai cấp với lập trường dân tộc, giữa dân tộc với thời đại.
- Quan điểm phát triển, sáng tạo, đổi mới.
- Quan điểm toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm cụ thể.
- Quan điểm lịch sử cụ thể.
- Quan điểm “đĩ bất biến, ứng vạn biến”.

1.2.3 Tuân thủ nguyên tắc thống nhất tính Đảng và tính khoa học: nhận thức và thể hiện sự thống nhất giữa tính đảng và tính khoa học mang tính nguyên tắc sẽ giúp người nghiên cứu bảo đảm tính chân thực của tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời góp phần phê phán quan điểm thần thánh hóa hoặc hạ thấp ý nghĩa của việc nghiên cứu, học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống sinh động hàng ngày.

1.2.4 Kết hợp chặt chẽ phương pháp logic với phương pháp lịch sử: Phương pháp lịch sử giúp chúng ta nhận thức về mặt lịch sử quá trình tư duy của Hồ Chí Minh, qua đó giúp chúng ta nhận thức logic vấn đề (tính quy luật của tư duy), từ đó tìm ra cốt lõi của tư duy và hướng phát triển của tiến trình lịch sử.

1.2.5. Vận dụng các phương pháp liên ngành: Thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh, điều tra xã hội học, tiếp xúc nhân chứng lịch sử....

II. KHÁI NIỆM VÀ HỆ THỐNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Đại hội lần thứ VII, Đảng Cộng sản Việt Nam (6-1991) khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và dân tộc.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX có viết: *“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại”*¹

Đây là định hướng cho các nghiên cứu tiếp tục đi sâu vào tìm hiểu tư tưởng của Người để trên cơ sở đó đi tới một khái niệm có khả năng bao quát được những nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

¹ (Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB. Chính trị quốc gia, Hà nội, 2001, tr.83)

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người

Như vậy:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN;
- Là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam;
- Là sự kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại;

2.2. Hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh:

Bao gồm một số nội dung cơ bản sau:

1. Tư tưởng về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.
2. Tư tưởng về CNXH và con đường quá độ lên CNXH.
3. Tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam.
4. Tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc.
5. Tư tưởng về quân sự.
6. Tư tưởng về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân.
7. Tư tưởng về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
8. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh
9. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh.
10. Tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh.

Trên đây là những nội dung chủ yếu trong tư tưởng chính trị, tư tưởng văn hoá-đạo đức, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Tùy từng đối tượng, từng lĩnh vực, các nhà khoa học có thể nghiên cứu, khái quát, bổ xung các nội dung phù hợp với yêu cầu của mình vào hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng thành một hệ thống hoàn chỉnh, khoa học.

Nghiên cứu và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học và Cao đẳng trong cả nước chúng ta tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

1. Tư tưởng về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.
2. Tư tưởng về CNXH và con đường quá độ lên CNXH.
3. Tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam; về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân.
4. Tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc. kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, nhân văn và văn hóa.

2.3. Chức năng của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh:

Tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ thống các môn khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin. Do đó có hai chức năng quan trọng nhất:

Một là, chức năng nhận thức: Thông qua việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, môn học giúp cho người học nhận thức được quy luật phát triển của xã hội Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó góp phần hình thành nên lý luận đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội... trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay. Chức năng này được coi là nền tảng tư tưởng của toàn Đảng và toàn dân ta.

Hai là, chức năng hành động giúp cho người học:

- Có khả năng thẩm định được các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước.
- Góp phần giáo dục tinh thần phát huy truyền thống đoàn kết, ý chí tự cường, phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.
- Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong những phương pháp để nâng cao trình độ lý luận cho tất cả người học nói chung và các cán bộ đảng viên nói riêng.

Chức năng này được coi như kim chỉ nam cho mọi hành động của chúng ta.

Hai chức năng trên quan hệ chặt chẽ với nhau. Hồ Chí Minh nhấn mạnh chỉ khi tư tưởng đúng thì hành động mới đúng.

III. ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ XÃ HỘI, NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.

3.1. Điều kiện lịch sử xã hội

3.1.1. Xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX là một xã hội phong kiến, nông nghiệp lạc hậu.

Phong trào yêu nước chống Pháp phát triển mạnh mẽ với các xu hướng khác nhau và sự bế tắc về đường lối cách mạng.

- Phong trào của các sỹ phu yêu nước theo ý thức hệ phong kiến: với tư tưởng tôn quân, chưa tin tưởng vào nhân dân. Mục tiêu đánh Pháp để phục hồi chế độ phong kiến: Tiêu biểu như Trương Định, Nguyễn Trung Trực ở Miền Nam, Phan Đình Phùng ở Miền Trung, Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quang Bích ở Miền Bắc... Sự thất bại của các cuộc khởi nghĩa này về bản chất thể hiện sự bất lực, sự lỗi thời của hệ tư tưởng phong kiến trước nhiệm vụ lịch sử.
- Sang đầu thế kỷ XX: phong trào yêu nước chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản với các phong trào Đông du, Duy tân, Đông kinh nghĩa thực... nổi lên mạnh mẽ và rộng khắp nhưng nhanh chóng thất bại vì đường lối cách mạng không rõ ràng, không huy động được mọi tầng lớp nhân dân, tư tưởng cầu viện nước ngoài, không độc lập tự chủ...

Tóm lại: Xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là xã hội thuộc địa nửa phong kiến với hai mâu thuẫn cơ bản:

- Một là, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược và tay sai.
- Hai là: mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam mà chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.

Để giải quyết các mâu thuẫn khách quan đó, các phong trào yêu nước đã nổ ra liên tiếp nhưng đều không thành công. Sự thất bại của phong trào yêu nước nói lên sự khủng hoảng về đường lối chính trị ở Việt Nam, do đó, đòi hỏi khách quan của thực tiễn lúc này là phải tìm kiếm một đường lối mới để giải phóng dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước là một tất yếu lịch sử.

3.1.2. *Quê hương và gia đình:*

Hồ Chí Minh tên thật là Nguyễn Sinh Cung sinh ngày 19-5-1890 (Sau này Bác có rất nhiều tên: Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Văn Ba, Lý Thụy, Thầu Chín, Vương, Lin...)

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, gần gũi với nhân dân. Cha Bác là Cụ Nguyễn Sinh Sắc - một nhà nho yêu nước, thương dân, có tư tưởng tiến bộ. Cụ là tấm gương cho các con về ý chí kiên cường, vượt khó, về sự hiếu học. Điều này đã có ảnh hưởng rất sâu sắc đến Hồ Chí Minh trong quá trình hình thành nhân cách và bản lĩnh để sau này, khi bắt gặp chủ nghĩa Mác-Lênin, Người đã nâng lên thành tư tưởng cốt lõi về đường lối chính trị của mình.

Quê hương Nghệ An là mảnh đất giàu truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm với những anh hùng nổi tiếng như: Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Đặng Dung, Phan Bội Châu, Phan Đình Phùng...

Làng Kim Liên cũng có những liệt sỹ chống Pháp như: Vương Thúc Mậu, Nguyễn Sinh Quyến... và cả anh, chị của Nguyễn Tất Thành cũng tham gia hoạt động chống Pháp đều bị bắt giam và tù đầy. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà Nghệ An lại sinh ra vị anh hùng giải phóng dân tộc, nhà tư tưởng, nhà văn hoá kiệt xuất.

3.1.3. *Thời đại:*

Cuối thế kỷ XIX, CNTB đã chuyển sang giai đoạn CNTB độc quyền (CNDQ), với đặc điểm quan trọng nhất của nó là xâm chiếm thuộc địa. Thống trị và xâm chiếm thuộc địa đã đẩy mạnh phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới==> Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân giành độc lập dân tộc, gắn bó với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản thế giới là đặc điểm mới của thời đại.

Sự thất bại của các phong trào cứu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nguyễn Tất Thành tuy chưa nhận thức được đặc điểm của thời đại, nhưng Người cũng thấy rõ con đường cứu nước của các bậc tiền bối cách mạng là không phù hợp, không đem lại kết quả. Người phải đi tìm một con đường mới. Mục đích ra đi lúc đầu là tìm hiểu tại sao và bằng cách nào mà các nước phương Tây giàu mạnh? cái gì ẩn dấu đằng sau những câu châm ngôn lý tưởng về Tự do, Bình đẳng, Bác ái?

Mong muốn mở rộng tầm nhìn bằng ra đi tìm một con đường cứu nước mới bằng một trái tim yêu nước, một bộ óc thông minh khát khao hiểu biết và bằng hai bàn tay lao động -

Nguyễn Tất Thành đã vượt qua ba đại dương, bốn châu lục và khoảng gần 30 nước đã giúp cho Người nhận thức được bản chất của chủ nghĩa đế quốc, cũng như hoàn cảnh của các nước thuộc địa, phụ thuộc trên thế giới cùng cảnh ngộ với dân tộc mình.

Cuối năm 1917, Nguyễn Ái Quốc từ Anh trở về Pháp, trung tâm văn minh đương thời với khẩu hiệu Tự do-Bình đẳng-Bác ái, và là kẻ thù của dân tộc Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã sát cánh với những người Việt Nam yêu nước và những chiến sỹ cách mạng từ những nước thuộc địa của thực dân Pháp, thực dân Anh đang hoạt động ở đây. Người gia nhập Đảng xã hội Pháp, một chính đảng duy nhất của nước Pháp bênh vực các dân tộc thuộc địa;

Năm 1919: tại hội nghị Véc xây, Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đòi các quyền tự do dân chủ tối thiểu...cho Việt Nam, nhưng không được chấp nhận. Từ sự thất đó Nguyễn Ái Quốc nhận thức được rằng: *muốn được giải phóng các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào bản thân mình.*

Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và Lênin thành lập Quốc tế Cộng sản III (tháng 3-1919) dẫn đến sự phân hoá trong nội bộ các Đảng dân chủ xã hội ở nhiều nước, cuộc đấu tranh trong nội bộ các đảng này là ở lại Quốc tế II hay gia nhập Quốc tế III.

Tháng 7- 1920, *sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đăng trên báo Luymanitê đã tạo ra sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của Bác. Cụ thể:

- Từ nhận thức về quan hệ áp bức dân tộc đến nhận thức về quan hệ áp bức giai cấp và mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản.
- Từ nhận thức về quyền độc lập tự do của các dân tộc bị áp bức, Người đi tới nhận thức về quyền tự do dân chủ của con người, về vấn đề giải phóng con người và giải phóng loài người.
- Xác định kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động quốc tế là CNĐQ, Người thấy rõ giai cấp vô sản và nhân dân lao động ở các nước chính quốc là bạn đồng minh của các dân tộc thuộc địa trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc..

Từ đó, Người tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc: ***Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.***

Từ những nhận thức cực kỳ quan trọng này. Cuối tháng 12-1920, tại Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành việc Đảng xã hội Pháp ra nhập Quốc tế III. *Người trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên.* Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời cách mạng của Nguyễn Ái Quốc với 3 dấu ấn: từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin; tìm thấy con đường giải phóng dân tộc; từ người yêu nước trở thành người cộng sản.

Kết luận: Hoàn cảnh lịch sử ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự vận động, phát triển của tư tưởng yêu nước Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; là sự gặp gỡ giữa trí tuệ mẫn cảm, thiên tài của Hồ Chí Minh với trí tuệ thời đại, chủ nghĩa Mác-Lênin. Từ sự tiếp thu nhận thức ban đầu, trong quá trình hoạt động cách mạng, lãnh đạo cách

mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển những quan điểm mới, tạo thành hệ thống tư tưởng của Người.

3.2. Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

3.2.1. Các giá trị tư tưởng và văn hoá truyền thống Việt Nam:

Chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh dựng nước và giữ nước, đây là dòng chủ lưu chảy xuyên suốt trường kỳ lịch sử Việt Nam, là chuẩn mực cao nhất, đứng đầu bảng giá trị văn hoá tinh thần Việt Nam, đồng thời là hành trang quan trọng của Nguyễn Tất Thành khi rời tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước.

Tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái được hình thành và phát triển từ nhu cầu người dân Việt Nam phải chống chọi với thiên tai khắc nghiệt, với các thế lực ngoại xâm hung bạo, đã được Hồ Chí Minh kế thừa trong suốt quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Truyền thống lạc quan, yêu đời bắt nguồn từ niềm tin vào bản thân, vào chân lý, vào chính nghĩa...

Truyền thống cần cù dũng cảm, thông minh sáng tạo trong sản xuất và chiến đấu, tinh thần ham học hỏi và không ngừng mở rộng cửa đón tinh hoa văn hoá nhân loại trên cơ sở giữ vững bản sắc của dân tộc, chọn lọc, tiếp thu cải biến những cái hay, cái tốt thành những giá trị riêng của mình. Hồ Chí Minh là hình ảnh sinh động và trọn vẹn của truyền thống đó.

3.2.2. Tinh hoa văn hoá nhân loại:

a. Tư tưởng và văn hoá Phương Đông:

- *Nho giáo*: Tuy nho giáo có những yếu tố duy tâm, lạc hậu nhưng nho giáo cũng có những yếu tố tích cực như:
 - ✓ Triết lý hành động, tư tưởng hành thế nhập đạo giúp đời;
 - ✓ Lý tưởng về một xã hội bình trị, ước vọng một xã hội an ninh hoà mục; một thế giới đại đồng.
 - ✓ Triết lý nhân sinh: tu thân dưỡng tính, từ thiên tử tới thứ dân, ai cũng phải lấy tu thân làm gốc.
 - ✓ Nho giáo đề cao văn hoá, lễ giáo tạo ra truyền thống hiếu học...

Hồ Chí Minh đã khai thác Nho giáo, lựa chọn những yếu tố tích cực, phù hợp để phục vụ nhiệm vụ cách mạng. Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh đã sử dụng khá nhiều mệnh đề của nho giáo và đưa vào đó những nội dung và ý nghĩa mới

- *Phật giáo*: Phật giáo vào Việt Nam rất sớm và có ảnh hưởng rất mạnh đến nhân dân ta. Phật giáo là tôn giáo nên có nhiều mặt tiêu cực không tránh khỏi, nhưng những mặt tích cực cũng để lại dấu ấn rất sâu sắc trong tư duy, hành động, cách ứng xử của con người Việt Nam. Đó là:
 - ✓ Tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, thương người;
 - ✓ nếp sống có đạo đức, trong sạch giản dị, chăm lo làm điều thiện.
 - ✓ Tinh thần dân chủ chất phác, chống phân biệt đẳng cấp.

- ✓ Đề cao lao động, chống lười biếng.
- ✓ Thiên phái Trúc lâm Việt Nam chủ trương sống không xa đời, gắn bó với dân, với nước, tham gia vào cộng đồng, vào cuộc đấu tranh chống kẻ thù của dân tộc.

Ngoài ra tư tưởng của lão tử, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn cũng được Người tìm hiểu để thấy trong đó những điều có thể vận dụng ở nước ta.

b. Tư tưởng và văn hoá Phương Tây:

Học tiếng Pháp và làm quen với văn hoá Pháp từ khi học trường tiểu học Đông Ba và trường Quốc học Huế, hơn 30 năm sống và hoạt động cách mạng ở Châu Âu cho nên Người chịu ảnh hưởng sâu sắc nền văn hoá dân chủ và cách mạng Phương Tây:

- *Mỹ:* Với ý chí đấu tranh cho tự do, độc lập, cho quyền sống của con người trong tuyên ngôn độc lập 1776 của nước Mỹ.
- *Pháp:* Người được tiếp xúc trực tiếp với các tác phẩm của các nhà tư tưởng khai sáng như: với các nhà tư tưởng khai sáng như: Vonte, Môngtexkiơ, Rút-xô,... với những lý luận của đại cách mạng Pháp năm 1789 như tinh thần pháp luật của Môngtexkiơ, Khế ước xã hội của Rút-xô, tuyên ngôn dân quyền và nhân quyền;
- Hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, Hồ Chí Minh học được tư tưởng dân chủ và từ đó hình thành được phong cách làm việc dân chủ trong sinh hoạt chính trị.

Được sự dìu dắt của các nhà cách mạng và trí thức tiến bộ Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã từng bước trưởng thành, tiếp nhận, gạn lọc làm giàu trí tuệ của mình để có thể từ tầm cao của tri thức nhân loại suy nghĩ, lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam.

3.2.3. Chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Những bài học rút ra từ những phong trào yêu nước của thế hệ cha anh, với 10 năm (1911-1920) bôn ba ở nước ngoài đã giúp Nguyễn Tất Thành phát triển và hoàn thiện nguồn vốn chính trị, văn hóa và đời sống thực tiễn xã hội để hình thành nên bản lĩnh chính trị của người chiến sỹ cách mạng. Chính bản lĩnh chính trị ấy đã giúp Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo không sao chép, giáo điều khi vận dụng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Với tư duy hành động, Người tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin còn do yêu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam, đó là con đường cứu nước, giành độc lập dân tộc. Người đến với chủ nghĩa Mác-Lênin từ chủ nghĩa yêu nước → Người nghiên cứu chủ nghĩa Mác một cách sâu sắc, khoa học, nắm chắc cái tinh thần, bản chất để vận dụng phù hợp

Chủ nghĩa Mác-Lênin là nguồn gốc lý luận trực tiếp quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện:

- Tháng 7/1920 Hồ Chí Minh đọc “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin là bước quyết định nhảy vọt về chất trong quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Chủ nghĩa Mác-Lênin đã cung cấp cho Hồ Chí Minh thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng, để tổng kết lịch sử và kinh nghiệm thực tiễn, tích lũy kiến thức tìm ra con đường cứu nước mới.
- Chủ nghĩa Mác-Lênin đã giúp Hồ Chí Minh vượt hẳn lên phía trước so với những người yêu nước đương thời, khắc phục cuộc khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc, vạch ra con đường cứu nước đúng đắn: giải phóng dân tộc bằng con đường cách mạng vô sản.

Như vậy, chủ nghĩa yêu nước là cơ sở ban đầu và là động lực thôi thúc Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác-Lênin. Còn chủ nghĩa Mác-Lênin đã nâng chủ nghĩa yêu nước truyền thống ở Hồ Chí Minh lên một tầm cao mới, tạo ra bước phát triển mới về chất phù hợp với thời đại mới.

3.2.4. Những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất con người Nguyễn Ái Quốc:

Nguyễn Ái Quốc là người có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, có đầu óc phê phán tinh tường, sáng suốt trong nghiên cứu tìm hiểu các cuộc cách mạng tư sản hiện đại để tìm ra được bản chất của các cuộc cách mạng đó.

Người đã có một quá trình khổ công học tập, rèn luyện để tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa tri thức nhân loại, sớm vươn tới đỉnh cao tri thức nhân loại để tạo nên tri thức và kinh nghiệm của riêng mình

Người có tâm hồn của một nhà yêu nước, một chiến sỹ cộng sản nhiệt tình cách mạng, một trái tim yêu nước, thương dân, một tinh thần sẵn sàng hy sinh vì nền độc lập tự do của tổ quốc, vì sự nghiệp giải phóng con người, giải phóng nhân loại.

Với phẩm chất cá nhân của mình, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp nhận, chọn lọc, chuyển hoá được những tri thức của nhân loại và dân tộc thành trí tuệ của bản thân mình, Người đã tìm ra cho dân tộc mình một con đường, một hướng đi đúng đắn phù hợp với xu thế của thời đại: Đó là con đường cách mạng vô sản, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

3.3. Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

3.3.1. Giai đoạn hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng (1890 -1911)

Ngay từ khi còn nhỏ, Nguyễn Sinh Cung đã tiếp thu nền văn hoá Quốc học và Hán học, bước đầu tiếp nhận nền văn hoá phương Tây từ trường quốc học Huế; chứng kiến nỗi thống khổ của người dân mất nước, cũng như tinh thần đấu tranh bất khuất của thế hệ cha anh. Nhờ đó hoài bão cứu nước cứu dân trong Người bắt đầu hình thành cùng với quyết định chọn hướng đi, cách đi để sớm tới thành công

3.3.2. Giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm và hình thành tư tưởng cứu nước theo lập trường vô sản (Từ 1911 - 1920)

Đây là giai đoạn Nguyễn Tất Thành bôn ba khoảng 30 nước trên các châu lục để tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn trên thế giới và khảo sát cuộc sống của nhân dân các dân tộc bị áp bức.

Tháng 7/1920, được nghiên cứu Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin. Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc.

Tháng 12/1920 Người biểu quyết tán thành đứng về quốc tế III, tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp đã đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc: từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước trở thành người cộng sản.

3.3.3. Giai đoạn hình thành về cơ bản tư tưởng con đường cách mạng Việt Nam (1921 - 1930)

Đây là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc có những hoạt động lý luận và thực tiễn sôi nổi, phong phú. Cụ thể:

- Người hoạt động tích cực trong ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng cộng sản Pháp, tham gia sáng lập hội liên hiệp thuộc địa, xuất bản báo Le Paria nhằm tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin vào các nước thuộc địa trong đó có Việt Nam.
- Tháng 10/1923, tại Mátxcova, Nguyễn Ái Quốc tham dự hội nghị nông dân quốc tế và được bầu làm ủy viên Đoàn chủ tịch Quốc tế Nông dân. Sau đó, Người tiếp tục tham gia đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V và đại hội của một số tổ chức quốc tế như: Quốc tế thanh niên, Quốc tế Cứu tế đỏ, Quốc tế Công hội đỏ.
- Cuối năm 1924, Người tới Quảng châu (Trung quốc); tháng 6/1925 Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, ra báo thanh niên, mở các lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ. Đây là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để chuẩn bị cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.
- Các văn kiện của thời kỳ này như các bài viết trên báo Le Paria, “Bản án chế độ thực dân Pháp” (1925); “Tạp chí thanh niên” (1925-1927); “Đường cách mệnh” (1927) và những bài viết trên các tạp chí: Cộng sản, Đời sống công nhân, thông tin quốc tế... là những công cụ quan trọng trong giáo dục những người Việt Nam yêu nước theo con đường cách mạng vô sản.

Ngày 3-7/2/1930 Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam được tổ chức dưới sự chủ trì trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, hội nghị đã thông qua Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam và lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng.

Các văn kiện quan trọng nói trên đã trở thành cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta - cương lĩnh giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, và đánh dấu sự hình thành cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng của Việt Nam.

3.3.4. Giai đoạn vượt qua khó khăn, thử thách kiên trì với con đường đã định cho cách mạng Việt Nam (1930 - 1941)

Những chủ trương sáng tạo của Hồ Chí Minh không được Quốc tế cộng sản ủng hộ bởi lúc đó Quốc tế cộng sản còn bị chi phối bởi quan điểm “tả khuynh”. Theo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị trung ương tháng 10 -1930 của Đảng ta đã ra nghị quyết thủ tiêu Chánh cương và Sách lược vắn tắt, đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (tháng 8/1935) trước nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới mới, Quốc tế Cộng sản đã nghiêm khắc tự phê bình về những sai lầm “tả” khuynh và quyết định thành lập Mặt trận Dân chủ chống phát xít đã chứng minh những quan điểm đúng đắn, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc và Hội nghị thành lập Đảng.

Cuối tháng 9 năm 1938, Quốc tế Cộng sản đã quyết định điều động Hồ Chí Minh về công tác ở Đông dương. Đây là điều kiện thuận lợi để Hồ Chí Minh biến tư tưởng của mình thành sức mạnh quần chúng đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

Giai đoạn phát triển và thắng lợi của tư tưởng Hồ chí Minh (1941 -1969)

- Tháng 2/1941 Người về nước.
- Tháng 5/1941 Người triệu tập và chủ trì hội nghị TW lần thứ 8 (khoá I) đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, quyết định thành lập mặt trận Việt Minh nhằm đoàn kết mọi lực lượng yêu nước, chống đế quốc, giành độc lập dân tộc.
- 2-9-1945. Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Hồ Chí Minh được bầu làm chủ tịch nước.
- 1946-1954 dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai với chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, chiến tranh nhân dân đã trở thành cơ sở cho đường lối kháng chống thực dân Pháp của Đảng và nhà nước ta, từ đó đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng năm châu.
- Sau 1954, đất nước tạm thời bị chia cắt, đất nước ta bước vào thời kỳ vừa xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, vừa đấu tranh giải phóng Miền Nam. Đây cũng là thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh được bổ sung, phát triển và hoàn thiện trên một loạt vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam: Đường lối chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân; về quá độ lên CNXH ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu không qua TBCN; Về đường lối chiến lược của hai miền; về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam.
- Năm 1969 Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời đã để lại một bản di chúc thiêng liêng cho cả dân tộc. Đây là những lời căn dặn cuối cùng đầy tâm huyết, thấm đượm tình người của Bác, một di sản vô cùng quý báu của dân tộc và nhân loại.

IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.

Luận giải những đóng góp, sáng tạo của Hồ Chí Minh đối với văn minh nhân loại, đặc biệt là với chủ nghĩa Mác-Lênin.

Sự vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người vào sự nghiệp cách mạng Việt Nam, nhất là đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống tri thức đáng tin cậy được Hồ Chí Minh khái quát thành hệ thống lý luận chính trị, những quy luật phổ biến và đặc thù của cách mạng Việt Nam. Cụ thể:

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam:

Nghiên cứu học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là để kiên định mục tiêu, nâng cao nhận thức tư tưởng, cải tiến phương pháp và phong cách công tác của chúng ta, góp phần đưa công cuộc đổi mới đi tới những thắng lợi mới.

2. Cốt lõi tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội,

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh để có thể vận dụng trong thời kỳ đổi mới, để mở cửa, hợp tác, liên doanh, phát triển kinh tế mà vẫn giữ vững được độc lập, chủ quyền dân tộc, không đi chệch hướng mục tiêu bản chất của CNXH, phải tạo ra được năng lực nội sinh cho sự phát triển bền vững đất nước, cái cốt lõi của năng lực nội sinh đó là những định hướng giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh “không có gì quý hơn độc lập tự do”, là “yêu tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu CNXH”.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh là mẫu mực của tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới, sáng tạo.

Học tập nét đặc sắc nhất trong tinh thần Hồ Chí Minh, phong cách Hồ Chí Minh: Độc lập, tự chủ; đổi mới, sáng tạo. Luôn luôn xuất phát từ thực tế, hết sức tránh lặp lại những lỗi cũ, đường mòn, không ngừng đổi mới và sáng tạo

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Đối tượng nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Phương pháp nghiên cứu, học tập tư tưởng.
3. Trình bày khái niệm và hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.
4. Phân tích chức năng của môn tư tưởng Hồ Chí Minh.
5. Điều kiện lịch sử - xã hội Việt Nam và thế giới ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.
6. Phân tích ảnh hưởng của truyền thống văn hóa dân tộc đối với sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.
7. Phân tích ảnh hưởng của tinh hoa văn hóa nhân loại đối với sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.
8. Phân tích vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

9. Phân tích vai trò của nhân tố chủ quan (các phẩm chất riêng có ở Người) trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.
10. Hãy trình bày giai đoạn hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng (1890-1911) và giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm của Nguyễn Tất Thành trên con đường tìm đường cứu nước(1911-1920).
11. Hãy trình bày giai đoạn hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc (1921-1930).
12. Hãy trình bày giai đoạn Nguyễn Ái Quốc vượt qua thử thách, kiên trì con đường, kiên trì con đường đã xác định cho cách mạng Việt Nam (1930-1941).
13. Hãy trình bày giai đoạn phát triển và thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh (1941-1969).
14. Hãy trình bày ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯỞI ĐIỆN THƯỜNG
Km10 Đường Nguyễn Văn Trãi
Tel: (84) 554 11 11 11 Fax: (84) 554 05587
E-mail: info@ptit.edu.vn
Website: <http://www.e-ptit.edu.vn>

CHƯƠNG II

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Học tập và nghiên cứu chương này cần nắm vững những nội dung sau đây:

- Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc
- Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc
- Những giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Vận dụng tư tưởng quan trọng này của người vào sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

NỘI DUNG CHÍNH

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Vấn đề dân tộc mà Hồ Chí Minh đề cập là vấn đề dân tộc thuộc địa mà thực chất là vấn đề đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa nhằm thủ tiêu sự thống trị của nước ngoài, giành độc lập dân tộc, xoá bỏ ách áp bức bóc lột thực dân, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập nhà nước dân tộc độc lập.

Khi cách mạng giải phóng dân tộc đã trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, việc nhân thức và giải quyết vấn đề dân tộc có quan hệ đến toàn bộ đường lối chiến lược, sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc

1.1. Độc lập tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước và đấu tranh cho độc lập tự do. Truyền thống này tạo nên sức sống vững bền, mạnh mẽ chi phối mọi hoạt động của cộng đồng người Việt Nam.

Đối với người dân bị đô hộ thì cái quý nhất trên đời là “độc lập của Tổ quốc và tự do của nhân dân”. Hồ Chí Minh từng nói: Cái mà tôi cần nhất trên đời là: đồng bào tôi được tự do, tổ quốc tôi được độc lập. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tìm hiểu *tuyên ngôn độc lập* của Mỹ 1776, *tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* 1791 của Pháp, từ đó Người khái quát nên chân lý: *Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.*

Năm 1919 Hồ Chí Minh gửi bản yêu sách 8 điểm đòi các quyền tự do dân chủ cho nhân dân Việt Nam tới hội nghị hoà bình Vec-xây. Bản yêu sách chưa đề cập tới vấn đề độc lập hay tự trị, mà tập trung vào hai nội dung cơ bản:

Một là: đòi quyền bình đẳng về chế độ pháp lý cho người bản xứ Đông dương như đối với người châu Âu.

Hai là: đòi các quyền tự do dân chủ tối thiểu cho nhân dân: tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, tự do cư trú, tự do hội họp.

Bản yêu sách đã không được bọn đế quốc chấp nhận. Nguyễn ái Quốc kết luận: Muốn giải phóng dân tộc, không thể bị động trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài, mà trước hết phải dựa vào sức mạnh của chính dân tộc mình

Trong chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt cũng như trong lời kêu gọi sau khi thành lập Đảng, Hồ Chí Minh xác định mục tiêu chính trị của Đảng ta là: a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. b) làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.

Tháng 5/1941 tại hội nghị TW 8: Hồ Chí Minh chỉ rõ “trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy”. Người chỉ đạo thành lập mặt trận Việt minh, ra báo Việt Nam độc lập, và Người đúc kết ý chí đấu tranh của dân tộc Việt Nam trong câu nói bất hủ: “Dù có phải đốt cháy cả dãy trường sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập tự do”.

Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945: “nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Tháng 12-1946 kháng chiến toàn quốc bùng nổ Người ra lời kêu gọi vang dậy núi sông: “Không! chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hồ Chí Minh đưa ra chân lý: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Đây là mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng, đồng thời cũng là nguồn động viên với các dân tộc bị áp bức trên thế giới

1.2. Kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế.

Trong lịch sử, vấn đề dân tộc bao giờ cũng được nhận thức và giải quyết trên lập trường của một giai cấp nhất định. Theo học thuyết Mác-Lênin, chỉ đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản thì mới giải quyết đúng đắn và thành công vấn đề dân tộc. C.Mác khẳng định: “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, tuy hoàn toàn không phải theo nghĩa như giai cấp tư sản hiểu”²

Thời Mác-Ăngghen xuất phát từ yêu cầu và mục tiêu của cách mạng vô sản ở châu Âu, các ông tập trung nhiều hơn về vấn đề giai cấp, các ông không đi sâu giải quyết vấn đề dân tộc; nhất là các ông chưa có điều kiện bàn nhiều về vấn đề dân tộc thuộc địa. Đúng như Lênin nhận xét, đối với hai ông, vấn đề dân tộc là thứ yếu so với vấn đề giai cấp vô sản.

Đến thời đại của Lênin, chủ nghĩa Đế quốc đã thành hệ thống thế giới. Thực tiễn đó đã tạo điều kiện cho Người xây dựng học thuyết về cách mạng thuộc địa. Theo Lênin, cuộc đấu

² sđd, tr. 623 -624

tranh của giai cấp vô sản ở chính quốc sẽ không thể giành được thắng lợi nếu nó không biết liên minh với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa. Bởi vậy khẩu hiệu của Mác được phát triển thành “vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới đoàn kết lại”. Hồ Chí Minh đánh giá cao tư tưởng của Lênin, Người cho rằng: “Lênin đã đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa”

a. Quan điểm của Hồ Chí Minh:

- **Hồ Chí Minh đã nhận thức được mối quan hệ chặt chẽ giữa dân tộc và giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.** Tuy nhiên, khi vận dụng phải biết sáng tạo cho phù hợp với nhiệm vụ cụ thể của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, phù hợp với đặc điểm lịch sử cụ thể của các nước phương Đông.

- Các dân tộc phải biết dựa vào sức của chính mình, đồng thời phải biết tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của giai cấp vô sản và nhân dân thế giới để trước hết giành độc lập dân tộc, từ thắng lợi này tiến lên làm cách mạng XHCN, góp phần vào tiến trình cách mạng thế giới

- Đối với các vấn đề ở thuộc địa, vấn đề mâu thuẫn dân tộc nổi lên hàng đầu, gay gắt, quyết liệt. Vì vậy, trước hết phải đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết. Hồ Chí Minh nêu ra luận điểm: *Các dân tộc thuộc địa trước hết phải đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc, có độc lập dân tộc rồi mới có địa bàn để tiến lên làm cách mạng XHCN và đóng góp thiết thực vào sự nghiệp cách mạng Vô sản thế giới.*

- **Ở các nước thuộc địa, chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là một động lực lớn của đất nước.** Đây là chủ nghĩa dân tộc chân chính. Với dân tộc Việt Nam đó chính là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính của nhân dân Việt Nam đã được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử - là một động lực tinh thần vô giá trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc, nó khác hẳn chủ nghĩa dân tộc xô vanh, vị kỷ của giai cấp tư sản.

Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh ở đây là sự phân tích hoàn cảnh của các nước Đông Dương: kinh tế còn lạc hậu, sự phân hoá giai cấp chưa triệt để, do đó, cuộc đấu tranh giai cấp ở đây không diễn ra quyết liệt như ở Phương Tây. Trong khi đó tinh thần dân tộc chân chính ở các nước này diễn ra rất mạnh mẽ. Vì vậy, những người cộng sản phải biết nắm lấy ngọn cờ dân tộc để giải quyết vấn đề dân tộc trên lập trường của giai cấp vô sản.

b. Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sự vận dụng rõ rệt nhất, tập trung nhất của Hồ Chí Minh về sự kết hợp giữa vấn đề dân tộc và giai cấp trong cách mạng Việt Nam. Sự gắn bó thể hiện ngay khi Người trở thành người cộng sản và cả quá trình phát triển tư duy lý luận của Người.

Theo Hồ Chí Minh “chỉ có giải phóng giai cấp mới có thể giải phóng dân tộc, cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của CNCS & của cách mạng trên thế giới”³ Bởi

³ Hồ Chí Minh: *toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.1, tr.416

vì chỉ có CNXH, CNCS mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Xoá bỏ áp bức dân tộc, mà không xoá bỏ tình trạng bóc lột và áp bức giai cấp thì nhân dân lao động vẫn chưa được giải phóng, do đó, phát triển đất nước theo con đường của CNXH là bảo đảm vững chắc cho nền độc lập của dân tộc

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để tiến lên CNXH và CNXH là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự gắn bó thống nhất giữa độc lập dân tộc và CNXH vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người. *Với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước truyền thống đã phát triển thành chủ nghĩa yêu nước hiện đại, độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.*

c. Độc lập cho dân tộc mình đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc.

Hồ Chí Minh đã khẳng định: quyền tự do, độc lập là quyền bất khả xâm phạm của các dân tộc: “dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Đây chính là sự gắn bó giữa tinh thần dân tộc tự quyết với nghĩa vụ quốc tế; giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng v.v.

Vì vậy năm 1914, khi ở Anh, Người đã đem toàn bộ số tiền dành dụm được từ đồng lương ít ỏi để ủng hộ quỹ kháng chiến của người Anh và nói với bạn mình rằng: chúng ta phải tranh đấu cho tự do, độc lập của các dân tộc khác như là tranh đấu cho dân tộc ta vậy.

Người tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc. Nhưng Người chủ trương ủng hộ cách mạng Trung Quốc, Lào, Campuchia ... vì theo Hồ Chí Minh “giúp bạn là tự giúp mình”

Kết luận:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc vừa mang tính khoa học đúng đắn, vừa có tính chất cách mạng sâu sắc thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, độc lập cho dân tộc mình đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc. Điều đó hoàn toàn phù hợp với nhân định của Ăngghen: "những tư tưởng dân tộc chân chính trong phong trào công nhân bao giờ cũng là những tư tưởng quốc tế chân chính".

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình hoạt động lý luận và thực tiễn của mình đã nêu lên được một hệ thống các luận điểm về cách mạng giải phóng dân tộc như sau:

2.1. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường của cách mạng vô sản

Nghiên cứu phong trào yêu nước và giải phóng dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc tiền bối nhưng Người cũng nhận thấy rõ những hạn chế của các con đường cứu nước đó là chưa có đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn nên cách mạng không thành công.

Sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước cho dân tộc, Người nghiên cứu, khảo sát nhiều cuộc cách mạng trên thế giới. Trong đó có 3 cuộc cách mạng điển hình: cách mạng Mỹ

(1776), cách mạng Pháp (1789), cách mạng tháng 10 của Nga Người đi đến kết luận: Cách mạng Pháp và cách mạng Mỹ đều là những cuộc cách mạng không triệt để và Cách mạng Nga là cuộc cách mạng triệt để nhất vì: Cách mạng Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi lại ra sức cho công nông các nước và các dân tộc bị áp bức, các thuộc địa làm cách mạng để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới. Từ đó, Người khẳng định: **muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.**

Hồ Chí Minh ví: Chủ nghĩa đế quốc như một con đĩa có hai vôi, một vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc, một vôi bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Muốn đánh bại chủ nghĩa đế quốc phải đồng thời cắt cả hai cái vôi của nó đi, tức là phải kết hợp cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng ở thuộc địa; phải xem cách mạng ở thuộc địa như là “một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”, phát triển nhịp nhàng với cách mạng vô sản.

Đây là luận điểm hết sức quan trọng thể hiện sự sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc: đi theo con đường cách mạng vô sản các dân tộc thuộc địa sẽ tìm kiếm được những đồng minh tin cậy, không bị đơn độc trong đấu tranh; đáp ứng được nguyện vọng của dân tộc, của nhân dân, đồng thời phù hợp với xu thế của thời đại cách mạng vô sản được mở ra từ cách mạng tháng Mười; đảm bảo cho cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi triệt để - độc lập dân tộc gắn với tự do hạnh phúc của nhân dân

2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trong phong trào cứu nước, giải phóng dân tộc trước 1930 các hội, đảng, đoàn thể đã xuất hiện như Duy tân hội, Việt Nam quang phục hội, Việt Nam quốc dân Đảng. Những tổ chức này do thiếu một đường lối chính trị đúng đắn, thiếu tổ chức chặt chẽ, thiếu cơ sở rộng rãi trong quần chúng nên đã không thể lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc và dần dần tan rã cùng với khuynh hướng cứu nước phong kiến hay tư sản.

Hồ Chí Minh đã sớm khẳng định: Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân. Đó là Đảng cách mạng nhất, chân chính nhất. Không có Đảng lãnh đạo, cách mạng không thể thắng lợi. Đảng đó phải được xây dựng theo các nguyên tắc Đảng kiểu mới của Lênin, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác-Lênin.

Trên thực tế cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay đã chứng minh được sự khẳng định đó của Hồ Chí Minh.

2.3. Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp đoàn kết toàn dân, trên cơ sở của liên minh công - nông.

Với nhãn quan chính trị sắc bén, Hồ Chí Minh đã sớm nhận rõ mâu thuẫn chủ yếu, nổi bật trong xã hội Việt Nam thuộc địa nửa phong kiến, đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam bị áp bức, bóc lột với chủ nghĩa đế quốc Pháp và bọn bán nước, phản bội quyền lợi dân tộc. Trên cơ sở đó Người khẳng định:

- Cách mạng giải phóng dân tộc là công việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người, vì vậy phải đoàn kết rộng rãi toàn dân không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc, đánh tan giặc Pháp - Nhật. Điều này được thể hiện rõ trong chính sách tập hợp quần chúng của Hồ Chí Minh ngay trong cương lĩnh thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2-1930. Thắng lợi của cách mạng tháng 8/1945 đã chứng tỏ sức mạnh vĩ đại của nhân dân, làm cơ sở cho Hồ Chí Minh khẳng định: “lực lượng nhân dân là lực lượng vĩ đại hơn hết. Không ai chiến thắng được lực lượng đó”.

- Tập trung mọi lực lượng trong mặt trận để chống lại cường quyền nhưng trong sự đoàn kết rộng rãi ấy thì “công-nông là gốc của cách mạng”. Đây là lực lượng bị hai, ba tầng áp bức, là lực lượng đông đảo nhất và có tinh thần cách mạng triệt để nhất.

Đây là tư tưởng độc lập của Bác, không chịu ảnh hưởng của khuynh hướng “tả” trong quốc tế cộng sản.

2.4. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

Đây là luận điểm mới mẻ và sáng tạo của Hồ Chí Minh

Do điều kiện lịch sử chưa cho phép, học thuyết Mác-Lênin chưa đề cập nhiều tới cách mạng giải phóng dân tộc. Trong khi đó, trong phong trào cộng sản quốc tế đã từng tồn tại quan điểm đánh giá thấp vai trò, vị trí của cách mạng thuộc địa và cho rằng cách mạng thuộc địa phụ thuộc cách mạng vô sản chính quốc, cách mạng giải phóng dân tộc chỉ có thể thắng lợi khi cách mạng chính quốc thành công..

Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước từ một nước thuộc địa, bản thân Người là người dân ở nước thuộc địa, là người cộng sản lăn lộn trên phong trào thế giới nên Người có quan điểm riêng: “vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa, gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa, nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa”, nếu khinh thường cách mạng ở thuộc địa tức là “muốn đánh chết rắn đằng đuôi”⁴

Do nhận thức được thuộc địa là một khâu yếu trong hệ thống của chủ nghĩa Đế quốc, do đánh giá đúng đắn sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc. Ngay từ năm 1924 Hồ Chí Minh đã khẳng định: *cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc có liên hệ chặt chẽ với nhau, nhưng cách mạng thuộc địa có thể thắng lợi trước cách mạng chính quốc, thúc đẩy cách mạng chính quốc và “trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”*⁵

⁴ Hồ Chí Minh: toàn tập, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.1, tr.273-274.

⁵ Sđđ, t.1, tr.36

Cách mạng thuộc địa có khả năng chủ động giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Nhưng công cuộc giải phóng đó chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của nhân dân thuộc địa; phải đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, một công hiến rất quan trọng vào kho tàng lý luận Mác-Lênin, đã được thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam chứng minh.

2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang trong nhân dân.

Theo học thuyết Mác-Lênin, có nhiều phương thức giành chính quyền cách mạng từ tay giai cấp thống trị, song kẻ thù không bao giờ tự nguyện giao chính quyền cho nhân dân. Vì vậy, cách mạng muốn thắng lợi phải dùng bạo lực của quần chúng nhân dân.

Đối với các nước thuộc địa, các thế lực đế quốc sử dụng bạo lực để xâm lược và thống trị thuộc địa, đàn áp dã man các phong trào yêu nước, đây là hành động bạo lực của kẻ thống trị đối với người bị thống trị. Vì thế con đường để giành và giữ độc lập dân tộc chỉ có thể là con đường cách mạng bạo lực. Đây là bạo lực của quần chúng gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang với hai hình thức đấu tranh kết hợp với nhau là đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

Hồ Chí Minh khẳng định để đi tới giành chính quyền cách mạng thì con đường bạo lực trước hết phải là cuộc khởi nghĩa vũ trang của quần chúng. Và trong thời đại mới, thời đại của cách mạng vô sản thì cuộc khởi nghĩa vũ trang đó phải có sự liên kết, ủng hộ của cách mạng vô sản thế giới, cách mạng Nga, thậm chí trùng hợp với cách mạng vô sản Pháp.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, nhờ biết kế thừa truyền thống và kinh nghiệm đánh giặc giữ nước của dân tộc, vận dụng sáng tạo lý luận bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tiếp thu tinh hoa lý luận và kinh nghiệm quân sự của thế giới, Hồ Chí Minh đã đề ra và hoàn chỉnh dần về lý luận bạo lực cách mạng ở Việt Nam.

Lý luận bạo lực của Hồ Chí Minh có những nội dung cơ bản sau:

- Bạo lực cách mạng ở VN là sức mạnh tổng hợp của hai yếu tố chính trị và quân sự, hai lực lượng là lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân.
- Cách mạng bạo lực là sử dụng sức mạnh tổng hợp để “chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”.
- Tùy tình hình cụ thể mà quyết định hình thức đấu tranh chính trị và hình thức đấu tranh vũ trang cho thích hợp; sử dụng đúng và khéo léo kết hợp hai hình thức đấu tranh đó để giành thắng lợi cho cách mạng.

Với quan điểm cách mạng bạo lực như vậy, Hồ Chí Minh và Đảng ta đặc biệt coi trọng việc xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng, coi đó là điểm tựa để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tổ chức các hình thức đấu tranh từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, phù hợp với từng lúc, từng nơi cụ thể; kết hợp nổi dậy của quần chúng với tiến công của lực lượng vũ trang nhân dân, từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Khẳng định giải phóng dân tộc bằng con đường cách mạng bạo lực, song Hồ Chí Minh luôn chủ động, tích cực đưa ra giải pháp để tranh thủ khả năng hoà bình và phát triển của cách mạng.

Tư tưởng bạo lực cách mạng và tư tưởng nhân đạo hoà bình thống nhất với nhau trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người chủ trương yêu nước thương dân, yêu thương con người, yêu chuộng hoà bình, tự do, công lý, tranh thủ mọi khả năng hoà bình để giải quyết xung đột, nhưng một khi không tránh khỏi chiến tranh thì phải kiên quyết tiến hành chiến tranh, kiên quyết dùng bạo lực cách mạng, dùng khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng để giành, giữ và bảo vệ hoà bình, vì độc lập tự do của dân tộc. ***Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh tư tưởng này của Hồ Chí Minh là đúng đắn.***

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY.

Một là: Khởi dậy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, nguồn động lực mạnh mẽ để xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Nội lực hiểu một cách toàn diện bao gồm: con người, trí tuệ, truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng, đất đai, tài nguyên, vốn liếng... nhưng tựu trung lại, yếu tố quan trọng nhất, quyết định nhất vẫn là nguồn lực con người với tất cả sức mạnh thể chất và tinh thần của nó.

- Con người Việt Nam vốn có truyền thống gắn kết cộng đồng, có ý chí kiên cường bất khuất, không chịu làm nô lệ, không cam phận nghèo hèn... Điều này được khẳng định trong lịch sử dân tộc mấy nghìn năm qua và trực tiếp trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong công cuộc đổi mới hiện nay cần tiếp tục phát huy truyền thống đó để trở thành nội lực đưa đất nước phát triển lên.

Hai là: Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên quan điểm giai cấp.

- Khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, và vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam - Đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam hơn 70 năm qua.

- Đoàn kết rộng rãi các giai tầng nhưng lấy liên minh công-nông-trí thức là nền tảng tư tưởng.

- Trong đấu tranh giành và giữ chính quyền, cần thiết phải biết sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù.

- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Trên đây là những quan điểm có tính nguyên tắc, bất biến mà chúng ta cần vận dụng quán triệt trong bất cứ hoàn cảnh nào

Trong tình hình thế giới còn nhiều biến động như hiện nay, khi xã hội còn đấu tranh giai cấp, nếu bỏ rơi quan điểm giai cấp, nhấn mạnh vấn đề nhân loại thì sẽ làm suy yếu phong trào cách mạng thế giới, dẫn đến sự tan rã của chế độ XHCN. Song nếu chỉ nhấn mạnh tới vấn đề dân tộc thì dẫn đến chủ nghĩa xô vanh, tới đấu tranh sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, làm mất ổn định chính trị thế giới...

Ba là: Chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc anh em và trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

- Đại đoàn kết các dân tộc anh em trên lãnh thổ Việt nam là một nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

- Trong thời kỳ đổi mới Đảng ta tiếp tục giương cao ngọn cờ đoàn kết, cụ thể:

- ✓ Tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công-nông-trí thức làm nền tảng, lấy mục tiêu độc lập, thống nhất tổ quốc, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh... làm điểm tương đồng.
- ✓ Trong xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, phải chăm lo giải quyết tốt hơn nữa mối quan hệ giữa các dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Đây là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Đại hội đảng IX đã nêu: “vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng” và đề ra mục tiêu cho miền núi là:
 - Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, phát triển sản xuất hàng hoá, xoá đói, giảm nghèo;
 - Giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc;
 - Đặc biệt quan tâm tới vùng gặp nhiều khó khăn, vùng trước đây là căn cứ cách mạng và kháng chiến, tích cực thực hiện chính sách ưu tiên trong việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số.
 - Chống kỳ thị chia rẽ dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, khắc phục tư tưởng dân tộc tự ti, mặc cảm dân tộc.

Kết luận:

Tư tưởng dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc là một nội dung lớn, nổi bật trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Với tư tưởng này, Hồ Chí Minh chẳng những đã đưa nước VN đến độc lập tự do, thống nhất trọn vẹn, mà còn góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới. Với những đóng góp đó Hồ Chí Minh đã được nhân loại tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá thế giới.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Tại sao Độc lập tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm?
2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về quan hệ giữa dân tộc và giai cấp?
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự kết hợp giữa dân tộc với giai cấp
4. Phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội
5. Phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập cho dân tộc mình đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc.

6. Nêu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.
7. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.
8. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh: Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.
9. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh: Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp đoàn kết toàn dân, trên cơ sở liên minh công - nông.
10. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh: Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.
11. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh: Cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang trong nhân dân.
12. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc trong công cuộc đổi mới hiện nay?

CHƯƠNG III

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

- Hiểu được nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam.
- Hiểu rõ được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam.
- Củng cố lòng tin vào sự thắng lợi của CNXH ở Việt Nam và xác định trách nhiệm của bản thân với đất nước, với quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.

1.1. Con đường hình thành tư duy Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam.

Vận dụng và quán triệt quan điểm duy vật về lịch sử của học thuyết Mác xít, Hồ Chí Minh thấy rõ lịch sử xã hội loài người là quá trình tự nhiên của sự thay thế lần lượt các phương thức sản xuất. Quy luật phổ biến, tiến hoá chung này được quyết định bởi sự vận động không ngừng của lực lượng sản xuất. Nội dung cơ bản của học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội được Hồ Chí Minh giải thích đơn giản: *“Cách sản xuất và sức sản xuất phát triển và biến đổi mãi, do đó, mà tư tưởng của người, chế độ xã hội, v. v... cũng phát triển và biến đổi. Chúng ta đều biết từ đời xưa đến đời nay cách sản xuất từ chỗ dùng cày, búa đá, phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ CSNT, đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ TBCN và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ XHCN và chế độ CSCN. Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được”*⁶

Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh còn tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ chủ nghĩa yêu nước và từ phương diện đạo đức, cụ thể:

- *Hồ chí Minh tiếp cận CNXH từ lập trường yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc: với Hồ Chí Minh chỉ có chủ nghĩa xã hội mới cứu được nhân loại, mới thực sự đem lại độc lập, tự do, bình đẳng cho các dân tộc.*
- *Hồ Chí Minh tiếp cận CNXH từ phương diện đạo đức. Theo Hồ Chí Minh:*

⁶ (T9, tr 282).

- Theo Người, chủ nghĩa xã hội với mục tiêu và cơ sở kinh tế công hữu về tư liệu sản xuất của nó sẽ đi đến giải phóng cho cả loài người khỏi áp bức bóc lột, chủ nghĩa xã hội là sự hài hoà giữa cá nhân và tập thể, nó hoàn toàn xa lạ và đối lập với chủ nghĩa cá nhân. Chính vì vậy, thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân.
- Lên án mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân, nhưng Hồ Chí Minh không hề phủ nhận cá nhân, theo Người xã hội tôn trọng mọi cá nhân, đồng thời cá nhân biết đề cao lợi ích xã hội, có thể hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích xã hội.

Hồ Chí Minh “*Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thoả mãn bằng chế độ XHCN*”⁷

Như vậy đối với Hồ Chí Minh chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển mới của đạo đức nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng con người và giải phóng cả loài người

Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ truyền thống lịch sử văn hoá và con người Việt Nam.

- Dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, tinh kết cấu cộng đồng cao - đây là nhân tố thuận lợi để Việt Nam đi vào chủ nghĩa xã hội.
- Văn hoá Việt Nam lấy nhân nghĩa là gốc, có truyền thống trọng dân, khoan dung, hoà mục để hoà đồng. Văn hoá Việt Nam là văn hoá trọng trí thức, hiền tài. Đây là một trong những cơ sở đưa Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa xã hội.
- Con người Việt Nam có tâm hồn trong sáng giàu lòng vị tha, yêu thương đồng loại, kết hợp được cái chung với cái riêng, gia đình với tổ quốc, dân tộc và nhân loại.

Tóm lại: Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là sự thống nhất biện chứng giữa các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội với các nhân tố nhân văn, đạo đức, văn hoá.

1.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội

1.2.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

Một số kiểu quan niệm thường gặp trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội.

- **Quan niệm về chủ nghĩa xã hội một cách tổng quát:** Xem xét Chủ nghĩa xã hội, CNCS như một chế độ xã hội hoàn chỉnh bao gồm nhiều mặt khác nhau của đời sống, là con đường giải phóng nhân loại cần lao, áp bức

Hồ Chí Minh “*chỉ có CNCS mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc, và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết ấm no trên trái đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hoà bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hoà thế giới chân chính, xoá bỏ những biên giới TBCN cho đến nay chỉ là những bức tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau*”⁸.

⁷ (T9 tr291)

⁸ (T1. tr461)

Hoặc: “Muốn cho CNCS thực hiện được cần phải có kỹ nghệ, có đất nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình”⁹

- Quan niệm về chủ nghĩa xã hội dựa vào một mặt nào đó trong xã hội:

Ví dụ:

- ✓ Về phân phối sản phẩm Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ em...”¹⁰
- ✓ Về kinh tế: Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh hai yếu tố: *Chế độ sở hữu và quan hệ phân phối*: làm theo năng lực hưởng theo lao động.
- ✓ Về chính trị: Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh bản chất của chủ nghĩa xã hội, đó là nền dân chủ kiểu mới, một nhà nước của dân, do dân, vì dân. “Nhà nước XHCN và dân chủ nhân dân chỉ lo lợi ích cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, ngày càng được tiến bộ về vật chất và tinh thần, làm cho trong xã hội không có người bóc lột người”¹¹

- Quan niệm về chủ nghĩa xã hội bằng cách xác định mục tiêu, chỉ rõ phương tiện, phương hướng để đạt được mục tiêu đó (đây là kiểu định nghĩa phổ biến mà Hồ Chí Minh hay dùng):

Ví dụ:

- ✓ Hồ Chí Minh đặt câu hỏi: “Chủ nghĩa xã hội là gì? “và Người tự trả lời “là mọi người được ăn no mặc ấm, sung sướng, tự do”¹²
- ✓ Hoặc: “Chủ nghĩa xã hội là gì? Là no ấm. Gì nữa? Là đoàn kết, vui khỏe”, hoặc Người thêm vào một mệnh đề mới “Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân và do nhân dân tự xây dựng lấy”¹³
- ✓ Có khi Bác trả lời trực tiếp về mục đích của Chủ nghĩa xã hội: “Mục đích của Chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân”¹⁴

1.2.2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội

Từ những lời phát biểu ngắn gọn, giản dị, mộc mạc trên của Bác, chúng ta có thể khái quát lên những đặc trưng bản chất sau đây của Chủ nghĩa xã hội về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và con người:

⁹ (T4. tr272)

¹⁰ (T4. tr272).

¹¹ (T8. tr276)

¹² (T8. tr396).

¹³ (T10. Tr461. 556).

¹⁴ (T10. Tr159).

- Chủ nghĩa xã hội là một chế độ do nhân dân làm chủ, nhà nước phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân để huy động được tính tích cực và sáng tạo của nhân dân vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên LLSX hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.
- Chủ nghĩa xã hội là xã hội phát triển cao về văn hoá, đạo đức, con người có cuộc sống vật chất và tinh thần phong phú, được tạo điều kiện để phát triển hết mọi khả năng sẵn có của mình.
- Chủ nghĩa xã hội là một xã hội công bằng và hợp lý, làm theo năng lực hưởng theo lao động, các dân tộc bình đẳng, miền núi được giúp đỡ để tiến kịp miền xuôi.
- Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tóm lại:

- Quan niệm về Chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh là một quan niệm khoa học, hoàn chỉnh, hệ thống, dựa trên học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của Mác, và có bổ sung thêm một số đặc trưng khác phản ánh truyền thống, đặc điểm của Việt Nam.
- Theo Hồ Chí Minh Chủ nghĩa xã hội là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, đạo đức và văn minh, một xã hội ưu việt nhất trong lịch sử, một xã hội tự do và nhân đạo.
- Đại hội toàn quốc lần thứ VII đã thông qua cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã trình bày rõ quan điểm của Đảng ta về Chủ nghĩa xã hội với 6 đặc trưng cơ bản nhất.

1.3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội

1.3.1. Những mục tiêu cơ bản cần đạt tới trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội chính là những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội sau khi được nhận thức để đạt tới trong quá trình xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội là độc lập tự do cho dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân

Hồ Chí Minh quan niệm mục tiêu cụ thể của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là:

- **Mục tiêu chính trị:** Chế độ chính trị mà chúng ta xây dựng là chế độ do nhân dân làm chủ. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình chủ yếu bằng nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong nhà nước đó quyền lực thuộc về nhân dân, chính phủ là đầy tớ của dân.

- **Mục tiêu kinh tế:** *Nền kinh tế mà chúng ta xây dựng là “một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến”*¹⁵

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải được tạo lập trên cơ sở chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, chỉ có sở hữu công cộng mới bảo đảm xoá bỏ vĩnh viễn áp bức, bóc lột do chế độ tư hữu sinh ra. Tuy nhiên ở thời kỳ quá độ, nền kinh tế đó còn tồn tại bốn hình thức sở hữu chính: *toàn dân, HTX, sở hữu của người lao động riêng lẻ, và một ít TLSX thuộc sở hữu của nhà tư bản.*

Đối với các nước lạc hậu chưa trải qua chế độ TBCN thì công nghiệp hoá - hiện đại hoá là một quy luật tất yếu và phổ biến. không có nền công nghiệp hiện đại thì không thể có Chủ nghĩa xã hội, bởi vì Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thắng CNTB khi nó tạo ra được một nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của sức sản xuất, của khoa học và công nghệ

- **Mục tiêu văn hoá - xã hội:**

Nền văn hoá mà Đảng ta và Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng là nền văn hoá vì con người, phục vụ cho con người. Đó là nền văn hoá có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc sâu sắc; biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại, kết hợp với kế thừa và phát triển những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam

- **Về quan hệ xã hội:**

Xã hội mà chúng ta xây dựng là một xã hội công bằng, dân chủ, có quan hệ tốt đẹp giữa người với người; các chính sách xã hội được quan tâm thực hiện; đạo đức, lối sống xã hội phát triển lành mạnh. Một xã hội tôn trọng sự bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ.

1.3.2. Động lực của Chủ nghĩa xã hội:

Động lực được hiểu một cách tóm tắt là tất cả những nhân tố góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua hoạt động của con người.

Hệ thống động lực rất phong phú, theo Bác có 3 nhân tố quan trọng là: vốn, kỹ thuật hiện đại và con người, trong đó con người là quan trọng nhất, bởi vì, *xét tới cùng, các động lực muốn phát huy được tác dụng phải thông qua con người, do đó, bao trùm lên tất cả vẫn là động lực con người trên cả hai bình diện: cộng đồng và cá nhân.*

Phát huy sức mạnh của con người trên bình diện cộng đồng

- Thành phần: bao gồm tất cả các tầng lớp nhân dân như: công nhân, nông dân, trí thức... các tổ chức đoàn thể, các dân tộc và tôn giáo, đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài... trong đó có cả giai cấp tư sản dân tộc, vì theo Hồ Chí Minh, xây dựng **Chủ nghĩa xã hội** không phải chỉ là vấn đề giai cấp mà còn là vấn đề dân tộc, không phải là sự riêng của giai cấp công nhân và nông dân, mà là sự nghiệp của toàn dân tộc.

¹⁵ (T9 tr 588).

- Phát huy sức mạnh toàn dân thông qua vai trò lãnh đạo của Đảng, các chủ trương chính sách của nhà nước và vai trò của các tổ chức chính trị xã hội như mặt trận tổ quốc, công đoàn, đoàn thanh niên và các tổ chức hội trong quần chúng v.v

Phát huy sức mạnh của con người với tư cách cá nhân người lao động

Hồ Chí Minh đề cập một hệ thống nội dung, biện pháp, vật chất và tinh thần, nhằm tạo sức mạnh thúc đẩy hoạt động của người lao động:

- *Tác động vào nhu cầu và lợi ích của con người:* Hồ Chí Minh hiểu hành động của con người luôn luôn gắn liền với nhu cầu và lợi ích của họ. Đi lên Chủ nghĩa xã hội là một trận tuyến mới, càng phải biết kích thích những động lực mới, đó là *lợi ích cá nhân chính đáng của người lao động*.

- Hồ Chí Minh phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân, nhưng Người rất quan tâm tới lợi ích cá nhân chính đáng, coi trọng động lực cá nhân, tìm tòi cơ chế chính sách để kết hợp hài hoà lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân như: khoán, thưởng, phạt trong kinh tế.

- *Tác động vào các động lực chính trị - tinh thần:*

Một là: Phát huy quyền làm chủ và ý thức làm chủ của người lao động trong sở hữu, trong quá trình sản xuất và phân phối. Điều này đòi hỏi cán bộ lãnh đạo phải thực hành dân chủ vì “*đó là cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn*”, tuyệt đối không được chuyên quyền độc đoán. Đồng thời Người nhắc nhở phải quan tâm bồi dưỡng ý thức làm chủ, tâm lý làm chủ cho người lao động để người lao động phải biết gánh vác, lo toan không ỷ lại, không trông chờ.

Hai là: Thực hiện công bằng xã hội chính là tạo động lực cho xã hội

Không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng

Không sợ nghèo chỉ sợ lòng dân không yên

Công bằng chứ không phải cào bằng một cách bình quân, kém, giỏi như nhau, làm triệt tiêu mất động lực kinh tế - xã hội.

Ba là: Sử dụng vai trò điều chỉnh của các nhân tố tinh thần khác: chính trị, văn hoá, đạo đức, pháp luật. Cụ thể:

- Xây dựng lý tưởng chính trị để người lao động “*có ý thức giác ngộ XHCN, một lòng một dạ phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội*”¹⁶
- Phát triển dân trí.
- Giáo dục về pháp lý - đạo đức, con người được giáo dục cao về pháp lý- đạo đức thì khả năng vươn tới cái tốt, cái đẹp, cái đúng càng cao. Cống hiến của họ cho chủ nghĩa xã hội càng tự giác, tích cực và hiệu quả.

Tóm lại: “muốn xây dựng *Chủ nghĩa xã hội*, trước hết cần có những con người *xã hội chủ nghĩa*”. Con người *xã hội chủ nghĩa* theo quan điểm của Hồ Chí Minh phải là con người có tinh thần và năng lực làm chủ, có đạo đức cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư; có kiến

¹⁶ (Sđd t.9 –tr.457).

thức khoa học - kỹ thuật, nhạy bén với cái mới; có tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm... Đó chính là nguồn lực quan trọng nhất để xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội.

Ngoài những động lực trên, Hồ Chí Minh còn nhắc nhiều đến vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực cơ chế, chính sách của nhà nước cùng các vai trò các tổ chức thành viên khác.

Khắc phục những trở lực kìm hãm sự phát triển của Chủ nghĩa xã hội

Để phát huy cao độ động lực của chủ nghĩa xã hội, cần phải phát huy những trở lực kìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Để làm tốt được đòi hỏi này theo Hồ Chí Minh thì toàn Đảng, toàn dân, cán bộ, đảng viên phải làm tốt các việc sau:

- Phải đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, căn bệnh đẻ ra hàng trăm thứ bệnh nguy hiểm: Chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của Chủ nghĩa xã hội, người cách mạng phải tiêu diệt nó, còn chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa xã hội chưa thể thắng lợi hoàn toàn. Hồ Chí Minh chủ trương bảo đảm lợi ích cá nhân nhưng phải tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân.

- Phải đấu tranh chống tham ô lãng phí, quan liêu, nó là bạn đồng minh của thực dân phong kiến. nó phá hoại động lực quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội là con người.

- Phải thường xuyên chống chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết, vô kỷ luật vì những hành động ấy “làm giảm sút uy tín và ngăn trở sự nghiệp của Đảng, ngăn trở bước tiến của cách mạng”¹⁷

Chủ nghĩa chủ quan, bảo thủ, giáo điều, lười biếng không chịu học tập cái mới... cũng là những trở lực đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mà tất cả mọi người phải luôn luôn cảnh giác và chiến thắng chúng mới tạo điều kiện hình thành và phát huy được động lực của chủ nghĩa xã hội

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

2.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội là vấn đề lớn trong lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin cũng như trong thực tiễn khi các nước thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa. Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin thì thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản là một tất yếu khách quan, và có hai con đường quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đó là:

- *Quá độ trực tiếp*: tức là sự quá độ từ những nước TBCN phát triển cao.
- *Quá độ gián tiếp* lên Chủ nghĩa xã hội ở những nước chủ nghĩa tư bản phát triển còn thấp (tiền tư bản).

2.1.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về đặc điểm và mâu thuẫn cơ bản của thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

¹⁷ (T9 tr 288).

Trên cơ sở vận dụng lý luận lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về thời kỳ quá độ và xuất phát từ đặc điểm tình hình thực tế ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa - Đây là hình thức quá độ gián tiếp cụ thể, quá độ từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, *Từ một nước nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu đi lên Chủ nghĩa xã hội. Chính ở nội dung này Hồ Chí Minh đã cụ thể hoá và làm phong phú thêm lý luận Mác-Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.*

Theo Hồ Chí Minh, khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nước ta có những đặc điểm sau đây:

- Đặc điểm bao trùm là: *“Từ một nước nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu tiến thẳng lên Chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển TBCN”*. Đây là đặc điểm chi phối những mâu thuẫn, khó khăn, phức tạp trong quá trình tìm ra con đường với những hình thức, bước đi và cách làm *Chủ nghĩa xã hội* cho phù hợp với Việt Nam.

- Mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước theo xu hướng tiến bộ với thực trạng kinh tế xã hội còn thấp kém của nước ta.

- Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện vừa có hoà bình vừa có chiến tranh, đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền khác nhau. Đây là một hình thức rất sáng tạo độc đáo của Hồ Chí Minh, phản ánh đúng thực tế và quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế thuận lợi. Chủ nghĩa xã hội đã trở thành hệ thống trên thế giới; chúng ta nhận được sự hỗ trợ, hợp tác mạnh mẽ từ bên ngoài theo tinh thần quốc tế chân chính; nhưng mặt khác lại luôn bị chủ nghĩa đế quốc tìm cách phá hoại công cuộc hoà bình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải có ý thức độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi, hạn chế những khó khăn để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Về độ dài của thời kỳ quá độ: Hồ Chí Minh khẳng định: *Thời kỳ quá độ là một thời kỳ lịch sử lâu dài, đầy khó khăn.*

2.1.2. Về nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ:

Một là: xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Tạo lập được các cơ sở chính trị của TKQĐ, tạo lập cơ sở văn hoá, lối sống của chủ nghĩa xã hội.

Hai là: Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo với xây dựng trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm, làm nội dung cốt yếu nhất, chủ chốt, lâu dài. Bởi vì:

- Đây thực sự là cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt của đời sống xã hội, nên đòi hỏi phải giải quyết hàng loạt các mâu thuẫn khác nhau.

- Đây là công việc hết sức mới mẻ, chúng ta chưa có kinh nghiệm, nên phải vừa học vừa làm, do đó, vấp vấp và thiếu sót là khó tránh khỏi.

- Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta luôn bị các thế lực phản động trong và ngoài nước tìm cách chống phá

Nói chung công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình rất khó khăn, đòi hỏi Đảng ta phải xác định được bước đi và hình thức phù hợp, thận trọng, tránh nôn nóng, chủ quan, đốt cháy giai đoạn.

2.1.3. Những nhân tố bảo đảm thực hiện thắng lợi chủ nghĩa xã hội:

- Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.
- Nâng cao vai trò quản lý của nhà nước.
- Phát huy tính tích cực, chủ động của các tổ chức chính trị-xã hội.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức và tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng chủ nghĩa xã hội.

2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là sự nghiệp cách mạng mang tính toàn diện. Hồ Chí Minh đã xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực như sau:

Trong lĩnh vực chính trị:

- Trước hết phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản. Đảng phải được chỉnh đốn, nâng cao sức chiến đấu, có hình thức tổ chức phù hợp để đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ mới. Bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta càng phải thể hiện rõ vai trò là Đảng cầm quyền, không được quan liêu, xa dân, thoái hoá biến chất, làm mất lòng tin ở dân.
- Củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công nhân, nông dân và trí thức, do Đảng cộng sản lãnh đạo.
- Củng cố và tăng cường sức mạnh toàn bộ hệ thống chính trị cũng như các thành tố của nó trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực kinh tế: Hồ Chí Minh đề cập trên rất nhiều bình diện: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý kinh tế. Người nhấn mạnh đến việc tăng năng xuất lao động trên cơ sở tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Một số nội dung chủ yếu của nhiệm vụ kinh tế:

- ✓ Cơ cấu kinh tế: Trong cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, củng cố hệ thống thương nghiệp làm cầu nối tốt nhất giữa các ngành sản xuất xã hội, thoả mãn nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Đây là quan niệm hết sức độc đáo của Hồ Chí Minh.
- ✓ Chế độ và quan hệ sở hữu: Hồ Chí Minh là người đầu tiên chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Người xác định rõ vị trí và xu hướng vận động của từng thành phần kinh tế:
- Ưu tiên phát triển kinh tế quốc doanh để tạo nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

- Nhà nước cần đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ kinh tế hợp tác xã. Về tổ chức hợp tác xã Hồ Chí Minh nhấn mạnh nguyên tắc dần dần, từ thấp đến cao, tự nguyện, cùng có lợi, chống chủ quan, gò ép, hình thức.
 - Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, ra sức hướng dẫn và giúp đỡ những người làm nghề thủ công và lao động riêng lẻ, khuyến khích họ đi vào con đường hợp tác xã.
 - Đối với những nhà tư bản công thương, họ đã tham gia ủng hộ cách mạng dân tộc dân chủ, có đóng góp nhất định trong khi phục hồi kinh tế nên nhà nước không xóa bỏ quyền sở hữu tư liệu sản xuất và của cải của họ, mà hướng dẫn họ hoạt động làm lợi cho quốc tế dân sinh, phù hợp với kinh tế nhà nước, giúp đỡ họ cải tạo theo chủ nghĩa xã hội theo hình thức tư bản nhà nước.
- ✓ Quan hệ phân phối và quản lý kinh tế:
- Người chủ trương và chỉ rõ điều kiện thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động: Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng.
 - Hồ Chí Minh bước đầu đề cập tới vấn đề khoán trong sản xuất: “chế độ khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn tiến bộ, làm cho nhà máy tiến bộ, làm khoán là ích chung và lợi riêng. làm khoán tốt, thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay”¹⁸

Trong lĩnh vực văn hoá - xã hội:

- ✓ Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển xã hội.
- ✓ Hồ Chí Minh đề cao vai trò của văn hoá giáo dục và khoa học kỹ thuật. Người cho rằng, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội nhất định phải có học thức, cần phải học cả văn hoá, chính trị, kỹ thuật. Hồ Chí Minh rất coi trọng việc nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài.
- ✓ Hồ Chí Minh luôn khẳng định vai trò và vị trí của văn hoá trong đời sống xã hội. Từ đó, Người đề ra các nguyên tắc, phương châm xây dựng nền văn hoá mang tính dân tộc, khoa học, đại chúng.

2.3. Về bước đi và phương thức, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2.3.1. Những nguyên tắc có tính chất phương pháp luận để xác định bước đi và phương thức, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng chế độ mới, có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

¹⁸ (Sđd, t.8, tr.341).

Xác định bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tế, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân. Từ đó Hồ Chí Minh mạnh dạn tuyên bố: trong xây dựng chủ nghĩa xã hội “làm trái với Liên Xô, Trung Quốc cũng là Mác-xít”.

2.3.2. Phương châm thực hiện bước đi trong xây dựng chủ nghĩa xã hội:

Dần dần, thận trọng từng bước một, từ thấp đến cao, không chủ quan, nôn nóng; sự tuân tực của bước đi là do điều kiện khách quan quy định. Hồ Chí Minh chỉ rõ bước đi của thời kỳ quá độ ở VN là phải trải qua nhiều bước, “bước ngắn bước dài, tùy theo hoàn cảnh” nhưng “chớ ham làm mau, ham rầm rộ... đi bước nào vững chắc bước ấy, cứ tiến dần dần”

Phải tiến nhanh, tiến mạnh nhưng không làm bừa, làm ẩu mà phải hợp với lòng dân. Hồ Chí Minh cho rằng phù hợp với lòng dân cũng là phù hợp quy luật. Ví dụ trong cải tạo nông nghiệp ở nông thôn Bắc nhắc nhở: chớ sốt ruột, ham mau mà phải làm có nguyên tắc: không cưỡng ép - mọi người đều có lợi - quản trị phải dân chủ. Nếu thực hiện được 3 yếu tố hăng tổ chức hợp tác hoá

Trong các bước đi lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý đến vai trò của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, coi đó là “con đường đi của chúng ta”, là nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng công nghiệp hoá phải trên cơ sở hình thành cho được một nền nông nghiệp toàn diện để giải quyết vấn đề lương thực cho nhân dân và xây dựng một hệ thống tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhẹ để thoả mãn các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của nhân dân.

2.3.3. Phương thức, biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Người luôn luôn nhắc nhở phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, chống giáo điều, rập khuôn kinh nghiệm nước ngoài, phải suy nghĩ tìm tòi, sáng tạo ra cách làm phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Cụ thể:

- ✓ Muốn bớt mò mẫm, đỡ sai lầm ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em nhưng phải biết áp dụng một cách sáng tạo, khắc phục rập khuôn giáo điều, vay mượn sao chép không phù hợp.
- ✓ Phải đi sâu vào thực tiễn để điều tra khảo sát, từ tổng kết thực tiễn mà đề xuất vấn đề phương pháp, lý luận cho cách mạng Việt Nam. (hiện nay tổng kết thực tiễn còn yếu, do đó chậm tìm ra những điển hình).
- ✓ Trong cách mạng chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh có nhiều sáng tạo:
 - Trong bước đi và cách làm chủ nghĩa xã hội. ở Miền Bắc, phải thể hiện được sự kết hợp giữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam: “xây dựng Miền Bắc, chiểu cố Miền Nam”.
 - Khi giặc Mỹ mở rộng chiến tranh ra Miền Bắc, ta có khẩu hiệu “vừa sản xuất vừa chiến đấu” “vừa chống Mỹ cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội”, được thế giới coi là kinh nghiệm sáng tạo của Việt Nam.

- ✓ Phải kết hợp cải tạo với xây dựng trên tất cả các lĩnh vực mà xây dựng là chủ chốt và lâu dài.
- ✓ Trong điều kiện nước ta, xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có kế hoạch, biện pháp: chỉ tiêu một, biện pháp mười, quyết tâm hai mươi... có như thế kế hoạch mới hoàn thành tốt được.
- ✓ Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân, vì vậy biện pháp cơ bản quyết định lâu dài trong xây dựng chủ nghĩa xã hội là “*đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân*”, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Vai trò lãnh đạo của Đảng cầm quyền là tập hợp lực lượng, đề ra đường lối chính sách để huy động và khai thác triệt để các nguồn lực của dân, vì lợi ích của quần chúng lao động.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY CỦA VIỆT NAM.

Trong những năm 1960 công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. ở nước ta chưa thực sự vận động theo đúng quy luật của nó (còn gọi là chủ nghĩa xã hội. thời chiến) nên có nhiều điều Hồ Chí Minh chưa kịp nghĩ, chưa kịp làm, chưa kịp tổng kết.

Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, với những bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều thay đổi so với những năm 1960 ở Miền Bắc, *nhưng những tư tưởng về chủ nghĩa xã hội.và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. vẫn là cơ sở lý luận và phương pháp luận chỉ đạo chúng ta tiếp tục suy nghĩ, sáng tạo để tìm ra những hình thức, bước đi, cách làm trong tình hình mới.* Điều này được thể hiện rõ trong nghị quyết của các đại hội Đảng như: “*ương lĩnh xây dựng đất nước 1991, văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996), IX (2001) và X (2006).*”

Cụ thể Đảng ta khẳng định như sau: Để tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới tiến lên giành những thành tựu mới, Đảng ta đang kiên trì vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm giải quyết tốt các vấn đề dưới đây:

Một là: *Trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

- Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu bất biến mà nhân dân ta đã kiên trì phấn đấu và hy sinh, theo đuổi suốt hơn 70 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bằng kinh nghiệm lịch sử cũng như thực tế của một dân tộc bị nô lệ nhân dân ta hiểu rõ rằng: Muốn biến đổi tình hình nghèo nàn lạc hậu, sau khi giành độc lập nước ta không có con đường nào khác là phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. *Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc.*

Hiện nay chúng ta thực hiện mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh*”, cũng chính là để hoàn thành mục tiêu lý tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh và của nhân dân ta trong hoàn cảnh mới.

Chúng ta kiên quyết thực hiện: Đổi mới nhưng không đổi hướng, không thay đổi mục tiêu, chúng ta kiên định chính từ bài học của Liên Xô và các nước Đông Âu để khẳng định con đường phát triển chủ nghĩa tư bản dứt khoát không phải là con đường lựa chọn của chúng ta.

Tuy nhiên chúng ta cũng phải nhận thấy: Xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ quá chế độ phát triển TBCN là một sự nghiệp khó khăn và phức tạp.

Hiện nay chúng ta chấp nhận nền kinh tế thị trường (*đây là điều mới với chúng ta và chưa có tiền lệ trong lịch sử phong trào công nhân quốc tế*) nên phải chấp nhận cả mặt tích cực và mặt tiêu cực của nó:

- Tích cực: thông qua các quy luật kinh tế của nó để kích thích sản xuất phát triển, làm cho đời sống kinh tế và con người trở nên năng động, nhộn nhịp, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, đào thải những yếu tố bảo thủ, thụ động của kinh tế bao cấp trước kia.
- Tiêu cực: các tệ nạn như buôn gian bán lận, lừa đảo, chạy theo đồng tiền, tham nhũng, ma tuý..., tình trạng phân hoá giàu nghèo, thất học, đói nghèo bị bóc lột ở một bộ phận nhân dân lao động; sự thoái hoá biến chất ở một số bộ phận cán bộ có chức có quyền...biến họ thành những phần tử phá hoại từ bên trong, thành chỗ dựa cho những âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch từ bên ngoài.

Vấn đề đặt ra lúc này là:

- Làm thế nào để sử dụng các hình thức, các phương tiện của CNTB nhằm phục vụ đắc lực cho chủ nghĩa xã hội, mà không đi chệch sang CNTB, vẫn giữ được định hướng chủ nghĩa xã hội.
- Tăng trưởng kinh tế đi đôi với công bằng xã hội, với sự lành mạnh về đạo đức và tinh thần.

Những câu trả lời không có sẵn trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng Người chỉ cho ta phương hướng và phương pháp suy nghĩ để tìm ra những giải pháp hữu hiệu mà không đi chệch mục tiêu và bản chất của chủ nghĩa xã hội, mà Hồ Chí Minh đã vạch ra.

Hai là: *Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do đó cần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, trước hết là nguồn lực nội sinh, để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.*

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là một yêu cầu có tính quy luật đối với các nước nông nghiệp lạc hậu quá độ lên chủ nghĩa xã hội. chưa qua giai đoạn phát triển CNTB, nhằm tranh thủ thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ, của giao lưu quốc tế để phát triển đất nước.

Để CNH-HĐH thành công → cần phát huy tất cả nguồn lực bên trong và bên ngoài, nhưng lấy nguồn lực bên trong là chủ yếu, cụ thể:

- Sử dụng tốt nguồn lực bên trong để sử dụng tốt và có hiệu quả nguồn lực bên ngoài.

- Phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân, tạo không khí dân chủ, cởi mở, nâng cao dân trí để người dân có thể tham gia vào mọi công việc của nhà nước.
- Thực hiện nhất quán chiến lược đoàn kết của Hồ Chí Minh, trên cơ sở của liên minh công - nông - trí thức, đồng thời tranh thủ sự đóng góp, ủng hộ của tất cả những ai tán thành đổi mới vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Ba là: *Đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.*

Công cuộc đổi mới của chúng ta diễn ra trong điều kiện thế giới đang có nhiều thuận lợi, chúng ta phải tranh thủ tối đa mọi cơ hội tốt để thu hút vốn đầu tư, khai thác và sử dụng tốt nhất các nguồn lực bên ngoài.

Tranh thủ đi đôi với khơi dậy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc, cảnh giác trước mọi âm mưu của các thế lực thù địch nước ngoài.

Giao lưu hội nhập đồng thời phải không ngừng trau dồi bản lĩnh và bản sắc văn hoá dân tộc, đặc biệt cho thanh niên. Chỉ có bản lĩnh và bản sắc dân tộc sâu sắc, mạnh mẽ mới tạo ra bộ lọc tốt nhất để tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, đồng thời có sức đề kháng tốt nhất chống lại mọi văn hoá độc hại từ bên ngoài xâm nhập vào.

Bốn là: *Xây dựng Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu tham nhũng, thực hiện cẩn kiệm xây dựng CNXH*

Xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng để Đảng CSVN xứng đáng là tổ chức duy nhất lãnh đạo cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Phải làm trong sạch bộ máy nhà nước, những người thừa hành công vụ phải trong sạch, liêm khiết, phải thực sự là người đầy tớ trung thành và tận tụy của dân như Bác Hồ mong muốn. Bởi vì: *dù Đảng và nhà nước có đường lối, chính sách đúng đắn nhưng đội ngũ cán bộ thừa hành không tận tụy, mẫn cán, lại hà lạm, sách nhiễu, tham nhũng, cửa quyền... thì chẳng những họ không làm cho đường lối chính sách đó đi vào lòng dân, mà có khi họ còn trở thành nguyên nhân trực tiếp gây nên những điểm nóng, có thể dẫn tới bùng nổ xã hội không thể xem thường.*

Để tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng với dân, muốn thế phải quyết tâm làm trong sạch bộ máy nhà nước, loại trừ những phần tử thoái hoá biến chất, làm cho nhà nước ta thực sự là “của dân, do dân, vì dân”, vì chính *tệ quan liêu tham nhũng, mất dân chủ, tác phong hách dịch, cửa quyền, lối sống xa hoa lãng phí, thiếu đạo đức... của một bộ phận cán bộ có chức, có quyền đã gây nên những vụ bất bình trong dân, làm đổ vỡ niềm tin của quần chúng vào tương lai XHCN.*

Sự phát triển nền kinh tế hàng hoá cũng đang kích thích lòng ham muốn vật chất và lối sống tiêu dùng trong một bộ phận cán bộ và nhân dân, do đó:

- Phải tiết kiệm trong mọi lĩnh vực, nếu không như Bác Hồ nói: “*sản xuất mà không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống, không lại hoàn không*”, như vậy tiết kiệm không chỉ là một nếp sống đạo đức, nó là một chính sách kinh tế.

- Hơn nữa, *tiết kiệm còn là vấn đề chính trị*: vì những kẻ xa hoa lãng phí đều dẫn đến xâm phạm tài sản của nhân dân.

Tóm lại:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam thực sự là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho sự nghiệp đổi mới của chúng ta hiện nay.
- Trong giai đoạn đổi mới đất nước hiện nay, cần tiếp tục đẩy mạnh chính sách đổi mới mọi mặt nhằm củng cố lòng tin của nhân dân vào CNXH.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày con đường hình thành tư duy Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam.
2. Hãy trình bày quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
3. Hãy phân tích những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội
4. Hãy phân tích những mục tiêu cơ bản cần đạt tới trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
5. Hãy phân tích những động lực và khắc phục những trở lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội:
6. Trình bày những quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc điểm và mâu thuẫn cơ bản của thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
7. Hãy trình bày những nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ, những nhân tố đảm bảo thực hiện thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
8. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
9. Phân tích những nguyên tắc có tính chất phương pháp luận để xác định bước đi và phương thức, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
10. Trình bày phương châm thực hiện, bước đi trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
11. Trình bày phương thức, biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
12. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội vào công cuộc đổi mới hiện nay.

CHƯƠNG IV

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC; KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Hiểu rõ những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc
- Hiểu rõ những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc
- Hiểu được quá trình hình thành cũng như những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại
- Thấy được sự cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh về lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trong giai đoạn hiện nay.

NỘI DUNG CHÍNH

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC.

Đại đoàn kết là tư tưởng xuyên suốt và nhất quán trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh.

Tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh đã trở thành chiến lược cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam suốt từ khi ra đời đến nay. Thực hiện tư tưởng chiến lược đại đoàn kết đó, Đảng cộng sản Việt Nam đã tập hợp phát huy sức mạnh dân tộc và quốc tế, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

1.1.1. Nền tảng văn hoá truyền thống Việt Nam.

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã dần hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp, tạo nên bản sắc văn hoá của dân tộc, tạo nên sức mạnh của cả cộng đồng trong suốt trường kỳ lịch sử. Những đặc trưng chủ yếu của văn hoá truyền thống Việt Nam là:

- Giá trị nhân văn, nhân bản trong truyền thống yêu nước của dân tộc. Tinh thần yêu nước gắn liền với ý thức cộng đồng, ý thức cố kết dân tộc, đoàn kết dân tộc đã được hình thành và củng cố trong hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước của cả dân tộc, tạo thành một truyền thống bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam. Tinh thần ấy, ý thức ấy đã tạo nên sức mạnh vô địch của cả dân tộc để chiến thắng mọi thiên tai địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

- Truyền thống lấy nhân nghĩa làm gốc, “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy trí nhân thay cường bạo”.

- Nền văn hoá Việt Nam trọng đạo lý làm người, mà đạo lý hàng đầu là đề cao trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng trong cấu trúc xã hội truyền thống: gia đình- làng xã - Tổ quốc. Lợi ích của gia đình làng xã cũng phải đặt trong lợi ích của quốc gia, dân tộc.

- Nền văn hoá lấy dân làm gốc. Phép giữ nước của cha ông ta là “trên dưới một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào”.

- Nền văn hoá Việt Nam là khoan dung, hoà hợp, hoà đồng

1.1.2. Văn hoá nhân loại:

- Văn hoá phương Đông có nhiều giá trị mang ý nghĩa tích cực. Đó là tư tưởng đại đồng, tư tưởng “quốc dĩ dân vi bản” (nước lấy dân làm gốc) của Nho giáo; tư tưởng “từ bi hỷ xả, cứu khổ, cứu nạn”, “cầu đồng tồn dị” của Phật giáo.

- Văn hoá phương Tây bao gồm các trào lưu dân chủ tư sản; tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, chủ nghĩa nhân văn. Tất cả tuy còn hạn chế, nhưng Hồ Chí Minh đã chọn lọc những hạt nhân hợp lý, gạn đục khơi trong để phục vụ sự nghiệp cứu nước cứu dân.

1.1.3. Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin - Cơ sở lý luận quan trọng nhất.

Chủ nghĩa Mác –Lênin khẳng định vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, chính quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử.

Giai cấp vô sản muốn thực hiện được vai trò lãnh đạo cách mạng thì “phải vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc” có nghĩa là lợi ích của giai cấp vô sản phải thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Giai cấp vô sản phải tổ chức và đoàn kết lực lượng toàn dân tộc và cả với giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới.

Phải lấy liên minh công - nông làm cơ sở để xây dựng lực lượng đoàn kết dân tộc, nếu không có sự đồng tình và ủng hộ của đa số nhân dân lao động thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được.

Đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế mới giành được thắng lợi hoàn toàn trong cuộc đấu tranh chống CNĐQ.

Như vậy, nhờ có học thuyết Mác-Lênin mà Hồ Chí Minh đã tìm thấy những giá trị tích cực cũng như những hạn chế của các học thuyết, tổng hoà lại và nâng lên một tầm cao mới

1.1.4. Hồ Chí Minh tổng kết những kinh nghiệm thành công và thất bại của các phong trào yêu nước, phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới.

Từ phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã thấy rõ nguyên nhân thất bại của các phong trào. Đó là sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối, về giai cấp lãnh đạo. Từ đó Người nhận thấy thực tiễn xã hội đòi hỏi phải có lực lượng lãnh đạo cách mạng mới, đề ra được một đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử và những yêu cầu của thời đại mới, đủ sức quy tụ cả dân tộc vào cuộc

đấu tranh chống đế quốc thực dân, xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc bền vững thì mới giành được thắng lợi. Đây là điểm xuất phát để Hồ Chí Minh xác định: Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta.

Trong quá trình đi tìm đường cứu nước:

- Hồ Chí Minh khảo sát tình hình các nước Tư bản chủ nghĩa và các nước thuộc địa ở hầu khắp các châu lục. Người đã nghiên cứu các cuộc cách mạng tư sản, đặc biệt là cách mạng Mỹ năm 1776 và cách mạng Pháp năm 1789 → Người tìm thấy nguyên nhân dẫn tới thắng lợi của giai cấp Tư sản là họ biết giương cao khẩu hiệu: tự do, dân chủ, bình đẳng, bác ái để tập hợp lực lượng chống phong kiến. Nhưng cách mạng tư sản là “cách mạng không đến nơi đến chốn” vì giành chính quyền xong họ quay lưng lại với những người lao động.

- Tổng kết cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa, Hồ Chí Minh thấy rõ sức mạnh tiềm ẩn to lớn của họ, và cũng thấy rõ những hạn chế của họ như: các dân tộc thuộc địa chưa có được sự lãnh đạo đúng đắn, chưa biết đoàn kết lại, chưa có tổ chức và chưa biết tổ chức thành mặt trận rộng rãi trong nước và trên thế giới để chống kẻ thù chung là chủ nghĩa tư bản..

- Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga 1917 đã giúp Hồ Chí Minh thấy rõ tầm quan trọng của việc đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng, trước hết là giai cấp công nhân và nông dân.

1.1.5. Từ yếu tố chủ quan của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh có lòng yêu nước, thương dân, trọng dân, tin dân, kính dân. Tất cả đã tạo nên ở Hồ Chí Minh sức cảm hoá rất lớn và giúp Người thể hiện được tư tưởng của mình.

Với Bác, con người và tư tưởng hoà quyện vào nhau, con người làm ngời sáng tư tưởng, tư tưởng làm đẹp thêm con người.

1.2. Những Quan điểm cơ bản trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

1.2.1. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, đại đoàn kết không phải là một thủ đoạn chính trị nhất thời mang tính chất sách lược, mà đại đoàn kết là vấn đề sống còn, có ý nghĩa chiến lược lâu dài, là vấn đề có tầm vóc rất cao, là vấn đề cốt lõi để phân biệt tư tưởng đại đoàn kết của Bác với tư tưởng tập hợp lực lượng của những người đứng đầu ở các nước khác. Bởi vì, Hồ Chí Minh xác định đoàn kết là lẽ sinh tồn của dân tộc. “Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”.

Từ khi Đảng ta ra đời, đại đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh thật sự là một bộ phận hữu cơ trong đường lối cách mạng của Đảng. Chỉ có đoàn kết thì mới tạo ra sức mạnh đưa cách mạng tới thành công. Như vậy “đoàn kết là điểm mệ”, “Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt”.

1.2.2. Đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.

Hồ Chí Minh nói với dân tộc: “Mục đích của Đảng lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: đoàn kết toàn dân, phụng sự tổ quốc”. Bởi vậy tư tưởng đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt trong mọi đường lối, chính sách của Đảng và chính phủ.

Xét về bản chất thì đại đoàn kết dân tộc chính là đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, là sự nghiệp cách mạng do quần chúng tiến hành. Cách mạng là cuộc chiến đấu khổng lồ, không tập hợp được lực lượng quần chúng, sẽ không thắng lợi. Kẻ thù mới là chủ nghĩa thực dân tìm mọi cách “chia để trị”. Chính vì vậy, Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, đoàn kết muôn người như một, để chuyển những đòi hỏi khách quan của, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức, thành sức mạnh vô địch của quần chúng thực hiện mục tiêu cách mạng của quần chúng.

Như vậy đại đoàn kết dân tộc vừa là mục tiêu, mục đích nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, đồng thời cũng là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc.

1.2.3. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân.

“Dân” theo quan niệm của Hồ Chí Minh là đồng bào, là anh em một nhà. “Dân” không phân biệt già, trẻ, gái, trai, giàu, nghèo, sang, hèn. “Dân” là toàn dân, toàn dân tộc Việt Nam, bao gồm dân tộc đa số, thiểu số cùng sống trên một dải đất Việt Nam., cũng như những người Việt Nam sống ở nước ngoài. Như vậy, “Dân” có biên độ rất rộng, vừa được hiểu là mỗi cá nhân “mỗi con rồng cháu tiên”, vừa là toàn thể đồng bào “mọi công dân nước Việt”. Như vậy, Hồ Chí Minh đã dùng khái niệm đại đoàn kết dân tộc để định hướng cho việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam bao gồm mọi giai cấp, dân tộc, tôn giáo.

Hồ Chí Minh nhận thức rõ ràng về vai trò của dân. Dân là gốc rễ, là nền tảng của nước. Dân là người chủ của nước, là chủ thể đại đoàn kết. Dân là lực lượng quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, nên Hồ Chí Minh quan niệm đại đoàn kết là “ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân, thật thà tán thành hoà bình, thống nhất, độc lập dân chủ thì ta thật thà đoàn kết với họ”.

Nguyên tắc thực hiện đại đoàn kết dân tộc, đại đoàn kết toàn dân:

- Vì dân không phải là một khối thuần nhất, mà là một cộng đồng gồm nhiều giai cấp, dân tộc, tầng lớp, có lợi ích chung và riêng, có thái độ và vai trò khác nhau đối với sự phát triển của xã hội. Nên muốn đại đoàn kết thì cần phải hiểu dân, tin dân, dựa vào dân. Tránh quan điểm giai cấp đơn thuần, cứng nhắc, không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng, Cần xoá bỏ hết thành kiến, phải thật thà đoàn kết; đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Người từng nói: “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy mươi triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta”.

- Muốn đại đoàn kết toàn dân phải khai thác được những yếu tố tương đồng, hạn chế những điểm khác biệt trong các mối quan hệ phức tạp như: Cá nhân - tập thể; gia đình - xã

hội; bộ phận - toàn cục; giai cấp - dân tộc. Theo Hồ Chí Minh, đã là người Việt Nam (trừ Việt gian bán nước) đều có những điểm chung: Tổ tiên chung; lòng yêu nước; kẻ thù chung là chủ nghĩa thực dân; nguyện vọng chung là độc lập, hoà bình, thống nhất, tự do, hạnh phúc. Từ những hiểu biết đó để khi giải quyết mối quan hệ giai cấp - dân tộc, phải dựa trên nhận thức khoa học và cách mạng. Nghĩa là giai cấp - dân tộc là một thể thống nhất, biện chứng, là một cấu trúc hữu cơ không thể cắt rời. Giai cấp nằm trong dân tộc và phải gắn với dân tộc, “trở thành dân tộc” như cách nói của Mác.

- Nắm vững quan điểm giai cấp, quan điểm quần chúng, Hồ Chí Minh đã chỉ ra giai cấp công, nông là lực lượng đông đảo nhất, bị áp bức nặng nề nhất, có tinh thần cách mạng triệt để nhất, nên trong khối đoàn kết toàn dân (công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác), phải lấy liên minh công-nông-lao động trí óc làm nền tảng. Nền tảng càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng được có thể mở rộng, mà không một thế lực nào có thể làm suy yếu khối đoàn kết toàn dân.

1.2.4. Đại đoàn kết phải có tổ chức, có lãnh đạo.

Đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa chiến lược, có tổ chức, có lãnh đạo, không phải là sự tập hợp ngẫu nhiên, tự phát, cảm tính, mà được xây dựng trên một cơ sở lý luận khoa học nhằm hoàn thành mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đại đoàn kết phải trở thành sức mạnh vật chất, thành lực lượng vật chất có tổ chức và tổ chức đó chính là *Mặt trận dân tộc thống nhất* để vừa đông về số lượng, vừa nâng cao về chất lượng (*điều mà các phong trào yêu nước trước đây không làm được*).

Ngay sau khi tìm được con đường cứu nước đúng đắn, Hồ Chí Minh đã quan tâm tới vấn đề tổ chức phù hợp với giai cấp, tầng lớp, ngành nghề, lứa tuổi, phù hợp với từng bước phát triển của cách mạng. Từ khi Đảng ra đời, Hồ Chí Minh tập trung xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất quy tụ mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Tuỳ từng giai đoạn cách mạng, Đảng đã xây dựng các tổ chức: Hội phản đế đồng minh (1930); Mặt trận dân chủ (1936); Mặt trận nhân dân phản đế (1930); Mặt trận Việt Minh (1941) v.v. Mặt trận có mục tiêu chung là vì độc lập thống nhất tổ quốc, vì hạnh phúc, tự do của nhân dân.

Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng theo những nguyên tắc nhất định:

- Nền tảng của mặt trận là liên minh công - nông - lao động trí óc, để từ đó mặt trận sẽ quy tụ được cả dân tộc, tập hợp được toàn dân, đoàn kết thành một khối vững chắc.

- Lấy lợi ích tối cao của dân tộc gắn với lợi ích của các tầng lớp nhân dân lao động làm cơ sở. Đó là tổ quốc độc lập, thống nhất, nhân dân tự do, hạnh phúc, dân giàu, nước mạnh. Đồng thời phải quan tâm tới lợi ích chính đáng của cá nhân, bộ phận, giải quyết thoả đáng mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng.

- Hoạt động của mặt trận theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ. Đại đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, thật sự, chân thành, thiết thực, rộng rãi, vững chắc cùng nhau xây dựng đời sống hoà thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc.

- Đoàn kết gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết. Nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, chống cô độc, hẹp hòi và đoàn kết một chiều.

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đây vừa là một nguyên tắc của mặt trận, vừa là một quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết.

- Đảng Cộng sản là thành viên của mặt trận, nhưng lại là thành viên lãnh đạo mặt trận. Vì vậy, Đảng là linh hồn của khối đại đoàn kết toàn dân. Đảng phải xác định mình là Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam, để mỗi một người Việt Nam yêu nước luôn tự hào về Đảng của mình.

- Đảng phải “vừa là đạo đức, vừa là văn minh”; phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc.

- Đảng phải tỏ ra “là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất, phải có chính sách đúng đắn và có năng lực lãnh đạo” thì mới giành được địa vị lãnh đạo mặt trận.

- Đảng lãnh đạo mặt trận bằng việc xác định chính sách mặt trận đúng đắn. Đảng cần tuyên truyền, giáo dục, nêu gương, lấy lòng chân thành để đối xử, cảm hoá, kêu gọi tinh thần tự giác, tự nguyện, tôn trọng các tổ chức, lắng nghe ý kiến người ngoài Đảng.

- Đảng phải thực sự đoàn kết nhất trí; giữ gìn sự thống nhất của Đảng như con người của mắt. Sự đoàn kết trong Đảng là quan trọng hơn bao giờ hết. Sức mạnh của Đảng là ở sự đoàn kết nhất trí.

1.2.5. Đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế.

Khi nói đại đoàn kết dân tộc trong thời đại mới, theo lập trường vô sản, theo ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin là đã bao hàm cả nội dung đoàn kết quốc tế. Tức là phải thống nhất lợi ích dân tộc với lợi ích quốc tế; chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, đặc biệt từ khi được ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin rọi chiếu, Hồ Chí Minh đã ý thức rằng phải đưa cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận hữu cơ của cách mạng thế giới.

Thực hiện đoàn kết quốc tế, Hồ Chí Minh quan tâm tới mọi lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Đó là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh cho hoà bình, dân chủ, tiến bộ thế giới. Người đặc biệt quan tâm và chú trọng xây dựng tình đoàn kết của ba nước trên bán đảo Đông Dương, các nước láng giềng trong ba tầng mặt trận: mặt trận đoàn kết dân tộc; mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào; mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam.

Đoàn kết quốc tế không chỉ là sự tiếp nhận một chiều của nhân dân thế giới, mà còn giải phóng góp phần tích cực đối với cách mạng thế giới. Phải xác định “giúp bạn là giúp mình”; “thắng lợi của bạn cũng là thắng lợi của mình” và “muốn người ta giúp, trước hết mình phải tự cứu mình, không ỷ lại, chờ đợi; phải tự chủ, tự lực, tự cường”.

Đoàn kết quốc tế phải tuân thủ các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, cùng có lợi, tăng cường hoà bình, hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI.

2.1. Nhận thức của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại

2.1.1. Nhận thức của Hồ Chí Minh về sức mạnh của dân tộc

Theo Hồ Chí Minh sức mạnh dân tộc đó chính là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước; tinh thần đoàn kết; ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập tự do; ý thức tự lực tự cường. Cụ thể:

- Sức mạnh của dân tộc trước hết thể hiện ở tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường → nó làm cho dân tộc Việt Nam không bị đồng hoá trong 1000 năm Bắc thuộc, không bị diệt vong dưới ách thống trị của thực dân phương Tây
- Truyền thống yêu nước là hạt nhân của truyền thống dân tộc, nó không phải chỉ là một tình cảm tự nhiên bẩm sinh mà được hình thành và phát triển trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Với dân tộc Việt Nam, lòng yêu nước trở thành sức mạnh và chủ nghĩa yêu nước VN, một thứ đạo lý, một lẽ sống cho mọi người dân, cũng trở thành tiêu chí cao nhất để đánh giá một con người.

Hồ Chí Minh đã nâng lòng yêu nước lên thành lòng yêu nước XHCN: yêu nước gắn liền với đấu tranh cho thắng lợi của CNXH. Lòng yêu nước XHCN là sự kết hợp nhuần nhuyễn của việc yêu quý độc lập dân tộc, tự do dân chủ và CNXH ==> lòng yêu nước XHCN đã trở thành sức mạnh to lớn của nhân dân ta trong gần 70 năm qua.

Tinh thần, ý chí độc lập tự chủ, tự cường và lòng yêu nước sở dĩ phát huy được sức mạnh to lớn của nó vì đã kết liền nhân dân thành một khối vững chắc không gì lay chuyển nổi. Đó là sự đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân..

Tổng hợp các sức mạnh của dân tộc, Hồ Chí Minh làm nổi bật sức mạnh của con người Việt Nam. Đó là sức mạnh của thể lực và trí tuệ, sức mạnh của bề dày lịch sử và hiện tại; sức mạnh của sự thông minh và lòng dũng cảm; của lòng tin chân chính không gì lay chuyển nổi

2.1.2. Sức mạnh của thời đại.

Thời đại ngày nay là thời đại quá độ đi lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới, mở đầu bằng thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại.

Sức mạnh của thời đại ngày nay được thể hiện ở những yếu tố sau:

- Một là: sức mạnh của nhân dân các nước thuộc địa trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, sức mạnh này sẽ được nhân lên gấp nhiều lần vì nó gắn với cuộc cách mạng vô sản trong thời đại mới.

- Hai là: sức mạnh của giai cấp vô sản và cách mạng vô sản. Hồ Chí Minh “muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”
- Ba là: Sự phát triển của lực lượng sản xuất, của cách mạng khoa học kỹ thuật – một động lực phát triển xã hội..

Nhận thức của Hồ Chí Minh về dân tộc và sức mạnh dân tộc, về thời đại và sức mạnh của thời đại là cơ sở phương pháp luận khoa học cho chúng ta suy nghĩ và hành động.

2.2. Những nguyên tắc cho sự kết hợp:

Một là: Những người bị áp bức ở tất cả các nước hẳn phải hiểu: “đâu là những người anh em thực sự và đâu là kẻ thù của họ”. Nguyên tắc này chỉ đạo việc đoàn kết nhân dân thế giới trong một mặt trận cùng nhau chống kẻ thù chung.

Hai là: Không nhìn nhận thời đại trong trạng thái “tĩnh” mà luôn nhìn nhận trong sự vận động không ngừng của chúng, sự thay đổi trong sự tập hợp lực lượng giữa các tác nhân tạo ra xu thế, để từ đó tiên đoán triển vọng tình hình, vạch ra đường lối chủ trương đấu tranh.

Ba là: Hồ Chí Minh chú ý khai thác những đặc điểm riêng của mỗi dân tộc mà không trái với đường lối chung của cách mạng thế giới, cũng như vận dụng những bài học kinh nghiệm của các nước vào cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam ==> không rơi vào giáo điều, công thức cũng như không xa rời nguyên tắc đấu tranh cách mạng.

2.3. Nội dung của sự kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại

Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại có những nội dung chủ yếu sau:

2.3.1. Đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ hữu cơ với cách mạng vô sản thế giới.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã sớm nắm bắt chính xác đặc điểm và xu thế phát triển của thời đại. Người đã nhận thức được một thời đại mới được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười và giai cấp công nhân là “nhân vật” trung tâm của thời đại mới. Đồng thời, chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, xuất hiện trào lưu thực dân, hình thành hệ thống thuộc địa và mâu thuẫn cơ bản xuất hiện: mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc. Trong bối cảnh đó, vận mệnh mỗi quốc gia, dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người. Hồ Chí Minh khẳng định: “Thời đại của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn cũng là thời đại một nhóm nước lớn do bọn tư bản tài chính cầm đầu thống trị các nước phụ thuộc và nửa phụ thuộc, bởi vậy công cuộc giải phóng các nước và các dân tộc bị áp bức là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản. Do đó, mà trước hết xảy ra khả năng và sự cần thiết phải có liên minh chiến đấu chặt chẽ giữa các dân tộc thuộc địa với giai cấp vô sản của các nước đế quốc để thắng kẻ thù chung”.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã nhận thức được hạn chế của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và các phong trào cách mạng toàn thế giới lúc bấy giờ. Ở Việt Nam, tuy có liên hệ với nước ngoài, nhưng mục đích chủ yếu là cầu viện. Trên thế giới, các phong trào giải phóng dân tộc hoạt động và

cổ vũ lẫn nhau. Từ đó, Người tích cực hoạt động với nhận thức “cách mạng Việt Nam là một bộ phận trong cách mạng thế giới”. Những hoạt động đầu tiên của Hồ Chí Minh sau khi tiếp nhận được ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin đều mang tính quốc tế. Người tham gia sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa (1921), Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông (1925). Đặc biệt trên các diễn đàn quốc tế, Hồ Chí Minh khẳng định vai trò của thuộc địa và sự cần thiết liên minh chiến đấu giữa cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản ở chính quốc.

2.3.2. Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh đề cao và nhấn mạnh chủ nghĩa yêu nước chân chính với ý nghĩa là một bộ phận của tinh thần quốc tế; đồng thời Người đấu tranh không mệt mỏi chống mọi biểu hiện “sô vanh”, “vị kỷ” nhằm mở rộng và tăng cường đoàn kết quốc tế, hợp tác hữu nghị giữa các dân tộc.

Khắc phục hạn chế của các bậc tiền bối, Hồ Chí Minh nhận rõ đâu là bạn ta, đâu là thù ta. Người không đánh đồng bọn thực dân độc ác với những người yêu chuộng hoà bình, công lý trên thế giới và ở các nước có bọn đi xâm lược. Trong bài viết năm 1919 với tiêu đề “Tâm địa thực dân”, Người chỉ rõ: “Chúng tôi đã nhấn mạnh những chữ những tên thực dân độc ác và những viên chức tàn bạo, vì chúng tôi biết rằng có những người thực dân chính trực và những viên chức công bằng”. Suốt trong hai thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, Hồ Chí Minh vẫn luôn đề cao văn hoá Pháp và ca ngợi truyền thống đấu tranh cho độc lập, tự do của nhân dân Mỹ.

Con đường cứu nước của nhân dân Việt Nam theo Hồ Chí Minh là con đường cách mạng vô sản, tức độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đây thực chất là sự gặp gỡ giữa tinh hoa của dân tộc với tinh hoa của thời đại. Vì vậy, chủ nghĩa yêu nước truyền thống phải phát triển thành chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa; kết hợp lòng yêu nước với yêu chủ nghĩa xã hội. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm vững chắc thành quả độc lập dân tộc; mới tạo ra một bước phát triển về chất trong tiến trình lịch sử. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới huy động được sức mạnh các trào lưu cách mạng thế giới, mới làm cho sức mạnh dân tộc được nhân lên gấp bội. Vì vậy, quá trình đấu tranh cách mạng phải có lòng chí công vô tư, tức không phải chỉ của cả đại gia đình xã hội chủ nghĩa. Đồng thời phải chống chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, chủ nghĩa “sô vanh” nước lớn. Phải góp phần tăng cường tinh đoàn kết quốc tế trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình.

2.3.3. Đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới trên tinh thần độc lập tự chủ, dựa vào sức mình là chính.

Hồ Chí Minh quan tâm đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới: phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; phong trào giải phóng dân tộc; phong trào đấu tranh cho hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước và tăng cường đoàn kết quốc tế nhưng không ỷ lại, mà phải nêu cao tinh thần “tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”. Ngay từ năm 1919, Người đã nhận thấy rằng “chủ nghĩa Uynxon chỉ là một trò bịp lớn”. Vì vậy, “muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình” phải “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”; “muốn người ta giúp mình trước hết mình phải tự cứu lấy mình”

Đoàn kết quốc tế theo quan niệm của Hồ Chí Minh là “có vay, có trả”. Ta không nhận sự giúp đỡ một chiều của bạn bè quốc tế, mà phải góp phần tăng cường sức mạnh đoàn kết quốc tế. Phải xác định “giúp bạn là tự giúp mình”. Thắng lợi của mình cũng là thắng lợi của bạn bè quốc tế; ngược lại thắng lợi của bạn bè quốc tế cũng là thắng lợi của chính mình.

Tóm lại: trong quá trình hoạt động cách mạng, đặc biệt là từ sau Đại chiến thế giới lần thứ hai, Hồ Chí Minh nhận thức được các nước đều mang tính quốc tế và Người đã “quốc tế hoá” vấn đề Việt Nam, nghĩa là gắn phong trào đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam với các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Với sự nhạy bén về chính trị, Người đã tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ của các lực lượng cách mạng tiến bộ trên tinh thần độc lập tự chủ. Nhờ đó, cách mạng Việt Nam đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VÀ SỨC MẠNH THỜI ĐẠI TRONG THỜI ĐẠI HIỆN NAY CỦA VIỆT NAM.

Nhận thức đúng về tính chất của thời đại, đặc biệt giai đoạn hiện nay của thời đại chúng ta để có những đường lối, chủ trương, biện pháp khoa học, có hiệu quả.

Tình hình thế giới đã đang và sẽ còn phức tạp với những xu hướng và tác động khác nhau, chúng đan xen vào nhau, có khi trái ngược nhau, có lúc trùng hợp ==> có những thuận lợi song cũng không ít khó khăn ==> chúng ta phải biết tận dụng thời cơ để cùng phát triển.

Trước những bối cảnh thế giới có những biến đổi sâu sắc, trong giai đoạn hiện nay chúng ta cần chú ý vận dụng những quan điểm của Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại như sau:

Một là: Đảng ta luôn xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng vô sản toàn thế giới, Việt Nam tiếp tục đoàn kết và ủng hộ các phong trào cách mạng, các xu hướng và trào lưu tiến bộ của thời đại vì các mục tiêu hoà bình, độc lập, dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ==> Việt Nam tiến hành đổi mới là góp phần thiết thực vào đổi mới CNXH, vào sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân thế giới.

Hiện nay cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa CNXH và CNTB trên phạm vi toàn thế giới vẫn đang tồn tại, mục tiêu bất biến của chúng ta vẫn là độc lập dân tộc và đi lên CNXH, có như vậy chúng ta mới giữ vững được độc lập dân tộc, thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước thành công.

Hai là: Giữ vững nguyên tắc độc lập tự chủ, tự lực tự cường, chủ trương tận lực phát huy sức mạnh dân tộc... trên cơ sở đó để tranh thủ và tận dụng được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của lực lượng bên ngoài, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu cách mạng mỗi thời kỳ.

Trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH hiện nay, chúng ta phải mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, tranh thủ vốn, kinh nghiệm quản lý, công nghệ và ra nhập thị trường quốc tế, nhưng phải trên cơ sở độc lập tự chủ, phát huy đầy đủ các tiềm năng nội lực, dựa vào các nguồn lực trong nước là chính... Nếu không độc lập tự chủ, không phát huy đầy đủ nội lực thì không thể đứng vững và đi lên một cách vững chắc, lâu bền và cũng không thể hội nhập kinh tế quốc tế một cách bình đẳng..

Chỉ có phát huy cao nhất các nguồn nội lực, trước hết là nguồn lực con người, chúng ta mới có thể thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài, mới bảo vệ được độc lập, chủ quyền khi hội nhập với thế giới.

Ba là: Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho đường lối ngoại giao rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá, hợp tác nhiều mặt với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tranh chấp tồn tại bằng hoà bình thương lượng.

Hiện nay cục diện thế giới và khu vực đang còn nhiều biến động, đang tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định, cụ thể như Việt Nam:

- Việt Nam với nhiều ưu thế về địa chính trị, tiềm năng về mọi mặt → Việt Nam có khả năng tham gia giải quyết các vấn đề khu vực và thế giới. Song cũng tạo nguy cơ Việt Nam trở thành địa bàn tranh chấp, xung đột lợi ích chiến lược giữa các nước lớn, giữa các lực lượng.
- Việt Nam tiến hành đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế trong điều kiện hệ thống XHCN lâm vào thoái trào → lực lượng đế quốc đẩy mạnh tiến công bằng “diễn biến hoà bình” → suy yếu, lật đổ CNXH ở Việt Nam.
- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và xu thế toàn cầu hoá đang phát triển → thời cơ, thách thức lớn cho các nước.

Trước bối cảnh đó, để đứng vững và phát triển, chúng ta phải xử lý khéo léo các mối quan hệ: chủ động thực hiện đa dạng hoá, đa phương hoá, mở rộng tối đa quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước có chế độ xã hội khác nhau → từ đó tạo thế đứng lâu dài và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích những giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại trong quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.
2. Tại sao chủ nghĩa Mác-Lênin là Cơ sở lý luận quan trọng nhất cho việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc?
3. Phân tích nhân tố chủ quan của Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng tư tưởng đại đoàn kết dân tộc
4. Trình bày những Quan điểm cơ bản trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

5. Phân tích nội dung: Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.
6. Phân tích nội dung: Đại đoàn kết phải có tổ chức, có lãnh đạo trong tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh?.
7. Nhận thức của Hồ Chí Minh về sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại
8. Trình bày những nguyên tắc cho sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.
9. Trình bày nội dung của sự kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại?
10. Phân tích nội dung kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội:
11. Phân tích nội dung: Đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới trên tinh thần độc lập tự chủ, dựa vào sức mình là chính:
12. vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện hiện nay.

CHƯƠNG V

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN

Từ một người yêu nước, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, trở thành người cộng sản của phong trào cộng sản quốc tế, chiến sỹ kiên cường của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Nguyễn Ái Quốc đã xác định con đường cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản. Từ đó Người chuẩn bị về chính trị tư tưởng tổ chức cho sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam lên tầm cao mới. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 đưa tới sự ra đời của nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam là một di sản quý báu của Đảng ta, là vấn đề nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nó gắn liền với cuộc đời, sự nghiệp của Người. Tư tưởng về Đảng Cộng Sản Việt Nam là nền móng để Hồ Chí Minh xây dựng luận lý luận về một nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân không những có ý nghĩa lý luận trong việc khẳng định cống hiến to lớn của Người đối với việc phát triển học thuyết Mác Lênin về Đảng cộng sản, về xây dựng nhà nước vô sản ở một nước thuộc địa, mà còn có ý nghĩa thực tiễn to lớn trong giai đoạn hiện nay. Lý luận đó giúp chúng ta vận dụng sáng tạo trong việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với nhiệm vụ trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Nắm vững hệ thống lý luận về Đảng cộng sản Việt Nam trong tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Nắm vững quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.
3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam về nhà nước của dân, do dân, vì dân là một hệ thống rộng lớn, phong phú. Trong khuôn khổ của bài xin đề cập tới những nội dung chủ yếu nhất.

NỘI DUNG

I. NHỮNG LUẬN ĐIỂM CHỦ YẾU CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1.1. Đảng cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi

Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin về vai trò sáng tạo chân chính ra lịch sử của quần chúng nhân dân xuất phát về điều kiện thắng lợi trong việc thực hiện xư mệnh lịch sử của giai cấp công nhân phải liên minh giai cấp, phải có Đảng lãnh đạo, từ truyền thống yêu nước của dân tộc. Hồ Chí Minh đã khẳng định:

“Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn chiến thắng”¹⁹.

Với khát vọng cứu nước, giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã khẳng định cách mạng Việt Nam muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Cách mạng muốn thắng lợi phải tập hợp, vận động, tổ chức được quần chúng nhân dân vì: “Cách mạng là việc chung của dân chúng chứ không phải việc riêng của một hai người. Muốn vậy phải có một đường lối đúng đắn để dẫn dắt, soi đường. Do đó yêu cầu khách quan là phải có một chính đảng ra đời. Trong cuốn “Đường cách mệnh” Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Cách mệnh trước hết phải có cái gì? trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái vững thì thuyền mới chạy”²⁰.

Rõ ràng sự ra đời của Đảng cộng sản là một tất yếu khách quan để tiến hành thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Chỉ có Đảng cách mệnh mới giải quyết được nhiệm vụ mà lịch sử đề ra.

Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam còn chính sự thất bại của các phong trào yêu nước đi theo hệ tư tưởng phong kiến, tư sản mà các nhà chí sĩ yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã tiến hành.

Đảng cộng sản Việt Nam ra đời còn từ vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam mà Hồ Chí Minh đã phát hiện ra.

Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, lợi ích của Đảng gắn chặt với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc nên Đảng có khả năng lôi kéo, vận động, tập hợp, tổ chức và đoàn kết các tầng lớp cách mạng theo một đường lối và phương châm đúng. Với đường lối đúng đó Đảng lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh giành chính quyền và sử dụng chính quyền đó xây dựng đất nước. Bàn về vai trò của Đảng, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ:

“Muốn khỏi đi lạc phương hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định phương châm đúng.

¹⁹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 9, tr 290

²⁰ Sách đã dẫn T2, tr 267-268

Cách mạng là cuộc đấu tranh rất gian khổ. Lực lượng kẻ địch rất mạnh. Muốn thắng lợi thì quần chúng phải tổ chức rất chặt chẽ, chí khí phải kiên quyết. Vì vậy phải có Đảng để tổ chức và giáo dục nhân dân thành một đội quân thật mạnh để đánh đổ kẻ địch tranh lấy chính quyền. Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng vẫn cần có đảng lãnh đạo”²¹.

Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam là tất yếu. Chính vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam là một thực tế chứng minh điều đó. Mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều gắn với sự lãnh đạo của Đảng. Hạ thấp và xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đều là sự xuyên tạc lịch sử, đi ngược với nguyện vọng của nhân dân.

1.2. Đảng cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước

Một trong những công hiến xuất sắc của Hồ Chí Minh đối với phát triển chủ nghĩa Mác Lênin là luận điểm về sự thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở nước thuộc địa nửa phong kiến.

Khi phân tích tình hình kinh tế - xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa cũng như tình hình cụ thể của nước Nga, Lênin đã đưa ra luận điểm về qui luật chung hình thành Đảng cộng sản: là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân. Chủ nghĩa Mác là cơ sở lý luận để dẫn dắt phong trào công nhân. Phong trào công nhân là cơ sở xã hội, là sức mạnh vật chất của chủ nghĩa Mác.

Xuất phát từ thực tiễn của Việt Nam, Hồ Chí Minh bổ sung thêm yếu tố thứ ba, đó là phong trào yêu nước. Nhân kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng, Hồ Chí Minh khẳng định trong bài Ba mươi năm hoạt động của Đảng: chủ nghĩa Mác Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước dẫn tới việc thành lập Đảng cộng sản Đông Dương năm 1930.

Đây là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin về qui luật hình thành Đảng cộng sản, nó phù hợp với thực tiễn Việt Nam vì các lý do sau:

Một là, phong trào yêu nước của Việt Nam là yếu tố trường tồn tạo nên truyền thống của dân tộc Việt Nam: đấu tranh kiên cường để bảo vệ độc lập dân tộc.

Phong trào yêu nước có từ hàng nghìn năm xây dựng và giữ nước của dân tộc, nó trở thành giá trị truyền thống của dân tộc, nó có trước phong trào công nhân. Khi Pháp xâm lược Việt Nam, phong trào tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của dân tộc.

Hai là, phong trào công nhân Việt Nam ra đời ở đầu thế kỷ XX. Khi phong trào phát triển, đã kết hợp ngay được với phong trào yêu nước vì có mục tiêu chung là đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Ba là, nói đến phong trào yêu nước Việt Nam phải nói đến phong trào nông dân. Điều đó cũng có nghĩa là phong trào công nhân kết hợp được với phong trào nông dân.

²¹ Sách đã dẫn T7, tr 228-229

Đầu thế kỷ XX, nông dân Việt Nam chiếm trên 90% dân số. Do đặc điểm riêng của giai cấp công nhân nên công nhân và nông dân là bạn đồng minh tự nhiên. Đây là cơ sở để kết hợp sức mạnh hai phong trào nông dân và phong trào công nhân.

Bốn là, nói đến phong trào yêu nước còn kể đến phong trào yêu nước của trí thức, tiểu tư sản... đây là nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố dẫn tới sự ra đời của Đảng cộng sản.

Đây là lực lượng yêu nước, tuy số lượng không nhiều nhưng có vai trò là “ngòi nổ” cho các phong trào yêu nước, họ là lực lượng chủ động và có cơ hội đón “các luồng gió mới” về tư tưởng của thế giới dội vào Việt Nam.

Như vậy từ chủ nghĩa yêu nước đến phong trào công nhân rồi đến với chủ nghĩa Mác Lênin, đó là con đường mà Hồ Chí Minh và những người cộng sản đã đi, để dẫn tới sự ra đời của Đảng cộng sản.

Từ những vấn đề trên dẫn tới hệ luận:

Không phải mọi người Việt Nam yêu nước đều là người cộng sản, nhưng việc tiếp nhận đường lối của Đảng cộng sản là điều kiện để xác định mục tiêu yêu nước.

Có những người cộng sản trước hết phải là những người yêu nước, hơn nữa những người yêu nước tiêu biểu, phải thường xuyên truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin vào phong trào yêu nước và phong trào công nhân.

Ngay từ khi thành lập Đảng cộng sản mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc đã được đặt ra và giải quyết để thúc đẩy phong trào phát triển.

1.3. Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam

Thực chất đây là quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp của Đảng. Để cập đến bản chất giai cấp của Đảng, Hồ Chí Minh có hai cách thể hiện:

Cách thứ nhất, thể hiện trong sách lược văn tắt, chương trình văn tắt, điều lệ tóm tắt. Trong sách lược văn tắt, Hồ Chí Minh viết: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp.”²² Trong chương trình văn tắt: “Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản.”²³. Trong điều lệ tóm tắt: “Tôn chỉ: Đảng cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp đấu tranh để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa làm cho thực hiện xã hội cộng sản”²⁴. Cách diễn đạt này của Hồ Chí Minh trùng với quan điểm của Lê nin: Đảng cộng sản Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân.

Cách thể hiện thứ hai, trong báo cáo chính trị Đại hội II của Đảng (2/1951).

Khi cả nước đang tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. “Trong giai đoạn này quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của cả dân tộc là một. Chính

²² Sách đã dẫn T3, tr2,3,4

²³ Sách đã dẫn T3, tr2,3,4

²⁴ Sách đã dẫn T3, tr2,3,4

vì Đảng lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam". Hồ Chí Minh khẳng định như vậy về bản chất giai cấp của Đảng, nó không phải là Đảng của toàn dân mà vẫn mang bản chất giai cấp công nhân vì: đây vẫn là giai cấp duy nhất gánh vác được sứ mệnh lịch sử đại diện cho hiện tại và tương lai của đất nước.

Vấn đề quan trọng chi phối nhất là nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng đó là cơ sở để xác định bản chất giai cấp công nhân.

Về thành phần, Đảng lao động Việt Nam sẽ kết nạp những công nhân, nông dân, lao động trí óc, thật hăng hái, thật giác ngộ cách mạng.

Về lý luận, Đảng lao động Việt Nam theo chủ nghĩa Mác Lênin.

Về tổ chức, Đảng lao động Việt Nam theo chế độ tập trung dân chủ.

Về kỷ luật, Đảng lao động Việt Nam phải có kỷ luật sắt đồng thời là kỷ luật tự giác.

Về luật phát triển, Đảng lao động Việt Nam dùng lối phê bình và tự phê bình để giáo dục Đảng viên, giáo dục quần chúng.

Năm 1953, Hồ Chí Minh viết: “Đảng lao động là tổ chức cao nhất của giai cấp cần lao và đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc”²⁵. Năm 1957 Hồ Chí Minh lại chỉ rõ: Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc.

Miền Bắc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, năm 1961 Người lại khẳng định: “Đảng ta là Đảng của giai cấp đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, không thiên vị.

Năm 1965 Hồ Chí Minh một lần nữa chỉ rõ: Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Mặc dù có nhiều cách thể hiện khác nhau nhưng quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp của Đảng là mang bản chất giai cấp công nhân. Điều này cũng giống như tên gọi của Đảng không phải lúc nào cũng mang tên Đảng cộng sản nhưng bản chất của Đảng mang bản chất của giai cấp công nhân. Luận điểm của Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp của Đảng định hướng cho việc xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam thành một Đảng gắn bó máu thịt với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc trong mọi giai đoạn, mọi thời kỳ cách mạng Việt Nam. Tuyệt đại đa số nhân dân Việt Nam đều là Đảng viên hay không đều cảm thấy Đảng cộng sản là Đảng của mình, của Bác Hồ.

1.4. Đảng Cộng Sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác Lê Nin làm “cốt”

Hồ Chí Minh đã chỉ rõ muốn cách mạng vô sản thành công phải dựa vào lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác Lê Nin.

Trong huấn luyện cán bộ cách mạng 1927, Người chỉ rõ: “Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”²⁶. Hồ Chí

²⁵ Sách đã dẫn T3, tr3

²⁶ Sách đã dẫn T2, tr259

Minh đã thấy tính cách mạng khoa học trong chủ nghĩa Lê Nin: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lê Nin”²⁷. Khẳng định như vậy không có nghĩa là phủ nhận chủ nghĩa Mác mà đương nhiên cũng khẳng định chủ nghĩa Mác: Muốn Cách Mạng vô sản thành công phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lê Nin. Đó là học thuyết cách mạng và khoa học chỉ rõ sự diệt vong tất yếu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, đó là học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh đã khẳng định rõ: Chủ nghĩa Mác-Lê Nin là lực lượng tư tưởng hùng mạnh chỉ đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam, làm cho Đảng trở thành hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc Việt Nam. Với ý nghĩa đó, Chủ nghĩa Mác Lê Nin làm “cốt”, trở thành nền tảng tư tưởng kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tuy lấy Chủ nghĩa Mác Lê Nin làm cốt cho Đảng Cộng Sản Việt Nam nhưng Hồ Chí Minh lưu ý, khi tiếp nhận và vận dụng Chủ nghĩa Mác Lê Nin không nên giáo điều theo câu chữ mà phải cách tân, sáng tạo. Phải lưu ý:

Một là: Học tập, nghiên cứu, tuyên truyền nâng cao trình độ về Chủ nghĩa Mác Lê Nin phải luôn luôn phù hợp với hoàn cảnh và phù hợp với từng đối tượng.

Hai là: vận dụng Chủ nghĩa Mác Lê Nin phải luôn luôn phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: khi vận dụng chủ nghĩa Mác Lê Nin phải tránh giáo điều, tránh xa rời các nguyên tắc căn bản mà phải học tập vận dụng tinh thần, quan điểm, phương pháp của Chủ nghĩa Mác Lê Nin.

Ba là, Đảng Cộng Sản Việt Nam phải chú ý học tập, kế thừa kinh nghiệm của các Đảng anh em, tổng kết kinh nghiệm của mình bổ sung vào Chủ nghĩa Mác Lê Nin.

Bốn là, Đảng Cộng Sản Việt Nam phải tăng cường đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của Chủ nghĩa Mác Lê Nin. Đó là chống lại các luận điểm sai trái xuyên tạc Chủ nghĩa Mác Lê Nin, chống lại giáo điều, cơ hội, xét lại, phủ nhận Chủ nghĩa Mác Lê Nin.

1.5. Đảng Cộng Sản Việt Nam phải được xây dựng theo những nguyên tắc của Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân

Nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới đã được Lê Nin xây dựng để phân biệt với các Đảng cơ hội trong quốc tế II. Hồ Chí Minh khẳng định và phát triển các nguyên tắc đó như sau:

Một là, Nguyên tắc tập trung dân chủ

Hồ Chí Minh nhấn mạnh nguyên tắc này theo quan điểm của Lê Nin, Người khẳng định đây là nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt, bao trùm quá trình tồn tại và phát triển của Đảng. Tập trung và dân chủ là hai mặt của nguyên tắc, có quan hệ khăng khít: Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Người viết: “Chế độ ta là chế độ dân

²⁷ Sách đã dẫn T2, tr268

chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý”²⁸.

Rõ ràng để đạt được dân chủ phải từ hai phía: người chủ trì và người tham gia bàn bạc.

Tập trung: Đảng phải thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động. “Đảng ta tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người”²⁹.

Hai là, Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Đây là nguyên tắc lãnh đạo của Đảng. Hồ Chí Minh đã phân tích nguyên tắc này trong tác phẩm “sửa đổi lối làm việc”.

Tập thể lãnh đạo vì:

Một người dù tài giỏi đến mấy cũng không thể thấy hết mọi mặt của một vấn đề, không thấy hết mọi việc, không hiểu biết mọi chuyện.

Vì vậy cần nhiều người tham gia lãnh đạo vì: nhiều người thì nhiều kiến thức, người hiểu mặt này, người hiểu mặt kia, người hiểu việc này, người hiểu việc khác. Ý nghĩa của việc lãnh đạo tập thể rất đơn giản “Đại bày hơn khôn độc”.

Cá nhân phụ trách vì: việc gì đã được tập thể bàn bạc kỹ lưỡng, kế hoạch đã được định rõ thì cần: giao cho một người phụ trách, nếu giao cho một nhóm thì cũng cần có người phụ trách. Như thế công việc mới chạy, mới tránh dựa dẫm. ý nghĩa cũng đơn giản: nếu không giao cho cá nhân phụ trách thì giống: nhiều sãi không ai đóng cửa chùa.

Hồ Chí Minh đã đi đến kết luận: Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan kết quả là hỏng việc. Phụ trách không do cá nhân thì sẽ đi đến tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng hỏng việc. Tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là dân chủ tập trung.

Đây là nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng phải chú ý khắc phục tệ độc đoán, chuyên quyền, đồng thời phải chống dựa dẫm tập thể, không quyết đoán, sợ trách nhiệm.

Ba là, Nguyên tắc tự phê bình và phê bình

Đây là nguyên tắc do Lê Nin nêu ra, đó là nguyên tắc sinh hoạt Đảng. Hồ Chí Minh gọi là luật phát triển của Đảng.

Theo Hồ Chí Minh, mục đích của tự phê bình và phê bình là làm cho phần tốt trong con người nảy nở như hoa mùa xuân, phần xấu bị mất dần đi để hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ.

Sở dĩ phải thực hiện nguyên tắc này vì Đảng từ trong dân lập nên, Đảng bao gồm những người ưu tú nhất, kiên quyết nhất, tiên tiến nhất nhưng trong Đảng cũng không tránh khỏi khuyết điểm, không phải mọi cá nhân đều hoàn thiện mà đều có cái thiện cái ác. Mặc

²⁸ Sách đã dẫn T8, tr26

²⁹ Sách đã dẫn T5, tr553

khác những căn bệnh ngoài xã hội cũng ngấm vào Đảng. Do vậy phải thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Người đã chỉ rõ: “Muốn đoàn kết chặt chẽ trong Đảng, ắt phải thống nhất tư tưởng, mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng tự phê bình và phê bình”³⁰. Mục đích của phê bình và tự phê bình là làm cho Đảng mạnh về chính trị - tư tưởng – tổ chức.

Đề cập tới thái độ, phương pháp phê bình – tự phê bình Hồ Chí Minh chỉ rõ: Phải được tiến hành thường xuyên như người ta rửa mặt hàng ngày, phải kiên quyết, thẳng thắn, không nề nang, phải trung thực, thành khẩn, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Người cũng phê phán hiện tượng bao che, lảng tránh khuyết điểm hoặc dĩ hòa vi quý hoặc lợi dụng phê bình để nói xấu, vu dập người khác.

Bốn là, Nguyên tắc kỷ luật nghiêm minh, tự giác.

Sức mạnh vô địch của Đảng là tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức nghiêm minh của cán bộ, đảng viên.

Nghiêm minh là thuộc về tổ chức Đảng vì: đó là kỷ luật đối với mọi cán bộ, đảng viên, không phân biệt cán bộ lãnh đạo cao hay thấp, hay là cán bộ, đảng viên thường...tất cả đều phải bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, Pháp luật nhà nước.

Tự giác là thuộc về mỗi cán bộ, đảng viên: tuân thủ kỷ luật Đảng cũng phải tự giác, tự giác về nhiệm vụ của họ đối với Đảng.

Yêu cầu cao nhất của kỷ luật Đảng là chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, các nguyên tắc tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt của Đảng. Mỗi đảng viên phải trở thành kiểu mẫu về chấp hành kỷ luật Đảng, kỷ luật của đoàn thể và cơ quan chính quyền nhà nước, có như vậy uy tín của Đảng mới cao, sức mạnh của Đảng mới được tăng cường.

Năm là, Nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Đoàn kết thống nhất trong Đảng không những tăng cường sức mạnh của Đảng mà còn là cơ sở đoàn kết thống nhất trong toàn dân. Đoàn kết trong Đảng dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác Lê Nin, cương lĩnh đường lối, quan điểm và điều lệ Đảng, nghị quyết của tổ chức Đảng các cấp. Đoàn kết thống nhất trong Đảng còn trên cơ sở các nguyên tắc xây dựng Đảng: Mở rộng dân chủ, tập trung, tự phê bình.

Đảng viên phải tu dưỡng đạo đức thường xuyên, chống chủ nghĩa cá nhân. Nhiệm vụ cách mạng càng phát triển thì sự đoàn kết thống nhất ngày càng quan trọng, càng phải được tăng cường.

1.6. Tăng cường và củng cố mối quan hệ bền chặt giữa Đảng và dân

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn được dân thừa nhận và tin cậy vì Đảng vừa là người lãnh đạo và là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Hai mặt lãnh đạo và đầy tớ không tách rời nhau, đối lập nhau mà luôn thống nhất. Lãnh đạo có nghĩa là làm đầy tớ.

³⁰ Sách đã dẫn T7, tr492

Năm 1951 tại đại hội II Hồ Chí Minh nói: Đảng lao động Việt Nam không sợ kẻ địch nào dù cho chúng có hung tợn đến mấy, nhưng Đảng lao động Việt Nam sẵn sàng làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành cho nhân dân. Đảng sẽ mất vai trò lãnh đạo nếu Đảng xa rời dân, quan liêu hách dịch với dân.

Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, từ đó Đảng trở thành Đảng cầm quyền. Đảng trực tiếp lãnh đạo nhà nước, Đảng càng ý thức mình là đầy tớ của dân. Đảng không đứng trên dân, trên nhà nước. Đảng cầm quyền nhưng dân là chủ.

Để tăng cường củng cố mối quan hệ bền chặt giữa Đảng và dân, Hồ Chí Minh chỉ rõ phải thực hiện các yêu cầu:

Một là, Đảng phải thường xuyên lắng nghe ý kiến của nhân dân, hiểu rõ tâm tư nguyện vọng của nhân dân, kiên quyết khắc phục bệnh quan liêu trong tổ chức Đảng và Đảng viên.

Hai là, thương xuyên vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng bằng mọi hình thức: Tích cực đóng góp ý kiến cho các tổ chức Đảng với tinh thần xây dựng, bằng việc giới thiệu quần chúng ưu tú cho Đảng kiểm tra, kiểm soát tổ chức Đảng, Đảng viên... nhưng quan trọng nhất là tích cực thực hiện đường lối của Đảng, biến đường lối thành hiện thực.

Ba là, Đảng co trách nhiệm nâng cao dân trí.

Đảng từ dân mà ra, do vậy nâng cao dân trí góp phần quyết định đền một Đảng trí tuệ, ngang tầm nhiệm vụ. Vấn đề này liên quan đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và giáo dục đào tạo nói riêng.

Bốn là, trong quan hệ với dân Đảng không được theo đuôi quần chúng. Đảng phải có bản lĩnh vững vàng để xử lý các công việc đưa ra những quyết định đúng đắn, vừa để nâng cao giác ngộ cho nhân dân vừa để chuyển hoá nhân dân theo hướng tích cực vì: theo Hồ Chí Minh dân có ba hạng: hạng hăng hái, hạng vừa vừa, hạng kém hoặc ba lớp: có lớp tiên tiến, có lớp lưng chừng, có lớp lạc hậu. Đảng phải chuyển hóa nhân dân thành “hạng hăng hái, lớp tiên tiến” để họ thực hiện tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình với đất nước.

1.7. Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn

Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo xã hội, và trong thực tế hơn 75 năm qua đã được nhân dân tin yêu vì “Đảng là đạo đức, là văn minh” tiêu biểu cho trí tuệ, lương tâm và danh dự của dân tộc.

Nhưng Đảng sẽ mất vai trò lãnh đạo toàn xã hội, không được dân tin nhiệm nữa nếu Đảng yếu kém không trong sạch, không vững mạnh. Đó là điều mà Hồ Chí Minh quan tâm trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của Đảng. Từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp: Trước hết phải chỉnh đốn nội bộ. Năm 1952: phải có cán bộ tốt, phải chỉnh đốn Đảng. Năm 1960 khi miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội: phải quán triệt đường lối cho cán bộ Đảng viên. Năm 1965 Người nêu luận điểm quan trọng: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn không nhất định ngày hôm nay và ngày

mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”³¹.

Chinh đốn và đổi mới là quan điểm nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng. Trong di chúc để lại cho toàn Đảng toàn dân Người: “Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chinh đốn lại Đảng”³².

Tự đổi mới, tự chinh đốn Đảng, theo Hồ Chí Minh cần tập trung vào những vấn đề sau:

Một là, Đảng phải luôn luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, luôn xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Hai là, đội ngũ cán bộ, Đảng viên của Đảng phải là những người toàn tâm, toàn ý phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân, phải là những người có đức, có tài, để tiên phong trong mọi công tác.

Ba là, Đảng phải luôn đề phòng và khắc phục những tiêu cực thoái hóa, biến chất, luôn giữ gìn Đảng trong sạch, vững mạnh.

Bốn là, Đảng phải được trí tuệ hóa để vươn lên đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN VÀ DÂN.

2.1. Xây dựng nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động

Bản chất của nhà nước không phải xuất phát từ tên gọi. Chính quyền nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, nhưng cơ bản nhất là chính quyền đó thuộc về ai? Phục vụ cho quyền lợi của ai? Giai cấp, tầng lớp nào?

Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã khảo sát nhiều kiểu nhà nước để chọn ra kiểu nhà nước khi cách mạng Việt Nam thành công theo con đường cách mạng vô sản. Nhà nước đó phải “quyền giao cho dân chúng số nhiều”, hay nhà nước công nông binh trong chính cương vắn tắt năm 1930. Khi nước nhà giành độc lập Người chỉ rõ: “Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân... chính quyền từ xã đến chính phủ trung ương do dân cử ra... nói tóm lại quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

Tư tưởng về nhà nước của dân, do dân, vì dân của Hồ Chí Minh có thể hiểu theo ba nội dung sau:

2.1.1. Nhà nước của dân

Tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Nhất quán với tư tưởng ấy suốt 24 năm làm chủ tịch nước, hai lần làm trưởng ban soạn thảo hiến pháp năm 1946, 1959 Hồ Chí Minh đã thể hiện trên thực tế.

³¹ Sách đã dẫn T12, tr557-558

³² Sách đã dẫn T12, tr503

Điều 1 Hiến pháp 1945: “Nước Việt Nam là nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt giống nòi, gái trai, giàu nghèo, tôn giáo”.

Điều 32 Hiến pháp 1946: ...Những việc có liên quan đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết.

Đây chính là chế độ dân chủ trực tiếp và trưng cầu dân ý ở Việt Nam quan điểm này thể hiện bản chất dân chủ của nhà nước. Nhân dân ủy quyền cho đại diện quyền lợi ý chí của mình, thì hệ quả tất yếu là nhân dân có quyền kiểm soát nhà nước, cử tri bầu ra các đại biểu và ủy quyền cho các đại biểu bàn bạc các vấn đề quốc kế dân sinh, nhưng cũng có quyền bãi miễn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân nếu họ không xứng đáng với sự tín nhiệm của dân.

Hồ Chí Minh xác định vị thế của dân, dân là chủ. Dân làm chủ nghĩa là đề cập tới quyền lợi và nghĩa vụ của dân. Trong nhà nước dân chủ, nhân dân có quyền làm bất cứ việc gì mà Pháp luật không cấm. Đồng thời nhân dân có nghĩa vụ tuân theo pháp luật. Nhà nước bằng mọi nỗ lực xây dựng thiết chế dân chủ để phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Những vị đại diện của dân do dân cử ra, phải thật sự làm công bộc của dân. Điều này nhắc nhở những đại biểu của dân phải làm đúng chức trách và vị thế của mình không được “cậy thế” khinh dân, “quên rằng dân bầu mình ra để làm việc cho dân chứ không phải là để cậy thế với dân.”

Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do Hồ Chí Minh khai sinh 2 tháng 9 năm 1945 là nhà nước chưa từng có trong lịch sử Việt Nam hướng tới trở thành nhà nước tiến bộ nhất trong lịch sử nhân loại.

2.1.2. Nhà nước do dân

Nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ. Đó là nhà nước do dân lựa chọn bầu ra những đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực các cấp. Hoạt động của nhà nước là do dân ủng hộ, giúp đỡ để duy trì bộ máy. Nhân dân lại phê bình, giúp đỡ để nhà nước tiến bộ. Vì vậy Hồ Chí Minh nhấn mạnh tất cả các cơ quan nhà nước phải dựa vào dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân, nhưng cũng phải làm cho dân hiểu, dân giác ngộ để thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn của mình.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: Việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm “ghé vai gánh vác một phần”. Quyền lợi, quyền hạn luôn đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân.

2.1.3. Nhà nước vì dân

Đó là nhà nước phục vụ lợi ích chính đáng và nguyện vọng của nhân dân không có đặc quyền, đặc lợi, thực sự trong sạch, vững mạnh, thật sự cần kiệm liêm chính. Cụ thể:

Nhà nước phải lấy nhiệm vụ phục vụ cho lợi ích, nguyện vọng của nhân dân là mục đích chính. Mọi đường lối, chính sách đều nhằm đưa lại quyền lợi cho dân. Đó là nhà nước phải quan tâm tới từng quyết sách việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho

dân phải hết sức tránh. Người luôn tâm niệm cả cuộc đời “chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi của tổ chức và hạnh phúc của quốc dân” là làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân được học hành.

Cán bộ nhà nước mới dù bất kỳ cương vị nào cũng phải là công bộc của dân. Cán bộ nhà nước, không chỉ là người phục vụ mà đồng thời phải là người lãnh đạo, hướng dẫn cho nhân dân xây dựng cuộc sống mới ấm no hạnh phúc.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước

2.2.1. Bản chất giai cấp công nhân của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân không phải là một nhà nước siêu giai cấp, hay phi giai cấp vấn đề ở chỗ nó mang bản chất giai cấp nào? Lợi ích giai cấp đó có phù hợp với lợi ích của nhân dân lao động và cả dân tộc hay không? Nhà nước ta là nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân vì:

Một là, Nhà nước do Đảng cộng sản lãnh đạo, thể hiện.

Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhà nước, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân.

Theo Hồ Chí Minh, tính chất của nhà nước là vấn đề cơ bản của hiến pháp. Đó là vấn đề nội dung giai cấp của chính quyền. Hiến pháp 1959 khẳng định: nhà nước ta là Nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo. Như vậy, bản chất của nhà nước mang bản chất của giai cấp công nhân phục vụ lợi ích giai cấp công nhân và nhân dân lao động phương thức, hoạt động theo đường lối của giai cấp công nhân.

Mặt khác, Đảng cộng sản lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi chưa có chính quyền, đến lúc giành được chính quyền xây dựng đất nước. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị tất yếu phải lãnh đạo nhà nước. Đảng lãnh đạo nhà nước bằng phương thức thích hợp.

Trong mọi giai đoạn cách mạng, từ khi có nhà nước Đảng luôn lãnh đạo nhà nước bằng phương thức mà Hồ Chí Minh đã chỉ rõ:

Đảng lãnh đạo nhà nước bằng chủ trương, quan điểm, đường lối để nhà nước cụ thể hóa bằng pháp luật.

Đảng lãnh đạo nhà nước bằng hoạt động của các tổ chức Đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước.

Đảng lãnh đạo nhà nước bằng công tác kiểm tra.

Hai là, Bản chất nhà nước thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đất nước.

Thể hiện trong tuyên ngôn độc lập 2/9/1945: Trong quá trình lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội Đảng đặt mục tiêu phát triển kinh tế quốc dân theo xã hội chủ nghĩa, biến nền kinh tế lạc hậu thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Ba là, Bản chất của nhà nước thể hiện ở nguyên tắc, tổ chức và hoạt động cơ bản theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh tính dân chủ của bộ máy. Người chỉ rõ nhà nước ta phải phát huy dân chủ đến cao độ để động viên tất cả các lực lượng nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời cũng phải tập trung cao độ để thống nhất quyền lực đảm bảo tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Tuy nhiên nếu dân chủ mà không đi liền với chuyên chính thì khó duy trì được dân chủ, tập trung được sức mạnh nhưng vẫn đề chuyên chính với ai, chuyên chính với những hành động phá hoại chế độ dân chủ.

2.2.2. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc.

Sự hài hòa, thống nhất giữa bản chất giai cấp với tính nhân dân, tính dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện ở các quan điểm sau:

Một là, Nhà nước dân chủ mới của ta là kết quả đấu tranh gian khổ, lâu dài với sự hy sinh của nhiều thế hệ người Việt Nam.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Kế tục truyền thống đấu tranh bảo vệ độc lập của dân tộc, các phong trào đấu tranh bảo vệ độc lập của dân tộc, các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp nổ ra mạnh mẽ. Các phong trào cứu nước dưới sự lãnh đạo của các nhà lãnh đạo tiền bối thâm truyền thống dân tộc nhưng không giành được độc lập dân tộc vì không có đường lối cứu nước đúng đắn. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời vào ngày 3 tháng 2 năm 1930, đã lãnh đạo phong trào đi đúng hướng. Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đưa đến sự ra đời của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đó là kết quả của sự hy sinh, đấu tranh gian khổ của nhiều thế hệ người Việt Nam yêu nước.

Hai là, Nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích dân tộc làm nền tảng.

Trong nhà nước đó lợi ích giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc thống nhất làm một. Nhà nước không chỉ thể hiện ý chí của giai cấp công nhân mà thể hiện ý chí của nhân dân và của toàn dân tộc, chính phủ luôn là chính phủ đại đoàn kết.

Ba là, Nhà nước mới vừa ra đời đã đảm nhận nhiệm vụ lịch sử giao phó: tổ chức cuộc kháng chiến của toàn dân tộc bảo vệ thành quả cách mạng, tiến tới thống nhất nước nhà, xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.

2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.

Hồ Chí Minh nhận thức được rất sớm tầm quan trọng của Pháp luật trong quản lý xã hội từ năm 1919 đến khi Người trở thành vị lãnh đạo cao nhất của nhà nước. Tư tưởng về một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ của Hồ Chí Minh được chú ý ở các điểm sau:

2.3.1. Một nhà nước mạnh trước hết phải là nhà nước hợp hiến.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ đọc Tuyên ngôn độc lập. Ngày 3 tháng 9 năm 1945 tại phiên họp chính phủ lâm thời đầu tiên, Hồ Chí Minh chỉ rõ 6 nhiệm vụ cấp bách phải tiến hành trong đó có nhiệm vụ: phải có một hiến pháp dân chủ, tổ chức tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu để lập ra quốc hội, lập

ra chính phủ. Vượt qua mọi khó khăn, thử thách, chúng ta đã làm nhiều việc để tổng tuyển cử thắng lợi vào ngày 6 tháng 1 năm 1946 bầu ra Quốc hội.

Ngày 2 tháng 3 năm 1946 Quốc hội họp phiên đầu tiên lập ra Chính phủ. Hồ Chí Minh được Quốc hội khóa I bầu giữ chức Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây là một nhà nước có đủ tư cách Pháp lý và hiệu lực trong giải quyết các quan hệ đối nội và đối ngoại.

2.3.2. Nhà nước quản lý bằng Pháp luật

Trong nhà nước dân chủ luôn luôn có sự thống nhất giữa Pháp luật và dân chủ, hai mặt đó phải đi đôi với nhau. Dân chủ không thể đứng ngoài pháp luật, quyền dân chủ phải được cụ thể bằng pháp luật.

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng một nền pháp chế mới đảm bảo thực hiện quyền lực của nhân dân. Năm 1919, Hồ Chí Minh yêu cầu thực dân Pháp cải cách nền pháp lý ở Đông Dương. Trong bản yêu sách 8 điểm, Người yêu cầu: “Phải bãi bỏ chế độ cai trị bằng sắc lệnh và thay thế bằng các đạo luật. Hai lần đứng đầu ban soạn thảo Hiến pháp năm 1946, 1959, ký công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh và nhiều văn bản pháp luật khác thể hiện sự nỗ lực của Người trong việc đưa Pháp luật vào quản lý xã hội.

Hồ Chí Minh cũng quan tâm tới việc đưa pháp luật vào đời sống nhân dân, tạo ra cơ chế đảm bảo việc thực thi pháp luật cơ chế kiểm tra, giám sát việc thi hành đó.

Người quan tâm đến một loạt các biện pháp đồng bộ: quan tâm nâng cao dân trí, bồi dưỡng ý thức làm chủ của công dân đặc biệt với thế hệ trẻ. Phát triển văn hóa chính trị và tính tích cực công dân. Kích thích nhân dân tham gia vào các công việc nhà nước. Nhà nước phải đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ công dân, khắc phục dân chủ hình thức. Mọi biện pháp trên đều nhằm: “làm sao cho dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói dám làm”³³

2.3.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước có đủ đức, đủ tài

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Yêu cầu tổng quát của người về đội ngũ này là vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là gốc, đội ngũ đó phải được tổ chức, sử dụng hợp lý, có hiệu quả.

Hồ Chí Minh nêu lên những yêu cầu cụ thể:

Một là, tuyệt đối trung thành với cách mạng.

Đây là yêu cầu đầu tiên và cao nhất đối với đội ngũ này. Nó đòi hỏi cán bộ công chức phải có tinh thần phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc, vì lợi ích chung mà hy sinh lợi riêng của mình. Đội ngũ này phải là những người trung thành nhất bảo vệ chế độ, bảo vệ nhà nước, phải thể hiện bằng công việc cụ thể hàng ngày trên các lĩnh vực công tác. Nếu thiếu phẩm chất này thì năng lực có tốt đến mấy cũng không dùng được.

Hai là, Hăng hái thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

³³ Sách đã dẫn T12, tr223

Cán bộ, công chức nhà nước phải có chuyên môn, nghiệp vụ đó là yêu cầu tối thiểu. Cụ thể: cán bộ quản lý nhà nước phải biết quản lý nhà nước, do vậy phải được đào tạo, và tự đào tạo nâng cao trình độ. Công chức nhà nước phải được sàng lọc, thi tuyển (sắc lệnh 76 về quy chế công chức, sắc lệnh 197 thành lập khoa pháp lý thuộc Đại học Việt Nam).

Đội ngũ này phải được sử dụng công bằng dân chủ, phải tẩy sách óc bè phái: Hồ Chí Minh mạnh dạn sử dụng đội ngũ công chức được đào tạo dưới chế độ cũ, đăng báo “tìm người tài đức” ra quản lý điều hành đất nước.

Ba là, Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Đây là mối quan hệ được Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng. Theo Người đội ngũ này là những người ăn lương từ nguồn ngân sách của nhà nước do dân đóng góp, do vậy họ:

Không được lãng phí của công, phải sẵn sàng phục vụ nhân dân, nêu cao đạo đức cách mạng. Phải chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Đội ngũ này phải đi đầu trong khó khăn, đi sau trong hưởng thụ, phải thân dân, gần dân, trong dân.

Bốn là: Cán bộ, công chức phải là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn.

Đó là yêu cầu với những người là “công bộc”, “đầy tớ” cho dân. Để đáp ứng được yêu cầu đó, họ phải rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, có chí tiến thủ, thắng không kiêu, bại không nản. Đội ngũ này phải học tập thường xuyên để nâng cao trình độ mọi mặt, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước trong sạch vững mạnh, hoạt động hiệu quả

Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân luôn đi cùng với việc làm cho nhà nước trong sạch, vững mạnh. Đây là mục tiêu là quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ trong quá trình xây dựng nhà nước, do vậy phải huy động sức mạnh của toàn dân. Để đạt được mục tiêu trên Hồ Chí Minh nhấn mạnh hai nội dung sau:

2.4.1. Tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức

Hồ Chí Minh đã nhận diện được những yếu tố thúc đẩy tác động đến việc xây dựng nhà nước mới: Đó là điểm xuất phát từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu (sử dụng luật tục, lễ tục hơn là luật pháp) đi lên chủ nghĩa xã hội phải có thời gian để xây dựng. Xuất phát từ vai trò của yếu tố đạo đức trong đời sống xã hội, đặc biệt ở Phương Đông. Từ yêu cầu khách quan của việc phải xây dựng, tăng cường hệ thống pháp luật trong tiến trình xây dựng nhà nước. Hồ Chí Minh đã rút ra được những kinh nghiệm trong lịch sử. Người chỉ rõ nền chính trị ở Việt Nam trước hết là nền chính trị đạo đức, do vậy phải:

Luôn thống nhất hài hòa giữa lý trí và tình cảm, nghiêm khắc, bao dung, nhân ái nhưng không bao che khuyết điểm sai lầm cho bất cứ ai. Kỷ cương phép nước phải được thực hiện nghiêm.

Do đó phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, phải cảm hóa những người có sai lầm, khuyết điểm kéo họ đi với cách mạng.

2.4.2. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của nhà nước

Suốt 24 năm đứng đầu nhà nước, Hồ Chí Minh luôn đề cập tới những tiêu cực và nhắc nhở mọi người phải đề phòng và khắc phục 3 hiện tượng sau:

Một là đặc quyền đặc lợi

Để nhà nước trong sạch phải tẩy trừ chủ nghĩa cá nhân với những biểu hiện: cậy quyền, cậy thế, hách dịch với dân, lợi dụng, lạm quyền để vơ vét tiền của, làm lợi cho mình. Đó là căn bệnh cần phải tẩy trừ để bộ máy nhà nước trong sạch, hiệu quả.

Hai là tham ô, lãng phí, quan liêu

Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ phải gương mẫu thực hiện chữ Liêm: tôn trọng của dân, của công, không tham ô. Người chỉ rõ tham ô, lãng phí, quan liêu dù cố ý hay không cố ý cũng là bạn đồng minh của đế quốc và phong kiến, đó là “giặc nội xâm”, “giặc ở trong lòng”. Biểu hiện của nó ở cán bộ là: ăn cắp của công làm của tư, đục khoét nhân dân..... Về phía người dân: ăn cắp của dân, khai gian, lậu thuế... Chính quyền phải chống. Ngày 27/11/1945 Hồ Chí Minh ký sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ ở mức từ 5 năm đến 20 năm, tù khổ sai nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26/01/1946 Hồ Chí Minh ký sắc lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp của công là tội tử hình.

Lãng phí là một căn bệnh được Hồ Chí Minh phê phán gay gắt. lãng phí theo Người có các biểu hiện sau: lãng phí sức lao động, lãng phí thời gian, kéo dài thời gian không cần thiết, lãng phí tiền của, sử dụng phí phạm. Lãng phí tuy không lấy của công đứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho dân, cho chính phủ, có khi còn tai hại hơn tham ô.

Quan liêu là một trong những nguyên nhân tạo nên tham ô lãng phí, đó là hiện tượng không gần dân, không sát công việc, trọng hình thức, không sâu vấn đề... Tác hại của quan liêu có thể đánh mất một lần nữa chính quyền vừa giành được. Đó là căn bệnh phải chống.

III. XÂY DỰNG ĐẢNG VỮNG MẠNH, XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC NGANG TẦM NHIỆM VỤ CỦA GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

3.1. Chú trọng hơn nữa xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức

Hơn 75 năm qua Đảng ta luôn được chú trọng xây dựng cả ba mặt chính trị - tư tưởng – tổ chức. Điều đó đã giúp Đảng ta lãnh đạo cách mạng giành được những thắng lợi to lớn. Tuy nhiên trong điều kiện hiện nay, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh cần nâng cao hơn nữa yêu cầu xây dựng Đảng để ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng. Cụ thể:

Một là, xây dựng Đảng về chính trị

Yêu cầu trước hết là Đảng ta phải đề ra được đường lối cách mạng đúng đắn, đồng thời tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó. Muốn vậy đường lối đó phải xây dựng trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh nó phải là kết quả của việc vận dụng tinh thần, phương pháp biện chứng trong xem xét phân tích điều kiện khách quan. Đường lối đó còn là kết quả của việc tổng kết kinh nghiệm, tổng kết thực tiễn, nắm bắt xu

thế phát triển của thời đại... nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020.

Hai là xây dựng Đảng về tư tưởng

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải giáo dục, rèn luyện Đảng viên kiên định lập trường tư tưởng, kiên định mục tiêu, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đảng phải trở thành một khối thống nhất về tư tưởng và hành động. Đấu tranh chống lại những gì cũ kỹ, hư hỏng, lạc hậu, tư tưởng đoàn kết thống nhất để rửa nỗi nhục nghèo nàn lạc hậu.

Ba là xây dựng Đảng về tổ chức

Đảng phải luôn chú trọng kiện toàn tổ chức của mình, xây dựng tổ chức Đảng các cấp từ chi bộ đến Trung ương. Cán bộ Đảng viên trau dồi đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh. Kiên quyết và dũng cảm chống chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng, bè phái cục bộ. coi trọng giá trị của Di chúc nói về xây dựng Đảng của Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước.

3.2. Xây dựng nhà nước ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới

3.2.1. Nhà nước đảm bảo quyền làm chủ thật sự của nhân dân

Đảm bảo và phát huy quyền làm chủ thật sự của nhân dân là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách hiện nay. Tập trung giải quyết địa vị làm chủ và quyền làm chủ của nhân dân. Đảm bảo dân chủ trên thực tế ở các lĩnh vực của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội.

Muốn vậy phải tăng cường pháp chế, thực hiện quản lý bằng pháp luật: Trước hết phải cụ thể hóa quyền làm chủ của nhân dân bằng pháp luật, đảm bảo cho mọi công dân bình đẳng trước pháp luật. Đấu tranh chống hiện tượng vi phạm pháp luật.

Một yếu tố quan trọng nữa để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân là nâng cao năng lực làm chủ của công dân. Muốn vậy phải nâng cao dân trí, bồi dưỡng văn hóa chính trị, phát huy tính tích cực của công dân.

3.2.2. Kiện toàn bộ máy nhà nước

Cải cách hành chính là yêu cầu bức xúc trong xây dựng nhà nước ta hiện nay. Phải xây dựng nền hành chính dân chủ, kỷ cương, trong sạch để phục vụ đắc lực và hiệu quả cho nhân dân. Kiên quyết đấu tranh xóa bỏ hiện tượng quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, bộ máy cồng kềnh kém hiệu lực.

Cải cách thủ tục hành chính, đề cao giải quyết khiếu kiện của nhân dân, giải quyết nhanh chóng, tránh đùn đẩy, đảm bảo đúng pháp luật. Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ theo chức danh tiêu chuẩn, tinh giảm biên chế... Từ đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả.

3.2.3. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước

Đảng lãnh đạo nhà nước là một tất yếu nhưng trong giai đoạn hiện nay, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước, cần tập trung vào một số nội dung sau:

Đảng lãnh đạo nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng nhưng cũng phát huy được vai trò của nhà nước. Đảng lãnh đạo nhà nước bằng đường lối, bằng tổ chức, bộ máy của Đảng trong các cơ quan nhà nước. Lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, bằng vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ Đảng viên. Để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng với nhà nước, Đảng phải thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ trong hệ thống chính trị, đảm bảo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà nước theo luật định.

Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn để vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức đó là tiêu đề để xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh vì Đảng ta là Đảng cầm quyền.

Kết luận: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền về nhà nước của dân, do dân, vì dân giúp chúng ta hiểu thêm về những cống hiến xuất sắc của Hồ Chí Minh cho cách mạng Việt Nam, cũng như sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin ở một nước thuộc địa nửa phong kiến. Không những thế tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng, về nhà nước mới còn chỉ rõ cho chúng ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ta càng phải tăng cường hơn nữa việc xây dựng, tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng làm tiên đề để xây dựng nhà nước ngang tầm với nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới. Đi chệch những lời dạy của người sẽ không thể có được thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hãy nêu những luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam. Phân tích nội dung thứ nhất.
2. Hãy trình bày qui luật hình thành Đảng cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh.
3. Hãy trình bày bản chất giai cấp của Đảng cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh
4. Phân tích nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh.
5. Phân tích luận điểm của Hồ Chí Minh về tăng cường và củng cố mối quan hệ bền chặt giữa Đảng với dân
6. Phân tích luận điểm Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn
7. Phân tích những nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân theo tư tưởng Hồ Chí Minh.
8. Từ những lý luận của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng Sản. Hãy liên hệ với quá trình xây dựng Đảng hiện nay.
9. Trình bày những nội dung chính trong tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước của dân, do dân, vì dân
10. Phân tích những nội dung cơ bản của luận điểm: “Xây dựng nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động” của Hồ Chí Minh

11. Phân tích bản chất giai cấp công nhân của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà theo quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh.
12. Phân tích luận điểm của Hồ Chí Minh về một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.
13. Hãy trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước trong sạch vững mạnh hiệu quả.



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông-Hà Nội
Tel: (04) 5541221; Fax: (04) 5540587
Website: <http://www.e-ptit.edu.vn>; E-mail: dhk@e-ptit.edu.vn

CHƯƠNG VI

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN, VĂN HÓA

Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân Việt Nam, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của thế giới. Tư tưởng, hành động của Người đều nhằm mục tiêu giải phóng con người triệt để khỏi tình trạng áp bức dân tộc, áp bức giai cấp, tiến tới giải phóng hoàn toàn khỏi mọi thế lực cản trở.

Trong di sản tư tưởng của Người, tư tưởng về đạo đức, nhân văn, văn hóa chứa đựng những nét đặc sắc vượt khỏi biên giới Việt Nam, vươn lên ngang tầm thời đại. Tư tưởng về đạo đức, nhân văn, văn hóa của Người là kim chỉ nam để chúng ta xây dựng nền văn hóa mới, con người mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Nắm vững nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
2. Nắm vững nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân văn, văn hóa
3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng con người Việt Nam mới hiện nay.

NỘI DUNG

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

Hồ Chí Minh là nhà chính trị nhưng đặc biệt quan tâm đến vấn đề đạo đức. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là sự phản ánh thực tiễn xã hội Việt Nam, là sự tiếp thu phát triển giá trị truyền thống đạo đức dân tộc, tiếp thu tinh hoa đạo đức nhân loại. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh được thể hiện trên các nội dung sau:

1.1. Đạo đức là cái “gốc” của con người

Cơ sở để Hồ Chí Minh khẳng định vai trò của đạo đức

Một là, xuất phát từ yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Mới mục tiêu xóa bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới với những lý tưởng và khát vọng cao đẹp do đó: sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lớn đầy khó khăn, gian khổ và nặng nề. Sự nghiệp đó đòi hỏi sự cố gắng của nhiều người, nhiều thế hệ người Việt Nam nên đòi hỏi phải tu dưỡng, rèn luyện đạo đức. Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức là nền tảng của người cách mạng: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù có tài giỏi đến mấy cũng

không lãnh đạo được nhân dân”³⁴. “Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ vẻ vang”³⁵.

Vai trò của đạo đức cách mạng còn thể hiện ở chỗ đó là thước đo lòng cao thượng của con người. Theo Hồ Chí Minh, Xã hội phân công cho mỗi người công việc khác nhưng ai giữ được đạo đức cách mạng đều là người cao thượng.

Hai là, đạo đức là vũ khí sắc bén cho cuộc đấu tranh của dân tộc.

Cách mạng muốn thắng lợi phải có Đảng lãnh đạo. Đảng muốn lãnh đạo cách mạng thành công thì Đảng phải là “đạo đức, là văn minh”. Xét đến cùng, văn minh là trí tuệ mà người cách mạng cần có. Còn đạo đức là phẩm chất con người cần phải có trong cuộc đấu tranh ấy. Người cách mạng cần có cái tâm trong sáng, cái đức cao đẹp trong quan hệ với giai cấp với nhân dân, với dân tộc.

Cách mạng muốn thành công phải có đội ngũ cán bộ cách mạng có đạo đức, đức là gốc của người cán bộ nhưng phải đặt trong mối quan hệ biện chứng với tài. Có đức phải có tài, nếu không sẽ không có lợi ích gì, thậm chí còn hại cho dân. Tài càng cao đức phải càng lớn, vì đức, tài nhằm phục vụ cho thắng lợi của cách mạng.

1.2. Những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam trong thời đại mới

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh những phẩm chất đạo đức được nêu ra phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Người nhấn mạnh phẩm chất này hay phẩm chất khác là tùy thuộc vào nhiệm vụ, yêu cầu của cách mạng.

1.2.1. Yêu thương con người

Là chuẩn mực đạo đức bao trùm nhất, cao đẹp nhất. Nó là điểm xuất phát trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, được nâng lên thành chủ nghĩa nhân văn kiểu mới.

Yêu thương con người là tình cảm rộng lớn, nhưng ở Hồ Chí Minh không chung khung triu tượng mà được nhận thức và giải quyết theo quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê nin: trước hết được dành cho các dân tộc và người lao động bị áp bức.

Yêu thương con người ở Hồ Chí Minh vừa sâu sắc, rộng lớn, vừa gần gũi cụ thể. Người ham muốn tốt bậc đến mục tiêu giải phóng con người: đất nước được độc lập dân được tự do ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.

Yêu thương con người còn thể hiện trong quan hệ của Hồ Chí Minh với đồng chí, đồng đội, bạn bè, người thân thể hiện ở sự nghiêm khắc với mình, rộng rãi với người khác, độ lượng, nâng người khác lên chứ không hạ thấp, vui đập họ.

1.2.2. Trung với nước, hiếu với dân

Hồ Chí Minh sử dụng khái niệm của Nho giáo của truyền thống dân tộc nhưng đã cách mạng hóa nội dung của khái niệm đó. Đây là sự kết tinh chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân

³⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000 T5, tr252-253

³⁵ Sách đã dẫn T9, tr283

đạo là ý thức mãnh liệt của con người Việt Nam với Tổ quốc, là chuẩn mực đạo đức có ý nghĩa hàng đầu.

Nội dung:

- *Trung với nước.*

Khái niệm nước bị đảo ngược: Nước trước kia là của Vua, dân phải trung với vua, nay nước là của dân, dân lại làm chủ đất nước nên trung với nước tức là trung với dân do vậy:

Cá nhân phải đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của tổ quốc lên trên hết, trước hết.

Suốt đời hy sinh phấn đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước.

- *Hiếu với dân:*

Thấy được sức mạnh thực sự của nhân dân: bao nhiêu quyền hạn đều của dân, bao nhiêu quyền hành và quyền lực đều ở nơi dân.

Tin dân, học dân, lắng nghe ý kiến của dân, gắn bó mật thiết với dân, tổ chức, vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước.

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Tóm lại là phải thực hiện: Nắm rõ dân tình, hiểu rõ dân tâm, nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh.

1.2.3. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Đây là biểu hiện cụ thể của “Trung với nước, hiếu với dân, là phẩm chất mà Hồ Chí Minh đề cập tới nhiều nhất trong một cuộc đời lãnh đạo cách mạng của Người từ tác phẩm “Đường cách mệnh” đến di chúc cuối cùng.

Hồ Chí Minh đã sử dụng khái niệm cũ của đạo đức phương Đông để nói tới yêu cầu đạo đức mới. Mỗi luận điểm Người cụ thể hóa nội dung để phản ánh hiện thực.

Nội dung:

Cần: Siêng năng, cần cù, không lười biếng, không ỉ lại, tự lựa cách sinh

Kiệm: Tiết kiệm thời gian, sức lực, của cải. Kiệm không phải là bủn xỉn, những cái đáng tiêu thì tiêu, những cái không đáng tiêu thì một xu cũng không tiêu. Cần kiệm gắn liền với nhau để nâng cao năng suất lao động, để tích lũy vốn.

Liêm: Trong sạch, không tham lam: tôn trọng, giữ gìn của nhân dân, không tham địa vị, không ham tiền tài, không ham sung sướng, không ham tâng bốc.

Chính: là không tà, mà thẳng thắn, đứng đắn với mình, với người với công việc.

Chí công vô tư: Không vì cá nhân trước mà đem lòng vô tư nghĩ tới người, tới việc lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Phấn đấu vì lợi ích của Tổ quốc, của Đảng của nhân dân lên trên hết, trước hết.

Hồ Chí Minh chỉ rõ cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là bốn đức không thể thiếu được ở con người, nó liên quan đến nhau:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông

Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính
Thiếu một mùa thì không thành trời
Thiếu một phương thì không thành đất
Thiếu một đức thì không thành người”³⁶

1.2.4. Tinh thần quốc tế trong sáng

Đây là một nội dung quan trọng nhất trong những phẩm chất đạo đức cộng sản, được hình thành từ bản chất quốc tế của giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh nêu mệnh đề: Tứ hải giai huynh đệ (Bốn phương vô sản đều là anh em). Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác Lênin Người chỉ rõ chủ nghĩa yêu nước chân chính là một bộ phận của phong trào vô sản quốc tế, do vậy phải có tinh thần quốc tế vô sản. Thể hiện:

Phải đoàn kết với phong trào công nhân quốc tế, đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, đoàn kết với nhân dân tiến bộ trên thế giới giúp bạn tức là tự giúp mình... vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

1.3. Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới.

Để xây dựng phẩm chất đạo đức mới, thực hiện xây dựng nền đạo đức mới, Hồ Chí Minh đề ra những nguyên tắc, phương pháp cơ bản:

1.3.1. Gắn nhận thức về đạo đức với việc rèn luyện đạo đức hàng ngày

Suốt đời khẳng định ưu điểm của Khổng tử là “vấn đề tu dưỡng cá nhân, Hồ Chí Minh chỉ rõ: chúng ta phải nhớ câu “chính tâm, tu thân để trị quốc, bình thiên hạ. Chính tâm, tu thân là cải tạo, cải tạo phải trường kỳ gian khổ”. Theo đó, ai cũng có chỗ hay chỗ dở, cũng có thiện, có ác do đó phải dám nhìn thẳng vào mình để sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, phải thường xuyên chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày.

Người chỉ rõ: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống, Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố, cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”³⁷.

Rèn luyện, tu dưỡng đạo đức phải tự nguyện, tự giác gắn với hoạt động thực tiễn, rèn luyện trong đời tư, cũng như “đời công”.

1.3.2. Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức

Đây chính là một truyền thống văn hóa đạo đức của dân tộc, đó là tư tưởng “thân giáo”, muốn giáo dục tốt thì phải nêu gương, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nói chung các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”

³⁶ Sách đã dẫn T5, tr631

³⁷ Sách đã dẫn T9, tr293

Trong suốt sự nghiệp của Người, Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về đạo đức cách mạng: nói ít, làm nhiều, thậm chí có những vấn đề làm mà không nói.

Hồ Chí Minh chỉ rõ đạo đức cách mạng hoàn toàn khác biệt với đạo đức giả, đạo đức của giai cấp bóc lột. Đạo đức cách mạng nhằm phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Nói đi đôi với làm tức là chống thói đạo đức giả, để không làm mất lòng tin của dân đối với Đảng với chế độ. Người chỉ rõ: Trước mặt quần chúng không phải ta cứ viết lên trán chữ cộng sản mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân thì mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng, xây dựng đạo đức mới phải chú ý đến tính phổ biến vững chắc của toàn xã hội, phải phát động phong trào “người tốt, việc tốt” trong nhân dân, cán bộ: Người tốt việc tốt nhiều lắm, ở đâu cũng có ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có phải nhân rộng.

1.3.3. Xây đi đôi với chống, phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình đấu tranh lâu, gian khổ và phức tạp. Hồ Chí Minh chỉ rõ có ba loại kẻ địch: Chủ nghĩa tư bản và đế quốc, thói quen và truyền thống lạc hậu và chủ nghĩa cá nhân, vị trí vai trò của ba loại địch khác nhau nên đều phải chống.

Muốn thắng kẻ địch đầy, lực lượng phải mạnh, nhưng trong mỗi con người trong Đảng do nguyên nhân khác nhau nên không phải mọi người đều tốt, mọi việc đều hay nên phải có xây và chống trong xây dựng đạo đức.

Vậy xây cái gì? Xây cái đúng, cái tốt, cái thiện, cái đẹp để hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ.

Chống là chống cái ác, cái vô đạo đức.

Mục đích cuối cùng là xây dựng con người có đạo đức và nền đạo đức mới Việt Nam.

Xây đi đôi với chống như thế nào? Phải phù hợp với nghề nghiệp lứa tuổi, giai cấp, tầng lớp....trong hoàn cảnh và điều kiện khác nhau.

Xây đạo đức mới: Giáo dục phẩm chất đạo đức, chuẩn mực đạo đức từ gia đình, nhà trường, xã hội. Phải cụ thể hóa phẩm chất đạo đức chung cho mọi đối tượng. Khởi dậy tính tự giác rèn luyện đạo đức ở mọi người, nhất là cán bộ, đảng viên.

Chống cái xấu, cái hư hỏng phải đi liền với xây. Phải phát hiện sớm cái xấu, cái sai. Phát động phong trào quần chúng hướng vào đấu tranh chống cái xấu như hiếu danh, kiêu ngạo, cậy thế, hư hóa địa phương chủ nghĩa, bè phái, hoạch hợ với dân, hẹp hòi.... Phát động phong trào 3 xây: nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế- tài chính, cải tiến kỹ thuật, 3 chống: tham ô – lãng phí – quan liêu. Xử phạt đi liền với giáo dục đúng người đúng tội.

II. TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH

Tư tưởng nhân văn có từ rất lâu trong lịch sử, tùy theo góc độ tiếp cận khác nhau nhưng điểm chung nhất của chủ nghĩa nhân văn là bàn tới CON NGƯỜI. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh thuộc dòng nhân văn cộng sản. Nội dung tập trung vào các vấn đề sau:

2.1. Con người là vốn quý nhất – nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng

2.1.1. Nhận thức về con người

Hồ Chí Minh nhìn nhận con người lịch sử, cụ thể, không có con người chung chung trừu tượng, phi lịch sử hay con người kiểu tôn giáo. Trước khi trở thành người cộng sản, Hồ Chí Minh chủ yếu nhận thức con người trong phạm vi dân tộc, phản ánh gốc rễ, nguồn gốc của dân tộc: như con Lạc cháu Hồng, con Rồng, cháu tiên là khái niệm “Đồng bào”.

Khi tiếp nhận chủ nghĩa Mác Lênin nhận thức về con người của Hồ Chí Minh có sự phát triển. Người sử dụng các khái niệm “người bản xứ”, “người bản xứ bị mất nước”, “người mất nước”, “người vô sản”, “người vô sản ở thuộc địa”.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, Người dùng “đồng bào” “quốc dân”.... dùng khái niệm nhân dân, dân để chỉ các thành phần các lực lượng xã hội. Với phạm vi rộng đề cập tới toàn dân tộc Việt Nam chỉ từ bọn đi ngược lại quyền lợi, lợi ích của dân tộc.

Hồ Chí Minh chỉ dùng khái niệm con người trong một số trường hợp đặc biệt: Trong tuyên ngôn độc lập, Người dùng “phẩm giá con người”. Lời kêu gọi đăng trên báo “Người cùng khổ” chỉ rõ nhiệm vụ của tờ báo là “Giải phóng con người”. Trong di chúc “Đầu tiên là công việc với con người”.

2.1.2. Thương yêu, quý trọng con người

Thương yêu đồng bào, đồng chí của mình không phân biệt miền xuôi hay miền ngược bất kể già, trẻ, trai, gái hễ là người Việt Nam yêu nước.

Đau đớn, xót xa trước bất hạnh của con người, của dân tộc, trước nỗi đau mất nước, những người cùng khổ, bị áp bức, bóc lột.

Thương yêu con người của Hồ Chí Minh không dừng lại ở phạm vi dân tộc mà vươn lên tầm quốc tế: đồng cảm, quan tâm tới người nô lệ ở các nước nô lệ, thậm chí con người bị áp bức bóc lột ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Ở Hồ Chí Minh lòng thương yêu con người không hề thay đổi với triết lý ở đời, làm người thương nước thương dân, thương nhân loại. Lòng yêu thương đó theo lập trường của giai cấp công nhân: nhận thức, hành động theo chủ nghĩa Mác – Lê nin. Do vậy lòng yêu thương con người không chung chung trừu tượng mà giành cho người cần lao bị áp bức. Đó là khát vọng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, con người.

Hồ Chí Minh coi hòa bình trong độc lập là nguyện vọng sâu xa, còn chiến tranh là điều bất buộc.

Hồ Chí Minh coi con người là sức mạnh đầu tiên của cách mạng cũng là mục tiêu cuối cùng của cách mạng nên ra sức bảo vệ con người như bảo vệ sinh mệnh của cách mạng. Người hết sức thận trọng khi quyết định những vấn đề lớn của cách mạng, tranh thủ khả

năng phát triển hòa bình để tránh tổn thất xương máu cho nhân dân ta cũng như nhân dân các nước. người đã chỉ đạo: hoãn khởi nghĩa giành chính quyền ở Cao – Bắc – Lạng vào tháng 9/1944, chuẩn bị nhiều khả năng giành chính quyền, chủ trương sử dụng bạo lực chính trị trong cách mạng tháng Tám năm 1945. Sau cách mạng tháng Tám làm tắt cả những gì có thể để tránh chiến tranh Pháp – Việt. Khi chiến tranh không tránh khỏi, Người kêu gọi nhân dân đứng lên chiến đấu vì độc lập, tự do của tổ quốc, vì hòa bình, nhân loại tiến bộ. Người đau xót trước những tổn thất về con người trong chiến tranh dù là người Việt hay người Pháp người Mỹ.

2.1.3. Tin vào sức mạnh, phẩm giá và tính sáng tạo của con người

Xuất phát từ truyền thống yêu nước của dân tộc, từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, Hồ Chí Minh đặt niềm tin vào dân, vào sức mạnh, lực lượng của nhân dân. Người chỉ rõ:

Chính sự áp bức của chủ nghĩa đế quốc sẽ thúc đẩy và buộc nhân dân thuộc địa và nhân dân Việt Nam đứng lên đấu tranh giành chính quyền. “Không: Người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi... Đẳng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sục sôi, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến”³⁸.

Hồ Chí Minh tin vào sức mạnh của dân, sức mạnh đó được nhân lên gấp bội khi đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân: nhân dân có khả năng cứu nước giải phóng dân tộc, có khả năng tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Tài năng, trí tuệ, sức mạnh của dân được Hồ Chí Minh khẳng định. Nhân dân là người sáng tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần, thúc đẩy lịch sử phát triển.

Niềm tin vào sức mạnh của dân còn được nhận thức từ mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng, với chính phủ: nếu không có nhân dân thì chính phủ không đủ lực lượng, nếu không có chính phủ thì nhân dân không có ai dẫn đường. Dân bảo vệ, che chở, đùm bọc cán bộ, dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Tin dân, tin vào tình cảm, truyền thống trọng tình của dân tộc vươn tới giá trị chân, thiện, mỹ.

Tin dân còn thể hiện ở việc chống lại các căn bệnh: xa dân, khinh dân, sợ nhân dân, không tin cậy vào nhân dân, không hiểu biết nhân dân, không thương dân.

2.1.4. Lòng khoan dung rộng lớn.

Hồ Chí Minh nhìn nhận con người trong đa dạng mối quan hệ, đa dạng trong tính cách, đa dạng trong hoàn cảnh xuất thân, điều kiện làm việc. Lòng khoan dung ở Hồ Chí Minh được thể hiện trên các nội dung sau:

Một là, nêu cao tinh thần đoàn kết lâu dài, rộng rãi vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và tiến bộ cách mạng.

Trân trọng phân thiện, khai thác tính người

³⁸ Sách đã dẫn T1, tr28

Hai là, phân biệt rõ bạn thù trên phạm vi dân tộc, quốc tế.

Ba là, biết trân trọng các ý kiến khác nhau, kể cả ý kiến trái ngược với Người.

Bốn là, bao dung với kiều dân nước ngoài ở Việt Nam

Năm là, khoan dung độ lượng với người phạm tội

Sáu là, khoan hồng với kẻ bại trận

Bảy là, với cán bộ đảng viên có lỗi, Người chú trọng nặng về giáo dục, nhẹ về xử lý.

2.2. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng

2.2.1. Con người là mục tiêu của cách mạng

Mục tiêu của cách mạng Việt Nam được Hồ Chí Minh khẳng định đó là sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, thực hiện độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Mục tiêu đó luôn nhất quán trong tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh từ khi đến với chủ nghĩa Mác Lênin cho đến di chúc cuối cùng: “Đầu tiên là công việc đối với con người”.

Người cũng chỉ rõ mọi đường lối, chủ trương của Đảng và nhà nước đều vì lợi ích chính đáng của con người.

2.2.2. Con người là động lực của cách mạng.

Con người là động lực cách mạng được nhìn nhận ở phạm vi cả nước nhưng trước hết là giai cấp công nhân và nông dân.

Con người là động lực cách mạng phải là con người có giác ngộ, có giáo dục, định hướng và tổ chức.

Đó là con người có trí tuệ, bản lĩnh văn hóa, đạo đức được nuôi dưỡng bằng giá trị truyền thống của dân tộc.

Con người là động lực của cách mạng chỉ có thể thực hiện được khi đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản với tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác Lênin lãnh đạo.

Phải giải quyết được mối quan hệ biện chứng giữa con người mục tiêu và con người – động lực của cách mạng.

2.3. Xây dựng con người là chiến lược hàng đầu của cách mạng.

Xuất phát từ quan niệm con người là mục tiêu và động lực của cách mạng, Hồ Chí Minh đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển. Như vậy có thể hiểu theo hai nghĩa:

Nghĩa rộng, con người nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Nghĩa hẹp, con người nằm trong chiến lược giáo dục – đào tạo.

Hồ Chí Minh khẳng định: muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa.

Xã hội quy định Con người Việt Nam đang trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần những con người xã hội chủ nghĩa. Đó là mối quan hệ biện chứng. Con người

xã hội chủ nghĩa là mục tiêu của cách mạng, nhưng họ lại là động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Con người mới xã hội chủ nghĩa vừa là con người kế thừa những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa có những phẩm chất của xã hội mới. Đó là con người có mục đích vì độc lập dân tộc vì chủ nghĩa xã hội, là con người có đạo đức cách mạng, trí tuệ và bản lĩnh làm chủ, có lòng nhân ái, vị tha, độ lượng.

Muốn có con người xã hội chủ nghĩa phải giáo dục, đào tạo, đó là biện pháp quan trọng bậc nhất. Hồ Chí Minh đã khẳng định “vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”.

Người chỉ rõ vai trò của giáo dục: giáo dục tốt sẽ tạo ra tính thiện, đem tương lai tươi sáng cho lớp trẻ, giáo dục tồi sẽ ảnh hưởng xấu đến dân tộc. Phải nâng cao dân trí cho cả dân tộc trong điều kiện hòa bình cũng như chiến tranh. Người chỉ rõ mối quan hệ giữa giáo dục và phát triển, giáo dục và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu, dốt thì đại, đại thì hèn nên phải chống dốt cũng như giặc đói, giặc ngoại xâm.

Nội dung giáo dục phải toàn diện: đức, trí, thể, mỹ, phải đặt đạo đức, lý tưởng, tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu. Tóm lại là giáo dục cả đức và tài.

Phương pháp giáo dục cũng phải phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh.

“Trồng người” là công việc lâu dài do vậy phải bền bỉ, kiên nhẫn đối với mọi người và đối với toàn xã hội trong thời kỳ quá độ. Đó là tinh thần “học, học nữa, học mãi” của Lê nin và tinh thần của Khổng Tử “học không biết chán, dụng không biết mỏi”.

Rõ ràng, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là nhân văn hành động và đòi hỏi hành động nhằm đem lại hạnh phúc và ấm no cho nhân dân. Tư tưởng và hành động của Người đặc biệt trong sáng và cao cả thấm đượm tinh đồng bào, đồng chí nặng nghĩa quên mình suốt đời vì dân, vì nước không màng danh lợi bản thân. Người là bậc đại tài, đại dũng, đại nhân.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

3.1. Những quan điểm chung của Hồ Chí Minh về văn hóa

3.1.1. Về vị trí vai trò của văn hóa

Vị trí vai trò của văn hóa được Hồ Chí Minh thể hiện trong hai quan niệm về văn hóa.

Tháng 8 năm 1943, Người đưa ra khái niệm đầu tiên: “văn hóa là tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”³⁹.

Ở góc độ tiếp cận đó văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tất cả giá trị vật chất và tinh thần mà loài người đã tạo nên nhằm đáp ứng với nhu cầu tồn tại.

Hồ Chí Minh còn chỉ rõ năm điểm lớn trong mục tiêu xây dựng nền văn hóa dân tộc:

Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường

Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng

³⁹ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, T3, tr431

Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội

Xây dựng chính trị: dân quyền

Xây dựng kinh tế.

Văn hóa theo nghĩa rộng chỉ được Hồ Chí Minh sử dụng một lần.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh khẳng định văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc về kiến trúc thượng tầng.

Khái niệm đó chỉ rõ trong công cuộc xây dựng đất nước bốn lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có vai trò ngang nhau, có tác động biện chứng với nhau. Thể hiện:

Thứ nhất, chính trị, xã hội được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng.

Dân tộc bị nô lệ thì văn hóa cũng bị nô lệ. Tiếp biến quan điểm của Lênin về mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, Hồ Chí Minh khẳng định phải làm cách mạng chính trị trước, tức là làm cách mạng giải phóng dân tộc trước sau đó giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển.

Thứ hai: xây dựng, phát triển kinh tế để tạo điều kiện cho xây dựng và phát triển văn hóa

Vì kinh tế thuộc cơ sở hạ tầng, văn hóa thuộc kiến trúc thượng tầng. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng vì vậy phải xây dựng và phát triển kinh tế trước. Hồ Chí Minh từng chỉ rõ “muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế vì tục ngữ ta có câu “có thực mới vực được đạo” vì thế kinh tế phải đi trước.

Thứ ba: văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị, văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế. Văn hóa phải chịu sự tác động của kinh tế và chính trị. Kinh tế, chính trị phát triển kéo theo sự phát triển của văn hóa nhưng văn hóa không thụ động mà văn hóa có tác động lớn đến chính trị và kinh tế. Văn hóa phục vụ nhiệm vụ chính trị, tác động và thúc đẩy kinh tế phát triển. Chính trị và kinh tế không thể thiếu văn hóa. Quan điểm của Hồ Chí Minh đã biến thành phong trào văn hóa kháng chiến, kiến quốc văn hóa phục vụ đắc lực cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

3.1.2. Tính chất của nền văn hóa mới.

Đặc điểm chung nhất của nền văn hóa mới là xua tan bóng tối của thực dân, đế quốc dốt nát, đói nghèo, lạc hậu. Theo Hồ Chí Minh ở mỗi thời kỳ cách mạng văn hóa có biểu hiện tính chất khác nhau; cụ thể:

Trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ có ba tính chất:

Tính chất dân tộc: là cái cốt cách, tinh túy, không trộn lẫn với văn hóa của dân tộc khác. Cốt cách dân tộc được bổ xung, phát triển những tinh túy mới.

Tính chất khoa học: thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại. Nền văn hóa phải phục vụ trào lưu đó. Muốn vậy phải được xây dựng trên nền tảng kinh tế khoa học hiện đại. Đội ngũ những người làm công tác văn hóa phải có trí tuệ, hiểu biết khoa học tiên tiến.

Tính đại chúng: phục vụ nhân dân hợp với nguyện vọng nhân dân, đậm đà tính nhân văn, do nhân dân xây dựng.

Trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở thời kỳ đầu có tính chất:

Xã hội chủ nghĩa về nội dung: thể hiện ở tính tiên tiến khoa học hiện đại, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, phù hợp với trào lưu tiến hóa hiện đại.

Tính dân tộc: đó là nền văn hóa biết giữ gìn phát huy truyền thống văn hóa dân tộc cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

3.1.3. Chức năng của văn hóa

Hồ Chí Minh cho rằng văn hóa có ba chức năng chủ yếu.

Một là: bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tư tưởng cao đẹp

Ý thức con người gồm nhiều yếu tố cấu thành: tri thức, tình cảm, ý chí.... Do đó muốn có con người xã hội chủ nghĩa phải xây dựng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp.

Hồ Chí Minh chỉ rõ bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp cho con người phải đi đôi với loại bỏ những sai lầm và thấp hèn có thể có trong tư tưởng để con người nhận thức và hành động đúng. Chức năng đó phải được tiến hành thường xuyên

Nội dung giáo dục bồi dưỡng: lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do. Tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng. Đó là lý tưởng không có gì quý hơn độc lập tự do. Độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội.

Phương pháp: tiến hành thường xuyên, tiến hành với các đối tượng, các mối quan hệ.

Hai là: nâng cao dân trí

Hồ Chí Minh khẳng định: nói đến văn hóa là nói đến tri thức, nói đến hiểu biết từ thấp đến cao. Nâng cao dân trí là nâng cao hiểu biết của con người ở nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, khoa học.....

Ở từng giai đoạn cách mạng mục đích nâng cao dân trí có điểm chung và riêng, nhưng đều thống nhất ở mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Ba là: bồi dưỡng phẩm chất tốt đẹp, những phong cách lành mạnh, hướng con người tới giá trị Chân – Thiện – Mỹ.

Muốn hưởng thụ tốt giá trị văn hóa, muốn tham gia vào sáng tạo giá trị văn hóa, con người phải có phẩm chất và phong cách cần thiết, muốn vậy phải tu dưỡng rèn luyện. Có nhiều loại phẩm chất: chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ. Phẩm chất chung cho con người Việt Nam, các nghề nghiệp hoạt động khác nhau nhưng phẩm chất đạo đức của cán bộ, Đảng viên có vai trò trọng đó là tấm gương sáng cho nhân dân noi theo.

Văn hóa góp phần hình thành phẩm chất, phong cách cho con người thông qua việc hình thành đạo đức, văn hóa, lối sống. Thể hiện văn hóa giúp con người phân biệt cái tốt cái xấu, cái tiến bộ hướng con người vươn tới giá trị Chân – Thiện – Mỹ. Với ý nghĩa đó văn hóa soi đường cho quốc dân đi.

3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực của văn hóa

3.2.1. Văn hóa giáo dục

Phân tích, phê phán nền giáo dục phong kiến xa rời thực tế, kinh viện, coi sách thánh hiền là đỉnh cao trí thức, phụ nữ không được học..... Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ nền giáo dục thực dân: ngu dân, đòi bại, xảo trá. Người đã chuẩn bị cho nền giáo dục mới trong quá trình hoạt động cách mạng. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Người khẳng định giáo dục là một trong những nhiệm vụ cấp bách và lâu dài của cách mạng.

Người nêu nhiều luận điểm quan trọng về giáo dục:

Một là mục tiêu của giáo dục

Thực hiện cả ba chức năng của văn hóa bằng giáo dục, bằng hoạt động dạy – học. Dạy – học để mở mang dân trí, nâng cao kiến thức, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cách mạng. Đào tạo ra những con người vừa có đức vừa có tài, học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Đó là mục tiêu đào tạo thế hệ cách mạng cho đời sau.

Hai là: phải cải cách giáo dục cho phù hợp với bước phát triển của cách mạng.

Nội dung giáo dục phải toàn diện: văn hóa, chính trị, khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ..... gắn nội dung giáo dục với thực tiễn Việt Nam.

Ba là: phương châm, phương pháp giáo dục

Phương châm: học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn phối hợp các lực lượng nhà trường – gia đình – xã hội. Học kết hợp với tự học, đào tạo kết hợp với tự đào tạo, đào tạo lại. Học tập là một quá trình gian khổ, phải kiên trì.

Phương pháp: phải bám chắc vào mục tiêu giáo dục. Dạy phải phù hợp với lứa tuổi, từ dễ đến khó, kết hợp học tập với vui chơi có ích lành mạnh. Giáo dục phải dùng biện pháp nêu gương.

Quan tâm đến đội ngũ giáo viên: phải xây dựng đội ngũ giáo viên có phẩm chất yêu nghề, đạo đức cách mạng. Người đi giáo dục phải được giáo dục, phải học thêm mãi.

3.2.2. Văn hóa văn nghệ

Văn nghệ là biểu hiện tập trung nhất của văn hóa. Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển truyền thống văn hóa dân tộc khai sinh ra nền văn nghệ cách mạng. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về văn hóa văn nghệ thể hiện ở một số nội dung sau:

Thứ nhất, văn nghệ là mặt trận, nghệ sỹ là chiến sỹ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng, trong xây dựng xã hội mới, con người mới.

Văn nghệ là mặt trận vì nó là một bộ phận của cách mạng, nó là một quá trình cách mạng trên lĩnh vực văn hóa. Tính chất cuộc đấu tranh này rất lâu dài, khó khăn gian khổ. Nó là cuộc chiến đấu “không lồ”. Nội dung đấu tranh rất phong phú, đa dạng diễn ra trên nhiều lĩnh vực đặc biệt nổi lên ở nội dung tư tưởng, đạo đức lối sống. Mặt trận văn hóa đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng để thực hiện nhiệm vụ “xây” và “chống” góp phần đưa cách mạng đến thắng lợi.

Văn nghệ sỹ là chiến sỹ. Quan điểm này được Hồ Chí Minh thể hiện bằng tư tưởng và hành động trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của Người. Nhiệm vụ của người chiến sỹ trên mặt trận văn hóa là phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân mà trước hết là phục vụ công nông binh.

Muốn hoàn thành nhiệm vụ họ phải bồi dưỡng phẩm chất, bản lĩnh, nâng cao trình độ mọi mặt đặc biệt là nghiệp vụ để sáng tạo ra những sản phẩm tinh thần có giá trị cao.

Thứ hai, văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân.

Xuất phát từ vai trò của quần chúng nhân dân đối với lịch sử đặc biệt là chất liệu, tư liệu cho sáng tác chuyên nghiệp, là người giữ gìn những tác phẩm văn hoá văn nghệ, nhân dân còn trực tiếp sáng tác,... Hồ Chí Minh khẳng định văn nghệ gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân. Muốn vậy phải phản ánh thực tiễn "từ quần chúng mà ra". Hoạt động của văn nghệ phải hướng dẫn cho nhân dân thúc đẩy sự phát triển của thực tiễn theo quy luật của cái đẹp. Văn nghệ sĩ phải hoà mình vào quần chúng để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của quần chúng.

Thứ ba, phải có tác phẩm xứng đáng với dân tộc và thời đại. Tác phẩm nghệ thuật cao là đòi hỏi, là điều kiện để văn nghệ sĩ phục vụ tốt quần chúng.

Tác phẩm hay phải diễn đạt vừa đủ những điều mình muốn nói, khi đọc ai cũng hiểu, đọc xong phải suy ngẫm. Tác phẩm hay còn phản ánh được những giá trị truyền thống của dân tộc, mang được hơi thở của thời đại, ca ngợi cái tốt, cái hay chân thật phê phán cái giả dối, cái ác, các sai. Các tác phẩm phải có hình thức trong sáng, vui tươi, đa dạng, phong phú.

3.2.3. Văn hoá đời sống

Quan điểm xây dựng đời sống mới của Hồ Chí Minh rất độc đáo. Đây là bộ mặt tinh thần của đời sống xã hội nhưng không hề trừu tượng mà có biểu hiện cụ thể sinh động. Cụ thể: Xây dựng đời sống mới được Hồ Chí Minh quan tâm từ khi chính quyền công nông được thành lập. Quan điểm đó tập trung ở ba nội dung sau:

Thứ nhất, Đạo đức mới:

Thực hành đời sống mới trước hết là đạo đức cách mạng: Cần, kiệm, liêm, chính.

Thứ hai, Lối sống mới

Đó là lối sống có lý tưởng, có đạo đức. Lối sống văn minh, tiên tiến kết hợp hài hoà truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hoá nhân loại.

Tiếp kiến quan điểm của Các Mác về sự tồn tại phát triển của con người cần có ăn, mặc, ở, đi lại... Hồ Chí Minh chỉ rõ phải sửa đổi nếp cách với mỗi người, mỗi tập thể. Đó là cách ăn, mặc, ở, đi lại, cách làm việc. Biểu hiện của tính văn hoá là phải có một phong cách sống khiêm tốn, giản dị, chùng mực, điều độ, ngăn nắp, vệ sinh, yêu lao động, quý thời gian... Trong quan hệ với mọi người phải chân tình, cởi mở, ân cần tế nhị... Đội ngũ cán bộ phải có phong cách sống, làm việc hợp với lòng dân.

Thứ ba, Nếp sống mới

Kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống thuần phong mỹ tục. Tuy nhiên phải có quan điểm đúng trong kế thừa. Đời sống mới không phải cái gì cũng bỏ đi hết, không phải cái gì cũng làm mới. Phải cái xấu thì bỏ, cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì sửa đổi. Cũ mà tốt thì phát triển thêm. Mới mà hay thì phải làm. Người khẳng định phải xây dựng thuần phong mỹ tục trong các vấn đề vệ sinh, ma chay, cưới hỏi... đồng thời phải chống các hư tục.

Xây dựng đời sống mới là một quá trình khó khăn, phức tạp lâu dài. Yêu cầu phải giải thích, tuyên truyền, kiên nhẫn mềm dẻo phải nêu gương... Đó là công việc của từng người, từng nhà và toàn xã hội.

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN, VĂN HÓA VÀO VIỆC XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM MỚI HIỆN NAY

Công cuộc đổi mới đất nước gần 20 năm qua đã chứng tỏ việc kiên định chủ nghĩa Mác Lênin - tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng của cách mạng Việt Nam, đó là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Thành tựu của công cuộc đổi mới đã tác động tích cực đến mọi mặt của đời sống xã hội. Đời sống vật chất tinh thần được cải thiện, quyền làm chủ của nhân dân được đảm bảo. Nhân dân được giải phóng khỏi sự ràng buộc của nhiều cơ chế. Tính năng động của con người nâng cao. Tuy nhiên còn tồn tại nhiều tiêu cực ảnh hưởng không nhỏ đến việc xây dựng con người mới.

Đã xuất hiện những cá nhân ích kỷ chỉ biết chạy theo đồng tiền, chỉ chú trọng đến đời sống vật chất. Họ tìm mọi cách để hưởng thụ chà đạp lên đạo đức, nhân phẩm của người khác. Nhiều hiện tượng xã hội bức xúc giải quyết việc làm, đời sống vùng sâu vùng xa khó khăn, tình trạng quan liêu, tham nhũng. Lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút nghiêm trọng ảnh hưởng đến niềm tin của dân đối với Đảng với chế độ. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, nhân văn, văn hoá trong việc xây dựng con người mới hiện nay cần tập trung vào các vấn đề sau.

4.1. Học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức lối sống

Một là, Bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ, Đảng ta chỉ rõ: "Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống xã hội" ⁽¹⁾.

Do đó quá trình xây dựng con người mới, phải chú trọng nhiệm vụ trang bị, giáo dục thế giới quan cách mạng và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Muốn con người mới có công vụ nhận thức và cải tạo thế giới nắm được những nguyên lý, quy luật của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Phương pháp biện chứng giúp ta xem xét và cải tạo sự vật một cách khách quan, toàn diện, lịch sử, cụ thể và phát triển. Khi vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh cần nhận thức đó là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến con người xã hội chủ nghĩa.

Hai là, Nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên trong lao động, học tập, bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, NXB Sự thật, Hà Nội 1991, tr 10.

Yêu nước là sức mạnh vô địch của dân tộc, yêu nước là truyền thống của dân tộc. Trong điều kiện hiện nay yêu nước và yêu chủ nghĩa là một. Yêu nước phải vươn lên xoá nỗi nhục đói nghèo, lạc hậu.

Ba là, Giữ gìn đạo đức, nhân phẩm, lương tâm, danh dự.

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đức và tài theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Xây dựng đạo đức mới trong thời kỳ quá độ phải kết hợp giữa khai thác mặt tích cực đồng thời hạn chế mặt tiêu cực do cơ chế thị trường mang lại.

Bốn là, Xây dựng nếp sống giản dị.

Giải quyết phù hợp giữa điều kiện sinh hoạt vật chất với ham muốn về vật chất, giữa lối sống và mức sống.

4.2. Học tập và vận dụng tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

Tư tưởng nhân văn nói cho cùng là tất cả vì con người, do con người. Tư tưởng nhân văn cách mạng là phần đầu cho độc lập, tự do, hạnh phúc, công bằng, dân chủ của con người, dân tộc và nhân loại, văn minh còn được hiểu là cả trình độ phát triển của đời sống tinh thần và trình độ phát triển của khoa học kỹ thuật. Muốn vậy coi trọng, phát huy vai trò của giáo dục: nhà trường - gia đình - xã hội. Con người ở trung tâm của mọi chiến lược xã hội.

4.3. Vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá

Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay phải đặt trong sự kết hợp với bảo tồn phá huy bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam, tăng cường giao lưu văn hoá quốc tế đồng thời chống các yếu tố phản văn hoá. Do vậy cần tập trung vào các nội dung sau:

Một là, Xây dựng con người Việt Nam mới có tinh thần yêu nước phần đầu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hai là, Có ý thức tập thể đoàn kết, phần đầu vì lợi ích chung.

Ba là, Có lối sống lành mạnh, cần, kiệm, trung thực nhân nghĩa...

Bốn là, Lao động có kỷ luật, kỹ thuật năng suất cao, hiệu quả.

Năm là, Thường xuyên học tập nâng cao trình độ mọi mặt.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày những nội dung cơ bản trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh:
2. Phân tích vai trò của đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh
3. Hãy nêu quan điểm của Hồ Chí Minh về phẩm chất đạo đức: Trung với nước, hiếu với dân.
4. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về phẩm chất đạo đức: yêu thương con người.
5. Giải thích theo quan điểm Hồ Chí Minh về phẩm chất đạo đức: cần – kiệm – liêm – chính – chí công vô tư.

6. Nêu những nguyên tắc cơ bản xây dựng đạo đức mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Phân tích một nguyên tắc mà anh chị hiểu sâu sắc nhất.
7. Phân tích nội dung “con người là vốn quý nhất – nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng trong tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh
8. Phân tích nội dung: Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh
9. Chứng minh nhận định sau đây của Hồ Chí Minh: Xây dựng con người là chiến lược hàng đầu của cách mạng Việt Nam?.
10. Trình bày những quan điểm chung của Hồ Chí Minh vị trí, vai trò của văn hóa?
11. Trình bày những quan điểm chung của Hồ Chí Minh về tính chất của nền văn hoá mới. Vận dụng xem xét việc xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở Việt Nam hiện nay
12. Hãy trình bày chức năng chủ yếu của văn hoá mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh
13. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về lĩnh vực văn hoá giáo dục?
14. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về lĩnh vực văn hoá văn nghệ?
15. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về lĩnh vực văn hoá đời sống?
16. Vận dụng tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh vào việc xây dựng con người mới hiện nay

CHƯƠNG VII

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng là kim chỉ nam cho hành động của Đảng, của cách mạng Việt Nam. Đó là nguyên tắc, quan điểm, tinh thần xử lý việc nhận thức và hành động cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể. Trước sự biến động nhanh chóng của tình hình thế giới và trong nước cách mạng nước ta trước những thời cơ và thách thức mới. Vì vậy việc nắm chắc đặc điểm tình hình thế giới, trong nước, từ đó khẳng định những quan điểm cơ bản có ý nghĩa phương pháp luận để xác định phương hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Nắm vững đặc điểm tình hình thế giới và trong nước
2. Hiểu những quan điểm cơ bản có ý nghĩa phương pháp luận với việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.
3. Nắm phương hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

NỘI DUNG

I. BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

1.1. Đặc điểm của tình hình thế giới

1.1.1. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang diễn ra như vũ bão

Lịch sử nhân loại đã trải qua bốn cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật. Giai đoạn phát triển hiện nay được bắt đầu từ giữa thế kỷ XX với những thành tựu nổi bật. Từ lĩnh vực khoa học cơ bản, đến khoa học ứng dụng, đến khoa học vũ trụ, công nghệ sinh học, vật liệu mới. Đặc biệt là lĩnh vực điện tử với bước phát triển kỳ diệu đã hướng nhân loại bước vào nền văn minh trí tuệ với hai đặc trưng cơ bản là "Xã hội thông tin" và "Kinh tế tri thức".

Những thành tựu đó chỉ rõ tính đúng đắn trong dự báo của Các Mác khoa học kỹ thuật sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Cách mạng khoa học công nghệ tác động tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, lực lượng sản xuất mang tính quốc tế hoá mở ra hai khả năng:

Một là, Tạo điều kiện cho các nước lạc hậu chậm phát triển có thể rút ngắn khoảng cách giữa nước mình với các nước phát triển nếu biết tận dụng thành tựu để đi tắt, đón đầu.

Hai là, Những thành tựu kỳ diệu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật cũng sẽ tạo ra nguy cơ tụt hậu nếu những nước lạc hậu đứng ngoài lề cuộc cách mạng.

Cách mạng khoa học công nghệ cũng tạo nên sự phối hợp, phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước tăng lên tạo nên qui luật mới: Bất kỳ quốc gia nào cũng có thể phát triển được khi xem mình là nhân tố của cộng đồng thế giới, khi mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế để hoà nhập vào dòng tiến hoá chung của nhân loại.

1.1.2. Tình hình chính trị trên thế giới có sự thay đổi lớn:

Cục diện chính trị thế giới có nhiều biến động lớn nhất là từ cuối những năm 80 đầu những năm 90 của thế kỷ XX:

Một là, Chủ nghĩa xã hội không còn tồn tại với tư cách là một hệ thống đối lập với chủ nghĩa tư bản. Phong trào cộng sản và công nhân gặp khó khăn. Đó là kết quả của những sai lầm trong nhận thức và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin.

Hai là, Nguy cơ chiến tranh thế giới lại đẩy lùi những xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ xảy ra ở nhiều nơi.

Ba là, Chủ nghĩa tư bản tiếp tục có sự điều chỉnh để phát triển những mâu thuẫn vốn có không thể khắc phục được.

Bốn là, Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển với tốc độ cao, đồng thời cũng tiềm ẩn một số nhân tố gây mất ổn định.

Việt Nam là một nước nằm trong khu vực này nên dễ bị tác động.

Năm là cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc diễn ra rất gay gắt với nhiều hình thức mới đa dạng và phức tạp.

1.2. Bối cảnh trong nước

Gần 20 năm đổi mới đất nước, tiếp tục kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam có những đặc điểm chủ yếu sau:

Một là, Đất nước đã đạt được những thành tựu cơ bản trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tình hình chính trị của đất nước luôn giữ được ổn định. Tốc độ phát triển kinh tế luôn giữ ở mức độ cao so với các nước trong khu vực. Tình hình xã hội có những tiến bộ rõ rệt. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện. Thế và lực của đất nước mạnh lên rất nhiều. Vị thế của Việt Nam không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Điều đó tạo cơ sở để Việt Nam tiếp tục hội nhập và phát triển để sớm trở thành một nước công nghiệp.

Hai là, Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn và thách thức lớn. Trong giai đoạn mới, Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để phát triển.

Đó là lợi thế so sánh để phát triển do các yếu tố mang lại trong đó có lợi thế so sánh, trong đó yếu tố nội lực là hết sức quan trọng. Lợi thế đó cho phép chúng ta đi tắt, đón đầu.

Mở rộng quan hệ đối ngoại: đa phương, đa dạng hoá quan hệ hợp tác quốc tế giúp chúng ta kết hợp được nội lực và ngoại lực trong sự phát triển.

Đi sâu trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá giúp chúng ta có thể rút ra được những bài học thành công và không thành công của gần hai mươi năm đổi mới ở Việt Nam cũng như ở các nước trên thế giới.

Tuy nhiên chúng ta cũng đang đứng trước những thách thức lớn: Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đại hội VII của Đảng vẫn tồn tại. Các nguy cơ diễn biến phức tạp, đan xen tác động lẫn nhau. Trong điều kiện hiện nay xuất hiện thách thức lớn: phát triển nhanh và bền vững. Nếu không tận dụng thời cơ để phát triển nhanh và thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu thì thời cơ bị bỏ lỡ.

Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa phải được đề phòng trong đường lối, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước mà còn phải thể hiện trong quá trình tổ chức thực hiện.

Nạn quan liêu, tham nhũng, sự suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã và đang cản trở việc thực hiện đường lối, làm giảm niềm tin của dân vào sự nghiệp đổi mới.

Cạnh đó các thế lực thù địch không ngừng tìm mọi cách thực hiện "âm mưu diễn biến hoà bình" để chống phá sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

II. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CÓ Ý NGHĨA PHƯƠNG PHÁP LUẬN ĐỐI VỚI VIỆC VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.

Từ tình hình quốc tế và trong nước hiện nay, khi vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh cần nắm vững một số quan điểm cơ bản sau đây:

2.1. Lý luận gắn liền với thực tiễn

Đây là một nguyên tắc mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra được Hồ Chí Minh vận dụng vào thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Người trở thành mẫu mực trong việc kết hợp giữa lý luận cách mạng khoa học chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn sôi động của Việt Nam. Do vậy trong hoạt động chúng ta phải gắn chặt giữa lý luận và hoạt động thực tiễn. Khi vận dụng quan điểm này cần tập trung vào các nội dung cơ bản:

Một là, Luôn luôn đem những vấn đề lý luận đối chiếu với thực tiễn.

Như vậy sẽ tránh được căn bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa, cũng tránh được sự xa rời thực tiễn của lý luận, tránh được sự xơ cứng về lý luận.

Hai là, trong quá trình hoạt động thực tiễn, phải chú ý tổng kết, nâng lên thành những vấn đề lý luận.

Thực tiễn với sinh động, phong phú và không ngừng phát triển, nó là cơ sở của lý luận. Để lý luận sát hơn, sinh động hơn, đúng đắn hơn phải bổ xung những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn. Đây là quá trình biện chứng nhằm làm cho thực tiễn phát triển phù hợp với quy luật phát triển của xã hội.

Ba là, Thông qua thực tiễn để kinh nghiệm lý luận.

Thực tiễn là tiêu chuẩn để kiểm tra chân lý. Trong bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh không phân biệt rạch ròi đâu là vấn đề lý luận, đâu là vấn đề thực tiễn mà chúng hoà quyện với nhau.

Đây cũng là việc làm cho thực tiễn và lý luận có sự điều chỉnh để nắm bắt quy luật khách quan của thế giới vật chất tốt hơn.

2.2. Quan điểm lịch sử, cụ thể

Quan điểm của triết học Mác - Lênin đã chỉ rõ: Sự vật hiện tượng tồn tại trong không gian và phát triển trong thời gian. Điều đó chỉ rõ tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của một thời kỳ lịch sử cụ thể, phản ánh lịch sử và chịu sự chi phối tác động bởi điều kiện lịch sử. Khi vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh phải:

Đặt quan điểm, luận điểm của Hồ Chí Minh trong điều kiện hoàn cảnh lịch sử nhất định mới hiểu rõ thực chất và tránh sai lầm trong vận dụng, phát triển.

Nghiên cứu quan điểm của Hồ Chí Minh trong mối quan hệ biện chứng với thực tiễn xã hội Việt Nam luôn vận động, biến đổi.

Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa nói và làm, thậm chí làm nhiều hơn nói. Nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ tìm hiểu trong Hồ Chí Minh toàn tập mà còn cả trong thực tiễn.

2.3. Quan điểm toàn diện và hệ thống

Quan điểm toàn diện là một trong những quan điểm phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện về cách mạng Việt Nam, do đó trong quá trình nghiên cứu, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh nên:

Đặt tư tưởng Hồ Chí Minh vào hệ thống lý luận Mác - Lênin, không nên biệt lập từng quan điểm.

Phải nhìn sự vật hiện tượng một cách toàn cục, bao quát. Tránh bỏ sót việc lớn, việc cơ bản chỉ tập trung vào những việc vụn vặt.

Đặt vấn đề nghiên cứu vào một tổng thể, tìm ra bản chất sự vật trong toàn bộ trạng thái vận động của nó.

2.4. Quan điểm kế thừa và phát triển

Phát triển là khuynh hướng vận động của sự vật hiện tượng. Trong quá trình phát triển luôn bao hàm sự kế thừa những nhân tố tích cực của sự vật cũ, đồng thời cải tạo và nâng lên. Do vậy khi nghiên cứu vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh cần lưu ý:

Hiểu đúng những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh. Phân tích đúng đắn tình hình trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó vận dụng cho sát hợp với hoàn cảnh, điều kiện ở từng giai đoạn, từng thời kỳ, từng công việc.

Trong kế thừa và phát triển phải giữ đúng nguyên tắc, đúng mục đích, kiên quyết không thay đổi mục tiêu chiến lược. Những vấn đề sách lược, có thể và cần thiết thay đổi để đạt được mục tiêu chiến lược. Tránh cứng nhắc, giáo điều, rập khuôn, máy móc.

Vận dụng tinh thần và phương pháp của Hồ Chí Minh để nhận thức và hành động đúng quy luật, giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Coi tư tưởng của Người là một hệ mở, cần được bổ xung, phát triển trong điều kiện mới.

III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI.

3.1. Phương hướng

Phương hướng vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới là nắm vững quan điểm thực tiễn, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của Người để giải quyết đúng những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

3.2. Một số nội dung chủ yếu vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay

3.2.1. Kiên định con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn

Năm 1920, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường phát triển cho dân tộc ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn lịch sử Việt Nam từ 1930 đến nay đã chứng minh tính đúng đắn của con đường đó. Đó là con đường phù hợp với nguyện vọng của nhân dân của dân tộc Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện nay khi cách mạng thế giới gặp khó khăn: Chủ nghĩa xã hội không tồn tại với tư cách là một hệ thống nhưng vẫn còn trên 1 tỷ người trên trái đất vẫn đi theo con đường tốt đẹp đó và thực tế đã chứng minh xu hướng đó là phù hợp với quy luật khách quan. Chủ nghĩa tư bản còn thích nghi và phát triển nhưng không thể giải quyết được bản chất xấu xa của nó. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội vẫn là con đường hợp quy luật, mặc dù còn nhiều khó khăn, phức tạp. Mọi sự xuyên tạc, phủ nhận mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đều đi ngược lại lợi ích của nhân dân, dân tộc.

Kiên định với con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn chúng ta tiếp tục xây dựng xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng được vạch ra trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà đại hội VII của Đảng đã vạch ra:

Một là, Chủ nghĩa xã hội ở nước ta là xã hội cho nhân dân lao động làm chủ.

Hai là, Xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

Ba là, Xã hội có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc.

Bốn là, Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Năm là, Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Sáu là, Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ đổi mới luôn vận động, phát triển, nó là cơ sở để chúng ta bổ xung, phát triển, cụ thể hoá sáu đặc trưng về chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta đã xác định.

3.1.2. Dựa vào sức mạnh của toàn dân:

"Dân là gốc" "quần chúng nhân dân là nguồn sáng tạo chân chính ra lịch sử" Hồ Chí Minh đã phát triển quan điểm đó trong kho tàng tư tưởng của dân tộc và nhân loại. Người đã chỉ rõ động lực của cách mạng chính là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy vận dụng và phát triển nội dung này cần tập trung vào.

Một là, Thường xuyên chăm lo xây dựng và phát triển nguồn lực con người.

Tập trung vào phát triển số lượng và đặc biệt là chất lượng dân cư, trên cơ sở:

Bồi dưỡng tư tưởng yêu nước kết hợp với tinh thần quốc tế chân chính. Phấn đấu vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bồi dưỡng con người có đạo đức, lối sống lành mạnh, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, không tham nhũng và mắc các tiêu cực khác.

Xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ cao với đối tượng cụ thể: cán bộ, lãnh đạo, quản lý, chuyên môn kỹ thuật và người lao động

Hai là, Tiếp tục xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Củng cố tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở đồng thuận. Đoàn kết cộng đồng người Việt Nam ở trong nước lẫn ngoài nước.

Ba là, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Dân phải được tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của mình. Hạn chế ảnh hưởng tiêu cực, của cơ chế kinh tế thị trường, quan liêu, tham nhũng, vi phạm trắng trợn quyền làm chủ của dân. Quyền làm chủ của nhân dân phải được đảm bảo trên thực tế ở các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Bốn là, Dựa vào sức mạnh của dân, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc dựa trên giá trị văn hoá truyền thống dân tộc.

Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng. Thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Quyền tự do cá nhân đặt trong khuôn khổ ý thức, lợi ích cộng đồng.

Năm là, Làm cho nhân dân làm tròn nghĩa vụ công dân tuyên truyền giáo dục ý thức công dân, trách nhiệm của công dân. Đây là hai mặt của vấn đề quyền lợi đi liền với trách nhiệm, quyền dân chủ gắn liền với nghĩa vụ thực hiện pháp luật. Đó là trách nhiệm của mỗi công dân và các tổ chức chính trị - xã hội.

3.1.3. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh:

Một là, Xây dựng chính đôn Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng là một thành tố của hệ thống chính trị đồng thời Đảng là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống ấy. Muốn hoàn thành mục tiêu của cách mạng Đảng phải chăm lo xây dựng vững mạnh cả về chính trị - tư tưởng - tổ chức.

Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng do vậy công cuộc đổi mới phụ thuộc vào chất lượng Đảng cầm quyền. Sự nghiệp đổi mới bắt đầu từ bản thân Đảng. Sự nghiệp đổi mới mà Đảng khởi xướng năm 1986 xuất phát từ chính yêu cầu cuộc sống mà Đảng nắm bắt được, nó là yêu cầu nội tại của đất nước.

Trong điều kiện mới Đảng phải vươn lên mọi mặt chính trị - tư tưởng - tổ chức để ngang tầm nhiệm vụ lịch sử. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản Đảng cảm quyền đang đứng trước những khó khăn thử thách lớn lao. Đó là căn bệnh mới phát triển: cửa quyền, quan liêu, mất dân chủ, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về lối sống, đạo đức.

Những vấn đề đó yêu cầu phải giải quyết cả về lý luận và thực tiễn.

Đảng đổi mới phương thức toàn bộ hệ thống chính trị, trước hết là nhà nước. Đảng lãnh đạo chứ không bao biện làm thay nhà nước.

Đảng cũng phải tăng cường lãnh đạo mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của nhân dân để đảm bảo và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân.

Hai là, Xây dựng nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng là một thành tố có vị trí quan trọng trong hệ thống chính trị. Nhà nước ta là nơi thể hiện rõ nhất quyền và nghĩa vụ của nhân dân. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay cần tập trung vào:

- Xây dựng pháp luật, quản lý nhà nước bằng pháp luật, đưa pháp luật vào đời sống một cách có hiệu quả.
- Bảo đảm cho nhà nước trong sạch là một nội dung rất quan trọng cần phải đẩy mạnh chống tham nhũng, quan liêu và các tiêu cực khác trong bộ máy nhà nước, làm cho nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân.
- Đẩy nhanh tiến độ cải cách hành chính trên thực tế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.
- Kiện toàn bộ máy nhà nước cho hợp lý, khoa học, hiệu quả chức năng rõ ràng không chồng chéo.
- Đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước phải được chuẩn hoá có đủ sức, đủ đức, đủ tài, tận tâm phụng sự nhân dân, phụng sự tổ quốc.

Ba là, Luôn luôn chăm lo xây dựng mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Đây là những thành tố của hệ thống chính trị, có vai trò tập hợp sức mạnh của các tầng lớp nhân dân tạo nên sức mạnh của cách mạng. Sự nghiệp cách mạng không thể thắng lợi nếu không có sự đoàn kết sức mạnh toàn dân. Các tổ chức này tập hợp, đoàn kết, phát huy sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng để phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020.

Phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong điều kiện hiện nay cần đổi mới chức năng, nhiệm vụ đặc biệt phương thức hoạt động của mặt trận. Đổi mới hình thức vận động để không bỏ sót bất kỳ lực lượng nào của xã hội.

Với các tổ chức khác, trong đó có Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải đi đầu trong học tập, rèn luyện để trở thành những người có ích cho tổ quốc. Tương lai đất nước phụ thuộc vào sự nỗ lực của thế hệ trẻ ngày nay. Do vậy phải đổi mới phương thức tập hợp thanh niên, phương pháp hoạt động năng động, hiệu quả trong công việc.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu của hệ thống chính trị của Việt Nam hiện nay. Cần hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân lao động làm chủ.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến công cuộc đổi mới ở Việt nam như thế nào?
2. Khi vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện hiện nay cần nắm vững những quan điểm cơ bản nào?
3. Trình bày một nội dung chủ yếu vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯỞI CHÍNH QUẢN TRỊ

Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Nội (100000)
Tel: (04) 554 11 11; Fax: (04) 554 0550
Website: <http://www.o-ptit.edu.vn>; E-mail: info@o-ptit.edu.vn

CÂU HỎI VÀ HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

CHƯƠNG I:

1. Đối tượng nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

Gợi ý nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm hệ thống quan điểm lý luận về cách mạng Việt Nam mà cốt lõi là tư tưởng độc lập tự do; về mối quan hệ của tư tưởng độc lập tự do với tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội; ...

Trên cơ sở đối tượng, bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiệm vụ đi sâu nghiên cứu và làm rõ:

- Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Nội dung, bản chất cách mạng và khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Vai trò nền tảng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và giá trị tư tưởng của Người trong kho tàng tư tưởng, lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

2. Phương pháp nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh

Gợi ý nghiên cứu:

- Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi phải nắm vững đối tượng nghiên cứu và phải có tư liệu, tài liệu.
- Thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử là cơ sở phương pháp luận khoa học để nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Phương pháp tư tưởng Hồ Chí Minh là phương pháp biện chứng duy vật, không giáo điều, rập khuôn, luôn xem xét sự vật trong vận động và phát triển và trong quá trình phát triển lịch sử.
- Tuân thủ nguyên tắc thống nhất tính Đảng và tính khoa học: nhận thức
- Kết hợp chặt chẽ phương pháp logic với phương pháp lịch sử
- Vận dụng các phương pháp liên ngành: Thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh, điều tra xã hội học, tiếp xúc nhân chứng lịch sử....

3. Trình bày khái niệm và hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh:

Gợi ý trả lời:

- Nêu khái niệm về tư tưởng Hồ Chí Minh theo văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX
- Nêu những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh
- Hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh

4. Phân tích chức năng của môn tư tưởng Hồ Chí Minh:

Gợi ý trả lời:

- Chức năng nhận thức.
- Chức năng hành động
- Mối quan hệ của hai chức năng trên.

5. Điều kiện lịch sử - xã hội Việt Nam, gia đình và thế giới ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Gợi ý trả lời:

- **Điều kiện lịch sử xã hội Việt Nam dưới ách cai trị của thực dân Pháp và phong kiến.** Đó là:

- o Sự uơ hèn của triều đại phong kiến nhà Nguyễn.
- o Các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp trên cả nước nhưng đều không thành công.

- **Hoàn cảnh gia đình, quê hương**

- o Nguyễn Ái Quốc sinh ra trong một gia đình trí thức phong kiến yêu nước. Cha Người là một nhà nho cấp tiến, gần gũi với dân, thương dân, yêu nước, → khi bắt gặp tư tưởng của thời đại là chủ nghĩa Mác-Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã nâng tư tưởng yêu nước, thương dân thành tư tưởng cốt lõi trong quan điểm, đường lối chính trị của mình
- o Nghệ An là vùng quê giàu truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm với nhiều anh hùng nổi tiếng trong lịch sử. Đây là một trong những yếu tố quan trọng tác động mạnh mẽ vào quá trình hình thành nhân cách và tư tưởng Hồ Chí Minh

- **Điều kiện thời đại:**

- o Chủ nghĩa đế quốc ra đời → sự gắn kết giữa phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa với phong trào vô sản trên toàn thế giới.
- o Sự thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga đã mở ra một thời đại mới- thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới
- o Hành trình khảo nghiệm hơn 30 nước trên 4 châu lục của Nguyễn Ái Quốc giúp Người hiểu rõ hơn bản chất của chủ nghĩa đế quốc cũng như sức mạnh to lớn của nhân dân lao động trên toàn thế giới.
- o Sự nhảy vọt về tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc sau khi được tiếp xúc với chủ nghĩa Mác-Lênin.

6. Phân tích ảnh hưởng của truyền thống văn hóa dân tộc đối với sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Gợi ý trả lời:

- Chủ nghĩa yêu nước chân chính và tinh thần bất khuất trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.
- Đoàn kết, tương thân, tương ái, sống nhân nghĩa là truyền thống văn hóa quý báu của dân tộc Việt Nam.

- Cần cù, dũng cảm, thông minh và sáng tạo trong lao động sản xuất và chống giặc ngoại xâm.

7. Phân tích ảnh hưởng của tinh hoa văn hóa nhân loại đối với sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh:

Gợi ý trả lời:

- Tinh hoa văn hóa phương Đông:
 - o Nho giáo
 - o Phật giáo
 - o Chủ nghĩa tam dân của Tôn Dật Tiên
- Tư tưởng và văn hóa phương Tây:
 - o Nền văn hóa, chế độ dân chủ tư sản và tư tưởng cách mạng của các nước châu Âu
 - o Ảnh hưởng của các tổ chức xã hội ở Pháp cũng như sự diu dắt giúp đỡ của các chiến sỹ cách mạng, các trí thức tiến bộ ở Pháp đối với Nguyễn Ái Quốc.

8. Phân tích vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Gợi ý trả lời:

- Những bài học rút ra từ những phong trào yêu nước, Với nguồn vốn chính trị, văn hóa và đời sống thực tiễn đã giúp Nguyễn Ái Quốc hình thành nên bản lĩnh chính trị của người chiến sỹ cách mạng → Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo.
- Do yêu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam → Người nghiên cứu chủ nghĩa Mác một cách sâu sắc, khoa học, nắm chắc cái tinh thần, bản chất để vận dụng phù hợp
- Chủ nghĩa Mác-Lênin là nguồn gốc lý luận trực tiếp quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh

9. Phân tích vai trò của nhân tố chủ quan (các phẩm chất riêng có ở Người) trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh:

Gợi ý trả lời:

- Nguyễn Ái Quốc là người có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, có đầu óc phê phán
- Người đã có một quá trình khổ công học tập, rèn luyện
- Người có tâm hồn của một nhà yêu nước, một chiến sỹ cộng sản nhiệt tình cách mạng
- Với phẩm chất cá nhân của mình, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp nhận, chọn lọc, chuyên hoá được những tri thức của nhân loại và dân tộc thành trí tuệ của bản thân mình, Người đã tìm ra cho dân tộc mình một con đường, một hướng đi đúng đắn phù hợp với xu thế của thời đại: Đó là con đường cách mạng vô sản, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

10. Hãy trình bày giai đoạn hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng (1890-1911) và giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm của Nguyễn Tất Thành trên con đường tìm đường cứu nước(1911-1920)

Gợi ý trả lời:

- Giai đoạn hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng (1890 -1911)

Ngay từ khi còn nhỏ, Nguyễn Sinh Cung đã tiếp thu nền văn hoá Quốc học và Hán học, bước đầu tiếp nhận nền văn hoá phương Tây từ trường quốc học Huế; chứng kiến nỗi thống khổ của người dân mất nước, cũng như tinh thần đấu tranh bất khuất của thế hệ cha anh. Nhờ đó hoài bão cứu nước cứu dân trong Người bắt đầu hình thành cùng với quyết định chọn hướng đi, cách đi để sớm tới thành công

- Giai đoạn tìm tòi, khảo nghiệm và hình thành tư tưởng cứu nước theo lập trường vô sản (Từ 1911 - 1920)

- o Đây là giai đoạn Nguyễn Tất Thành bôn ba khoảng 30 nước trên các châu lục để tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn trên thế giới và khảo sát cuộc sống của nhân dân các dân tộc bị áp bức.
- o Tháng 7/1920, được nghiên cứu Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin. Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc.
- o Tháng 12/1920 Người biểu quyết tán thành đứng về quốc tế III, tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp đã đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc: từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước trở thành người cộng sản.

11. Hãy trình bày giai đoạn hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc (1921-1930)

Gợi ý trả lời:

Đây là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc có những hoạt động lý luận và thực tiễn sôi nổi, phong phú. Cụ thể:

- Người hoạt động tích cực trong ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng cộng sản Pháp, tham gia sáng lập hội liên hiệp thuộc địa, xuất bản báo Le Paria
- Tháng 10/1923, tại Mátxcova, Nguyễn Ái Quốc tham dự hội nghị nông dân quốc tế tham gia đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V và đại hội của một số tổ chức quốc tế
- Tháng 6/1925 Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, ra báo thanh niên, mở các lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ.
- Ngày 3-7/2/1930 Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam được tổ chức đã thông qua Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, và lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng.

12. Hãy trình bày giai đoạn Nguyễn Ái Quốc vượt qua thử thách, kiên trì con đường đã xác định cho cách mạng Việt Nam (1930-1941)

Gợi ý trả lời:

- Những chủ trương sáng tạo của Hồ Chí Minh không được Quốc tế cộng sản ủng hộ bởi lúc đó Quốc tế cộng sản còn bị chi phối bởi quan điểm “tả khuynh”.
- Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (tháng 8/1935) trước nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới mới, Quốc tế Cộng sản đã nghiêm khắc tự phê bình về những sai lầm “tả” khuynh và xem xét lại những quan điểm đúng đắn, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc
- Cuối tháng 9 năm 1938, Quốc tế Cộng sản đã quyết định điều động Hồ Chí Minh về công tác ở Đông Dương. Đây là điều kiện thuận lợi để Hồ Chí Minh biến tư tưởng của mình thành sức mạnh quần chúng đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

13. Hãy trình bày giai đoạn phát triển và thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh (1941-1969)

Gợi ý trả lời:

- Tháng 2/1941 Người về nước.
- Tháng 5/1941 Người triệu tập và chủ trì hội nghị TW lần thứ 8 (khoá I), thành lập mặt trận Việt Minh
- 2-9-1945. Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập tại Hà Nội
- 1946-1954 dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai và làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ
- Sau 1954, đất nước ta bước vào thời kỳ vừa xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, vừa đấu tranh giải phóng Miền Nam. Đây cũng là thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh được bổ sung, phát triển và hoàn thiện trên một loạt vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam
- Năm 1969 Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời đã để lại một bản di chúc thiêng liêng cho cả dân tộc. Đây là những lời căn dặn cuối cùng đầy tâm huyết, thấm đượm tình người của Bác, một di sản vô cùng quý báu của dân tộc và nhân loại.

14. Hãy trình bày ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh

Gợi ý trả lời:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam:
- Nội dung cốt lõi tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội,
- Tư tưởng Hồ Chí Minh là mẫu mực của tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới, sáng tạo.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho Đảng và nhân dân Việt Nam trên con đường xây dựng mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy, nghiên cứu học tập tư tưởng Hồ Chí Minh để nâng cao tư duy lý luận, rèn luyện bản lĩnh chính trị, nâng cao đạo đức cách mạng, năng lực công tác, thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng đại của Đảng, nhà nước trên con đường quá độ lên CNXH

CHƯƠNG II:

1. Tại sao Độc lập tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm?

Gợi ý nghiên cứu:

- Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước và đấu tranh cho độc lập tự do.
- Đối với người dân tộc bị đô hộ thì cái quý nhất trên đời là "độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân".
 - Hồ Chí Minh khái quát thành chân lý: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.
- Quá trình hình thành tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh:
 - Năm 1919 Hồ Chí Minh gửi bản yêu sách 8 điểm đòi các quyền tự do dân chủ cho nhân dân Việt Nam tới hội nghị hoà bình Vec-xây.
 - Trong chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt do Hồ Chí Minh soạn thảo được thông qua tại hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ngày 3-2-1930 Hồ Chí Minh đã xác định mục tiêu chính trị của Đảng là:
 - Đánh đuổi đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.
 - Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.
 - Tháng 5/1941 tại hội nghị Trung Ương 8 Hồ Chí Minh chỉ đạo thành lập mặt trận Việt Minh với mục tiêu hàng đầu là: "Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền" và Hồ Chí Minh nêu chân lý: Dù có phải đốt cháy cả dãy trường sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập
 - Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945 Hồ Chí Minh khẳng định: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc VN quyết đem cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".
 - Tháng 12-1946 kháng chiến toàn quốc bùng nổ Hồ Chủ Tịch kêu gọi: "Không, chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ "
 - Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hồ Chủ Tịch đưa ra chân lý: "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

Kết luận: Hồ Chí Minh nêu một số tư tưởng cơ bản về quyền độc lập tự do:

- Dân tộc đó phải thực sự độc lập trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, ngoại giao, quân sự, toàn vẹn lãnh thổ, trong đó và trước hết là độc lập hoàn toàn

- Mọi vấn đề thuộc về chủ quyền quốc gia phải do dân tộc đó tự quyết định không có sự can thiệp bên ngoài
- Nền độc lập thực sự phải được thể hiện ở âm no- tự do- hạnh phúc
- Quyền bình đẳng dân tộc, độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng, quyền tạo hoá dành cho các dân tộc → nó là vô giá, bất khả xâm phạm của mọi dân tộc.
- Độc lập nhưng phải có hoà bình chân chính

2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về quan hệ giữa dân tộc và giai cấp:

Gợi ý nghiên cứu:

Vấn đề dân tộc ở thời đại nào cũng được nhận thức và giải quyết trên lập trường và theo quan điểm của một giai cấp nhất định.

- Ở thời đại cách mạng vô sản cho thấy chỉ đứng trên lập trường của giai cấp vô sản và cách mạng vô sản mới giải quyết được đúng đắn vấn đề dân tộc.
- Mác-Ăngghen xuất phát từ yêu cầu và mục tiêu của cách mạng vô sản ở châu Âu, các ông tập trung nhiều hơn về vấn đề giai cấp, các ông không đi sâu giải quyết vấn đề dân tộc;
- Đến thời đại của Lênin, chủ nghĩa Đế quốc đã thành hệ thống thế giới. Thực tiễn đó đã tạo điều kiện cho Người xây dựng học thuyết về cách mạng thuộc địa.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự kết hợp giữa dân tộc với giai cấp?

Gợi ý nghiên cứu:

- Phải biết kết hợp hài hoà giữa dân tộc và giai cấp, trước hết phải đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết.
- Các dân tộc phải biết dựa vào sức của chính mình, đồng thời phải biết tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của giai cấp vô sản và nhân dân thế giới để trước hết giành độc lập dân tộc, từ thắng lợi này tiến lên làm cách mạng XHCN, góp phần vào tiến trình cách mạng thế giới
- Chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là một động lực lớn của đất nước.

4. Phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Gợi ý nghiên cứu:

- Chỉ có giải phóng giai cấp mới có thể giải phóng dân tộc, Bởi vì chỉ có CNXH, CNCS mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.
- Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để tiến lên CNXH và CNXH là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc
- Cả hai cuộc cách mạng này là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới.

5. Phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập cho dân tộc mình đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc.

Gợi ý nghiên cứu:

- Quyền tự do, độc lập là quyền bất khả xâm phạm của các dân tộc
- Chủ nghĩa yêu nước chân chính luôn luôn thống nhất với chủ nghĩa quốc tế trong sáng
- Giúp bạn là tự giúp mình

6. Nêu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.

Gợi ý nghiên cứu:

Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc:

- Một là: Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.
- Hai là: Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.
- Ba là: Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp đoàn kết toàn dân, trên cơ sở liên minh công - nông.
- Bốn là: Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.
- Năm là: Cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang trong nhân dân.

7. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

Gợi ý nghiên cứu:

- Nguyễn Ái Quốc khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc tiền bối nhưng Người cũng nhận thấy rõ những hạn chế của các con đường cứu nước đó là chưa có đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn
- Người nghiên cứu, khảo sát nhiều cuộc cách mạng trên thế giới và khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.
- Hồ Chí Minh ví: Chủ nghĩa đế quốc như một con đĩa có hai vôi → Muốn đánh bại chủ nghĩa đế quốc phải đồng thời cắt cả hai cái vôi của nó đi, tức là phải kết hợp cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng ở thuộc địa.
- Đây là luận điểm hết sức quan trọng thể hiện sự sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.

8. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh: Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Gợi ý nghiên cứu:

- Trong phong trào cứu nước, giải phóng dân tộc trước 1930 đều thiếu một đường lối chính trị đúng đắn, thiếu tổ chức chặt chẽ, thiếu cơ sở rộng rãi trong quần chúng

- Hồ Chí Minh đã sớm khẳng định: Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân.
- Đảng đó phải được xây dựng theo các nguyên tắc Đảng kiểu mới của Lênin, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác-Lênin.
- Trên thực tế cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay đã chứng minh được sự khẳng định đó của Hồ Chí Minh.

9. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh: Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp đoàn kết toàn dân, trên cơ sở liên minh công - nông.

Gợi ý nghiên cứu:

- Hồ Chí Minh đã xác định được mâu thuẫn chủ yếu, nổi bật trong xã hội Việt Nam thuộc địa nửa phong kiến, đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam bị áp bức, bóc lột với chủ nghĩa đế quốc Pháp và bọn bán nước, phản bội quyền lợi dân tộc.
- Trên cơ sở đó Người khẳng định:
 - Cách mạng giải phóng dân tộc là công việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người, vì vậy phải đoàn kết rộng rãi toàn
 - Tập trung mọi lực lượng trong mặt trận để chống lại cường quyền nhưng trong sự đoàn kết rộng rãi ấy thì “công-nông là gốc của cách mạng”.
 - Đây là tư tưởng độc lập của Bác, không chịu ảnh hưởng của khuynh hướng “tả” trong quốc tế cộng sản. Quan điểm đúng đắn này đã được thực tiễn cách mạng Việt nam khẳng định

10. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh: Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

Gợi ý nghiên cứu:

Đây là luận điểm mới mẻ và sáng tạo của Hồ Chí Minh

- Do điều kiện lịch sử chưa cho phép, học thuyết Mác-Lênin chưa đề cập nhiều tới cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.
- Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước từ một nước thuộc địa, bản thân Người là người dân ở nước thuộc địa, nên Người có quan điểm riêng: “vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa, gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa
- Cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc có liên hệ chặt chẽ với nhau, nhưng cách mạng thuộc địa có thể thắng lợi trước cách mạng chính quốc, thúc đẩy cách mạng chính quốc
- Công cuộc giải phóng đó chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của nhân dân thuộc địa; phải đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, một công hiến rất quan trọng vào kho tàng lý luận Mác-Lênin, đã được thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam chứng minh.

11. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh: Cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang trong nhân dân.

Gợi ý nghiên cứu:

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin:
 - Cách mạng muốn thắng lợi phải dùng bạo lực của quần chúng nhân dân.
 - Đối với các nước thuộc địa: con đường để giành và giữ độc lập dân tộc chỉ có thể là con đường cách mạng bạo lực.
- Quan điểm chung của Hồ Chí Minh:
 - Để đi tới giành chính quyền cách mạng thì con đường bạo lực trước hết phải là cuộc khởi nghĩa vũ trang của quần chúng.
 - Và trong thời đại mới, cuộc khởi nghĩa vũ trang đó phải có sự liên kết, ủng hộ của cách mạng vô sản thế giới
 - Lý luận bạo lực của Hồ Chí Minh có những nội dung cơ bản sau:
 - Bạo lực cách mạng ở VN là sức mạnh tổng hợp của hai yếu tố chính trị và quân sự, hai lực lượng là lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân.
 - Cách mạng bạo lực là sử dụng sức mạnh tổng hợp để “chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”.
 - Tùy tình hình cụ thể mà quyết định hình thức đấu tranh chính trị và hình thức đấu tranh vũ trang cho thích hợp; sử dụng đúng và khéo léo kết hợp hai hình thức đấu tranh đó để giành thắng lợi cho cách mạng.
 - Hồ Chí Minh và Đảng ta đặc biệt coi trọng việc xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng,
- Khẳng định giải phóng dân tộc bằng con đường cách mạng bạo lực, song Hồ Chí Minh luôn chủ động, tích cực đưa ra giải pháp để tranh thủ khả năng hoà bình và phát triển của cách mạng.
- Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh tư tưởng này của Hồ Chí Minh là đúng đắn.

12. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc trong công cuộc đổi mới hiện nay?

Gợi ý nghiên cứu:

- Khơi dậy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, nguồn động lực mạnh mẽ để xây dựng và bảo vệ đất nước.
- Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên quan điểm giai cấp
- Chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc anh em và trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

CHƯƠNG III:

1. Trình bày con đường hình thành tư duy Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam.

Gợi ý nghiên cứu:

- Vận dụng và quán triệt quan điểm duy vật lịch sử của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội
- Hồ Chí Minh còn tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ chủ nghĩa yêu nước và những truyền thống của Việt Nam:
 - Hồ Chí Minh tiếp cận CNXH từ lập trường yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc
 - Hồ Chí Minh tiếp cận CNXH từ phương diện đạo đức
 - Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ truyền thống lịch sử văn hoá và con người Việt Nam.

2. Hãy trình bày quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Gợi ý nghiên cứu:

Một số kiểu định nghĩa thường gặp trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội.

- Định nghĩa tổng quát:
- Định nghĩa dựa vào một mặt nào đó trong xã hội:

Ví dụ:

- Về phân phối sản phẩm
- Về kinh tế: Chế độ sở hữu và quan hệ phân phối
- Về chính trị:
- Định nghĩa bằng cách xác định mục tiêu, chỉ rõ phương tiện, phương hướng để đạt được mục tiêu đó

3. Hãy phân tích những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội

Gợi ý nghiên cứu:

- Chủ nghĩa xã hội là một chế độ do nhân dân làm chủ
- Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao.
- Chủ nghĩa xã hội là xã hội phát triển cao về văn hoá, đạo đức.
- Chủ nghĩa xã hội là một xã hội công bằng và hợp lý.

- Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng.

4. Hãy phân tích những mục tiêu cơ bản cần đạt tới trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Gợi ý nghiên cứu:

- Mục tiêu chính trị
- Mục tiêu kinh tế
- Mục tiêu văn hoá - xã hội:
- Về quan hệ xã hội:

5. Hãy phân tích những động lực và khắc phục những trở lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội:

Gợi ý nghiên cứu:

- Những động lực của chủ nghĩa xã hội:
 - Khái niệm: Động lực hiểu một cách tóm tắt là tất cả những nhân tố góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua hoạt động của con người.
 - Hệ thống động lực rất phong phú, theo Bác có 3 nhân tố quan trọng là: vốn, kỹ thuật hiện đại và con người, trong đó con người là quan trọng nhất, trên cả hai bình diện: cộng đồng và cá nhân.
 - Phát huy sức mạnh của con người trên bình diện cộng đồng
 - Thành phần: bao gồm tất cả các tầng lớp nhân dân, là sự nghiệp của toàn dân tộc.
 - Phát huy sức mạnh toàn dân thông qua vai trò lãnh đạo của Đảng, các chủ trương chính sách của nhà nước và vai trò của các tổ chức chính trị xã hội
 - Phát huy sức mạnh của con người với tư cách cá nhân người lao động
 - Tác động vào nhu cầu và lợi ích của con người.
 - Hồ Chí Minh rất quan tâm tới lợi ích cá nhân chính đáng, coi trọng động lực cá nhân
 - Tác động vào các động lực chính trị - tinh thần:
 - Một là: Phát huy quyền làm chủ và ý thức làm chủ của người lao động trong sở hữu
 - Hai là: Thực hiện công bằng xã hội chính là tạo động lực cho xã hội
 - Ba là: Sử dụng vai trò điều chỉnh của các nhân tố tinh thần khác:

Ngoài những động lực trên, Hồ Chí Minh còn nhắc nhiều đến *vai trò lãnh đạo của Đảng*, hiệu lực cơ chế, chính sách của *nhà nước* cùng các vai trò các *tổ chức thành viên khác*

- Khắc phục những trở lực kìm hãm sự phát triển của Chủ nghĩa xã hội
 - Phải đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, căn bệnh đẻ ra hàng trăm thứ bệnh nguy hiểm
 - Phải đấu tranh chống tham ô lãng phí, quan liêu,
 - Phải thường xuyên chống chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết, vô kỷ luật
 - Chủ nghĩa chủ quan, bảo thủ, giáo điều, lười biếng không chịu học tập cái mới

6. Trình bày những quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc điểm và mâu thuẫn cơ bản của thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Gợi ý nghiên cứu:

- Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam: Đặc điểm bao trùm là: *“Từ một nước nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu tiến thẳng lên Chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển TBCN”*.
- Mâu thuẫn cơ bản của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam:
- Mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước theo xu hướng tiến bộ với thực trạng kinh tế xã hội còn thấp kém của nước ta.
- Quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế thuận lợi.

7. Hãy trình bày những nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ, những nhân tố đảm bảo thực hiện thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Gợi ý nghiên cứu:

- Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ:
 - Một là: xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.
 - Hai là: Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. kết hợp cải tạo với xây dựng trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm, làm nội dung cốt yếu nhất, chủ chốt, lâu dài.
 - Nói chung công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình rất khó khăn, đòi hỏi Đảng ta phải xác định được bước đi và hình thức phù hợp, then trọng, tránh nôn nóng, chủ quan, đốt cháy giai đoạn.
- Những nhân tố đảm bảo thực hiện thắng lợi chủ nghĩa xã hội:
 - Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.
 - Nâng cao vai trò quản lý của nhà nước.
 - Phát huy tính tích cực, chủ động của các tổ chức chính trị-xã hội.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức và tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng chủ nghĩa xã hội.

8. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Gợi ý nghiên cứu:

Nội dung xây dựng CNXH ở Việt Nam:

- Trong lĩnh vực chính trị:
 - Trước hết phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản.
 - Củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất.
 - Củng cố và tăng cường sức mạnh toàn bộ hệ thống chính trị.
- Trong lĩnh vực kinh tế:
 - Cơ cấu kinh tế:
 - Trong cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu.
 - Chế độ và quan hệ sở hữu:
 - Quan hệ phân phối và quản lý kinh tế:
- Trong lĩnh vực văn hoá - xã hội:
 - Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.
 - Hồ Chí Minh đề cao vai trò của văn hoá giáo dục và khoa học kỹ thuật.
 - Hồ Chí Minh luôn khẳng định vai trò và vị trí của văn hoá trong đời sống xã hội.

9. Phân tích những nguyên tắc có tính chất phương pháp luận để xác định bước đi và phương thức, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Gợi ý nghiên cứu:

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng chế độ mới
- Xác định bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tế, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân.

10. Trình bày phương châm thực hiện, bước đi trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Gợi ý nghiên cứu:

- Dần dần, thận trọng từng bước một, từ thấp đến cao
- Phải tiến nhanh, tiến mạnh nhưng không làm bừa, làm ẩu mà phải hợp với lòng dân.

- Công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

11. Trình bày phương thức, biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Gợi ý nghiên cứu:

Người luôn luôn nhắc nhở phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, chống giáo điều, rập khuôn kinh nghiệm nước ngoài, phải suy nghĩ tìm tòi, sáng tạo ra cách làm phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Cụ thể:

- Phải học tập kinh nghiệm các nước anh em nhưng áp dụng một cách sáng tạo.
- Phải đi sâu vào thực tiễn để điều tra khảo sát, tổng kết thực tiễn.
- Những quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh
- Phải kết hợp cải tạo với xây dựng trên tất cả các lĩnh vực
- Trong điều kiện nước ta, xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có kế hoạch, biện pháp.
- Chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

12. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội vào công cuộc đổi mới hiện nay.

Gợi ý nghiên cứu:

- Trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
- trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HỒ CHÍ MINH
- Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do đó cần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, trước hết là nguồn lực nội sinh, để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước
- Đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

CHƯƠNG IV:

1. Phân tích những giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại trong quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

Gợi ý nghiên cứu:

- Nền tảng văn hoá truyền thống Việt Nam:
 - Giá trị nhân văn, nhân bản trong truyền thống yêu nước của dân tộc
 - Truyền thống lấy nhân nghĩa làm gốc
 - Nền văn hoá Việt Nam trọng đạo lý làm người, đề cao trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng.
 - Nền văn hoá lấy dân làm gốc.
 - Nền văn hoá Việt Nam là khoan dung, hoà hợp, hoà đồng
- Văn hoá nhân loại:

- Văn hoá phương Đông có nhiều giá trị mang ý nghĩa tích cực. Đó là tư tưởng của Nho giáo; tư tưởng của Phật giáo.
- Văn hoá phương Tây bao gồm các trào lưu dân chủ tư sản; tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, chủ nghĩa nhân văn.
- Hồ Chí Minh đã chọn lọc những hạt nhân hợp lý, gạn đục khơi trong để phục vụ sự nghiệp cứu nước cứu dân.

2. Tại sao chủ nghĩa Mác-Lênin là Cơ sở lý luận quan trọng nhất cho việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc?

- Chủ nghĩa Mác –Lênin khẳng định vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử
- Chủ nghĩa Mác –Lênin khẳng định vai trò của giai cấp vô sản trong tổ chức và đoàn kết lực lượng toàn dân tộc, giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới.
- Phải lấy liên minh công - nông làm cơ sở để xây dựng lực lượng đoàn kết dân tộc.
- Đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế

3. Phân tích nhân tố chủ quan của Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng tư tưởng đại đoàn kết dân tộc

- Hồ Chí Minh tổng kết những kinh nghiệm thành công và thất bại của các phong trào yêu nước, phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới.
- Từ phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã thấy rõ nguyên nhân thất bại của các phong trào.
- Trong quá trình đi tìm đường cứu nước:
 - Hồ Chí Minh khảo sát tình hình các nước Tư bản chủ nghĩa và các nước thuộc địa ở hầu khắp các châu lục.
 - Người đã nghiên cứu các cuộc cách mạng tư sản, đặc biệt là cách mạng Mỹ năm 1776 và cách mạng Pháp năm 1789.
 - Tổng kết cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa, để thấy rõ sức mạnh tiềm ẩn to lớn của họ, cũng như những hạn chế của họ
 - Thắng lợi của cách mạng tháng 10 Nga 1917 đã giúp Hồ Chí Minh thấy rõ tầm quan trọng của việc đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng, trước hết là giai cấp công nhân và nông dân.
 - Từ yếu tố chủ quan của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh có lòng yêu nước, thương dân, trọng dân, tin dân, kính dân. Tất cả đã tạo nên ở Hồ Chí Minh sức cảm hoá rất lớn và giúp Người thể hiện được tư tưởng của mình.

4. Trình bày những Quan điểm cơ bản trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

- Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.
- Đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.
- Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân.
- Đại đoàn kết phải có tổ chức, có lãnh đạo.

- Đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế.

5. Phân tích nội dung: Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

- Hồ Chí Minh đã dùng khái niệm đại đoàn kết dân tộc để định hướng cho việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam bao gồm mọi giai cấp, dân tộc, tôn giáo.
- Hồ Chí Minh quan niệm đại đoàn kết là “ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân, thật thà tán thành hoà bình, thống nhất, độc lập dân chủ thì ta thật thà đoàn kết với họ”.
- Nguyên tắc thực hiện đại đoàn kết dân tộc, đại đoàn kết toàn dân:
 - Muốn đại đoàn kết thì cần phải hiểu dân, tin dân, dựa vào dân.
 - Muốn đại đoàn kết toàn dân phải khai thác được những yếu tố tương đồng, hạn chế những điểm khác biệt trong các mối quan hệ phức tạp, giải quyết mối quan hệ giai cấp - dân tộc dựa trên nhận thức khoa học và cách mạng.
 - Hồ Chí Minh đã chỉ ra giai cấp công nhân, nông dân là lực lượng cách mạng. liên minh công-nông-lao động trí óc làm nền tảng của cách mạng.

6. Phân tích nội dung: Đại đoàn kết phải có tổ chức, có lãnh đạo trong tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh?

- Đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa chiến lược, có tổ chức, có lãnh đạo, được xây dựng trên một cơ sở lý luận khoa học nhằm hoàn thành mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- Đại đoàn kết phải trở thành sức mạnh vật chất, thành lực lượng vật chất có tổ chức và tổ chức đó chính là Mặt trận dân tộc thống nhất.
- Tùy từng giai đoạn cách mạng, Đảng đã xây dựng các tổ chức: Hội phản đế đồng minh (1930); Mặt trận dân chủ (1936); Mặt trận nhân dân phản đế (1930); Mặt trận Việt Minh (1941) v.v Mặt trận có mục tiêu chung là vì độc lập thống nhất tổ quốc, vì hạnh phúc, tự do của nhân dân.
- Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng theo những nguyên tắc nhất định:
 - Nền tảng của mặt trận là liên minh công - nông- lao động trí óc.
 - Lấy lợi ích tối cao của dân tộc gắn với lợi ích của các tầng lớp nhân dân lao động làm cơ sở.
 - Hoạt động của mặt trận theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.
 - Đoàn kết gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết.
 - Mặt trận dân tộc thống nhất phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đây vừa là một nguyên tắc của mặt trận, vừa là một quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết.

7. Nhận thức của Hồ Chí Minh về sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại

Nhận thức của Hồ Chí Minh về sức mạnh của dân tộc:

Theo Hồ Chí Minh sức mạnh dân tộc đó chính là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước; tinh thần đoàn kết; ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập tự do; ý thức tự lực tự cường. Cụ thể:

- Sức mạnh của dân tộc trước hết thể hiện ở tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường
- Truyền thống yêu nước là hạt nhân của truyền thống dân tộc
- Lòng yêu nước XHCN là sự kết hợp nhuần nhuyễn của việc yêu độc lập dân tộc, tự do dân chủ và CNXH
- Tinh thần, ý chí độc lập tự chủ, tự cường và lòng yêu nước đã phát huy được sức mạnh to lớn của nó trong khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân..
- Tổng hợp các sức mạnh của dân tộc, đó chính là sức mạnh của con người

Sức mạnh của thời đại.

- Một là: sức mạnh của nhân dân các nước thuộc địa trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc
- Hai là: sức mạnh của giai cấp vô sản và cách mạng vô sản.
- Ba là: Sức mạnh của lực lượng sản xuất, của cách mạng khoa học kỹ thuật
- Nhận thức của Hồ CHÍ MINH về dân tộc và sức mạnh dân tộc, về thời đại và sức mạnh của thời đại là cơ sở phương pháp luận khoa học cho chúng ta suy nghĩ và hành động.

8. Trình bày những nguyên tắc cho sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại:

- Một là: Những người bị áp bức ở tất cả các nước đoàn kết trong một mặt trận cùng nhau chống kẻ thù chung.
- Hai là: Nhìn nhận thời đại trong sự vận động không ngừng, trong sự tập hợp lực lượng giữa các tác nhân tạo ra xu thế, để từ đó tiên đoán triển vọng tình hình, vạch ra đường lối chủ trương đấu tranh.
- Ba là: Chú ý không rơi vào giáo điều, công thức cũng như không xa rời nguyên tắc đấu tranh cách mạng.

9. Trình bày nội dung của sự kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại?

- Đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ hữu cơ với cách mạng vô sản thế giới.
- Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- Đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới trên tinh thần độc lập tự chủ, dựa vào sức mình là chính.

10. Phân tích nội dung kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội:

- Hồ Chí Minh đề cao và nhấn mạnh chủ nghĩa yêu nước chân chính với ý nghĩa là một bộ phận của tinh thần quốc tế; mở rộng và tăng cường đoàn kết quốc tế, hợp tác hữu nghị giữa các dân tộc.
- Hồ Chí Minh xác định rõ đâu là bạn, đâu là thù
- Con đường cứu nước của nhân dân Việt Nam theo Hồ Chí Minh là con đường cách mạng vô sản, tức độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm vững chắc thành quả độc lập dân tộc; mới tạo ra một bước phát triển về chất trong tiến trình lịch sử. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới huy động được sức mạnh các trào lưu cách mạng thế giới, mới làm cho sức mạnh dân tộc được nhân lên gấp bội.

(xem thêm trong bài tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và độc lập dân tộc)

11. Phân tích nội dung: Đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới trên tinh thần độc lập tự chủ, dựa vào sức mình là chính:

- Hồ Chí Minh quan tâm đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới: và các phong trào cộng sản và các phong trào khác trên thế giới.
- Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước và tăng cường đoàn kết quốc tế nhưng không ỷ lại, mà phải nêu cao tinh thần “tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”.
- Đoàn kết quốc tế để góp phần tăng cường sức mạnh đoàn kết quốc tế.

12. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện hiện nay.

- Nhận thức đúng về tính chất của thời đại, đặc biệt giai đoạn hiện nay của thời đại chúng ta để có những đường lối, chủ trương, biện pháp khoa học, có hiệu quả.
- VN với nhiều ưu thế về địa chính trị, tiềm năng về mọi mặt ==> VN có khả năng tham gia giải quyết các vấn đề khu vực và thế giới. Song cũng tạo nguy cơ VN trở thành địa bàn tranh chấp, xung đột lợi ích chiến lược giữa các nước lớn, giữa các lực lượng.
- VN tiến hành đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế trong điều kiện hệ thống XHCN lâm vào thoái trào → lực lượng đế quốc đẩy mạnh tiến công bằng “diễn biến hoà bình” → suy yếu, lật đổ CNXH ở VN.
- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và xu thế toàn cầu hoá đang phát triển ==> thời cơ, thách thức lớn cho các nước.

CHƯƠNG V:

1. Hãy nêu những luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam. Phân tích nội dung thứ nhất.

Gợi ý nghiên cứu:

* Xuất phát từ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin, trên cơ sở thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã vạch ra những luận điểm về Đảng cộng sản:

- Đảng cộng sản là nhân tố quyết định hàng đầu đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi
- Đảng cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân với phong trào yêu nước
- Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam
- Đảng cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm “cốt”
- Đảng cộng sản Việt Nam được xây dựng theo những nguyên tắc của đảng kiểu mới của giai cấp công nhân
- Tăng cường và củng cố mối quan hệ bền chặt giữa Đảng và dân
- Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn

* Phân tích nội dung thứ nhất: Đảng cộng sản là nhân tố quyết định hàng đầu đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi (Thực chất chứng minh tính tất yếu về sự lãnh đạo của đảng đối với cách mạng Việt Nam):

- Từ sự thất bại của con đường cứu nước theo hệ tư tưởng phi vô sản ở Việt Nam
- Từ yêu cầu của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản
- Từ yêu cầu của phong trào quần chúng cần phải có đường lối định hướng
- Từ vai trò của Đảng cộng sản với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2. Hãy trình bày qui luật hình thành Đảng cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Gợi ý nghiên cứu:

Hồ Chí Minh đã vận dụng qui luật hình thành Đảng cộng sản nói chung vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, một cách sáng tạo, đó là đưa thêm yếu tố phong trào yêu nước trở thành một nhân tố góp phần hình thành Đảng cộng sản Việt Nam:

- Lênin đã nghiên cứu qui luật phát triển của chủ nghĩa tư bản và chỉ rõ: Đảng cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân. Theo tinh thần đó: Đảng cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp giữa phong trào công nhân với chủ nghĩa Mác
- Hồ Chí Minh đưa thêm yếu tố: phong trào yêu nước vào sự hình thành Đảng cộng sản Việt Nam, vì:
 - Phong trào yêu nước ở Việt Nam có trước phong trào công nhân và là yếu tố trường tồn tạo nên truyền thống của dân tộc Việt Nam
 - Phong trào công nhân Việt Nam ra đời ở đầu thế kỷ XX. Khi phong trào phát triển, đã kết hợp được ngay với phong trào yêu nước vì mục tiêu đấu tranh giành độc lập dân tộc

- Nói đến phong trào yêu nước ở Việt Nam là nói đến phong trào nông dân, điều đó có nghĩa là phong trào công nhân kết hợp với phong trào nông dân
- Nói đến phong trào yêu nước còn nói đến phong trào của các tầng lớp tri thức, tiểu tư sản... là nhân tố quan trọng dẫn đến sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam

Rút ra kết luận

3. Hãy trình bày bản chất giai cấp của Đảng cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Gợi ý nghiên cứu:

Khi bàn về bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Đảng cộng sản Việt Nam, đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Thực chất đó là bản chất của Đảng. Hồ Chí Minh có hai cách thể hiện:

- Cách thứ nhất: Trong Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam 3/2/1930
 - Trong sách lược vắn tắt
 - Trong chương trình vắn tắt
 - Trong điều lệ vắn tắt (tôn chỉ)
- Cách thể hiện thứ hai: Trong báo cáo chính trị Đại hội II – 2/1951
 - Về thành phần kết nạp
 - Về lý luận
 - Về tổ chức
 - Về kỷ luật
- Năm 1953, 1957, 1961, 1965 Hồ Chí Minh khẳng định lại lần nữa

4. Phân tích nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Gợi ý nghiên cứu:

Về nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm “cốt”:

- Hồ Chí Minh khẳng định vai trò của chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào của giai cấp công nhân, với phong trào giải phóng các dân tộc (Là vũ khí của tư tưởng của giai cấp công nhân – xem lại chủ nghĩa xã hội khoa học – chương IV: Sự mệnh lịch sử giai cấp công nhân)
- Tuy nhiên Hồ Chí Minh chỉ rõ trong quá trình vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin phải sáng tạo chống giáo điều:
 - Học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác- Lênin phải phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng...
 - Vận dụng phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể
 - Phải học tập kinh nghiệm của các Đảng anh em

- Đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin

5. Phân tích luận điểm của Hồ Chí Minh về tăng cường và củng cố mối quan hệ bền chặt giữa Đảng với dân

Gợi ý nghiên cứu:

- Hồ Chí Minh chỉ rõ quan hệ giữa Đảng với dân: Dân là chủ, Đảng cầm quyền (Đại hội II/1951)
- Yêu cầu cụ thể về mối liên hệ giữa Đảng với dân:
 - Đảng phải thường xuyên lắng nghe ý kiến của nhân dân, kiên quyết khắc phục bệnh quan liêu trong Đảng và đảng viên
 - Vận động nhân dân thường xuyên tham gia xây dựng Đảng
 - Đảng có trách nhiệm nâng cao dân trí
 - Đảng không theo đuôi quần chúng

6. Phân tích luận điểm Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn

Gợi ý nghiên cứu:

- Tính tất yếu phải tự chỉnh đốn, tự đổi mới
 - Từ yêu cầu nhiệm vụ
 - Từ thực tế mạnh, yếu trong Đảng, Đảng viên
(Nêu luận điểm những ngày đầu kháng chiến, 1952, 1960, 1965)
- Nội dung chỉnh đốn:
 - Đảng phải luôn luôn mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức
 - Đội ngũ Đảng viên phải là những người toàn tâm, toàn ý phục vụ tổ quốc, nhân dân...
 - Đề phòng và khắc phục những hiện tượng thoái hoá, biến chất
 - Đảng phải được trí tuệ hoá...

7. Phân tích những nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Gợi ý nghiên cứu:

Nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới được Lenin đưa ra để phân biệt với các Đảng cơ hội trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Khái quát lại Hồ Chí Minh đưa ra 5 nguyên tắc:

- Tập trung dân chủ (nguyên tắc tổ chức)
- Tập thể, lãnh đạo, cá nhân phụ trách (nguyên tắc lãnh đạo)
- Tự phê bình và phê bình (nguyên tắc sinh hoạt)
- Kỷ luật nghiêm minh, tự giác
- Đoàn kết thống nhất trong Đảng

8. Từ những lý luận của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng Sản. Hãy liên hệ với quá trình xây dựng Đảng hiện nay.

Gợi ý nghiên cứu:

Khẳng định hơn 75 năm qua tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản được quán triệt và thực hiện trên cả ba mặt chính trị - tư tưởng và tổ chức.

- Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi to lớn. Tuy nhiên đề ngàng tầm nhiệm vụ mới cần tiếp tục xây dựng Đảng về:
 - Chính trị
 - Tư tưởng
 - Tổ chức
- Liên hệ thực tiễn xây dựng Đảng hiện nay.

9. Trình bày những nội dung chính trong tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước của dân, do dân, vì dân

Gợi ý nghiên cứu:

Đó là sự nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước.

- Nhà nước của dân (tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt giai cấp, dân tộc tôn giáo...)
- Nhà nước do dân (dân lập nên, dân ủng hộ, dân làm chủ)
- Nhà nước vì dân (tất cả đều vì lợi ích của nhân dân)

10. Phân tích những nội dung cơ bản của luận điểm: “Xây dựng nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động” của Hồ Chí Minh

Gợi ý nghiên cứu:

Đó là quan điểm xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân:

- Nhà nước của dân: tất cả quyền lực thuộc về nhân dân (Điều 1 hiến pháp 1946)
- Nhà nước do dân: Nhà nước do dân lập lên, dân ủng hộ, dân làm chủ
- Nhà nước vì dân: Nhà nước phục vụ lợi ích chính đáng và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thật sự trong sạch, vững mạnh

11. Phân tích bản chất giai cấp công nhân của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà theo quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Gợi ý nghiên cứu:

Hồ Chí Minh khẳng định nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân điều đó không phải là nhà nước siêu giai cấp, phi giai cấp. Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân – giai cấp có quyền lợi phù hợp với quyền lợi phù hợp với quyền lợi của nhân dân lao động. Bản chất giai cấp thể hiện:

- Nhà nước do Đảng cộng sản lãnh đạo
- Bản chất nhà nước thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển đất nước
- Bản chất nhà nước thể hiện ở nguyên tắc, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ

12. Phân tích luận điểm của Hồ Chí Minh về một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.

Gợi ý nghiên cứu:

Một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ là một nhà nước thoả mãn những điều kiện sau:

- Phải là nhà nước hợp hiến
- Nhà nước quản lý bằng pháp luật
- Có đội ngũ cán bộ công chức có đủ đức, đủ tài với yêu cầu:
 - Tuyệt đối trung thành với cách mạng
 - Hăng hái thành thạo công việc, giỏi chuyên môn nghiệp vụ
 - Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân
 - Phải là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm nhất là những lúc khó khăn

13. Hãy trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước trong sạch vững mạnh hiệu quả.

Gợi ý nghiên cứu:

Trên những nội cơ bản của nhà nước của dân, do dân, vì dân tập trung vào:

- Đề phòng và khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động của nhà nước.
 - Chống đặc quyền, đặc lợi
 - Tham ô lãng phí, quan liêu
 - Tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo
- Tăng cường pháp luật đi đôi với giáo dục đạo đức

CHƯƠNG VI:

1. Trình bày những nội dung cơ bản trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh:

Gợi ý nghiên cứu:

- Về vị trí, vai trò của đạo đức cách mạng
- Những phẩm chất đạo đức chủ yếu:
 - Yêu thương con người
 - Trung với nước, hiếu với dân
 - Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
 - Tinh thần quốc tế trong sáng
- Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới:
 - Phải rèn luyện đạo đức suốt đời
 - Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức
 - Xây đi đôi với chống, phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi

- Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời

2. Phân tích vai trò của đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Gợi ý nghiên cứu:

- Cơ sở để Hồ Chí Minh khẳng định vai trò của đạo đức: xuất phát từ yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Vai trò của đạo đức:
 - Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức là nền tảng của người cách mạng
 - Đạo đức là thước đo lòng cao thượng của con người,
 - Đạo đức là vũ khí sắc bén cho cuộc đấu tranh của dân tộc.
 - Cách mạng muốn thành công phải có đội ngũ cán bộ cách mạng có đạo đức, đức là gốc của người cán bộ nhưng phải đặt trong mối quan hệ biện chứng với tài.

3. Hãy nêu quan điểm của Hồ Chí Minh về phẩm chất đạo đức: Trung với nước, hiếu với dân.

Gợi ý nghiên cứu:

- Trung với nước: nước là của dân, dân lại làm chủ đất nước nên trung với nước tức là trung với dân do vậy trung với nước là trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh.
 - Hiếu với dân: phải thấy được sức mạnh thực sự của nhân dân ; tin dân, gần dân,, gần bó mật thiết với dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc.
 - Lãnh đạo phải: Nắm vững “dân tình”, hiểu rõ “dân tâm”, quan tâm cải thiện “dân sinh”, nâng cao “dân trí” để dân hiểu và thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình
- Theo Hồ Chí Minh, Trung với nước, Hiếu với dân là phẩm chất đạo đức quan trọng nhất, bao trùm nhất

4. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về phẩm chất đạo đức: yêu thương con người.

Gợi ý nghiên cứu:

- Yêu thương con người là tình cảm rộng lớn.
 - Yêu thương con người ở Hồ Chí Minh vừa sâu sắc, rộng lớn, vừa gần gũi cụ thể.
 - Yêu thương con người còn thể hiện trong quan hệ của Hồ Chí Minh với đồng chí, đồng đội, bạn bè, người thân.
- ## 5. Giải thích theo quan điểm Hồ Chí Minh về phẩm chất đạo đức: cần – kiệm – liêm – chính – chí công vô tư.

Gợi ý nghiên cứu:

- Cần: Siêng năng, cần cù, không lười biếng, không ỉ lại, tự lựa cách sinh
- Kiệm: Tiết kiệm thời gian, sức lực, của cải.
- Liêm: Trong sạch, không tham lam.

- Chính: là không tà, mà thẳng thắn, đứng đắn với mình, với người với công việc.
- Chí công vô tư: Không vì cá nhân trước mà đem lòng vô tư nghĩ tới người, tới việc Hồ Chí Minh chỉ rõ cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là bốn đức không thể thiếu được ở con người, nó liên quan đến nhau

6. Nêu những nguyên tắc cơ bản xây dựng đạo đức mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Phân tích một nguyên tắc mà anh chị hiểu sâu sắc nhất.

Gợi ý nghiên cứu:

Nêu những nguyên tắc:

- Phải rèn luyện đạo đức suốt đời
- Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức
- Xây đi đôi với chống, phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi
- Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời

Phân tích một nguyên tắc:

- Nêu vị trí
- Nội dung
- Ý nghĩa

7. Phân tích nội dung “con người là vốn quý nhất – nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng trong tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh

Gợi ý nghiên cứu:

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh thuộc dòng nhân văn cộng sản. Điều đó thể hiện thông qua nhận thức của Hồ Chí Minh về con người, thể hiện

- Nhận thức về con người
 - o Trước cách mạng tháng 8/1945
 - o Sau cách mạng tháng 8/1945
- Thương yêu quý trọng con người (phân tích ở các khía cạnh)
- Tin vào sức mạnh, phẩm giá và tính sáng tạo của con người
- Lòng khoan dung độ lượng

8. Phân tích nội dung: Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

Gợi ý nghiên cứu:

Phân tích dựa vào hai nội dung:

- Con người là mục tiêu của cách mạng (gắn với mục tiêu của cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: nhằm tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện
- Con người là động lực của cách mạng

9. Chứng minh nhận định sau đây của Hồ Chí Minh: Xây dựng con người là chiến lược hàng đầu của cách mạng Việt Nam?.

Gợi ý nghiên cứu:

- Cơ sở: Xuất phát từ quan niệm con người là mục tiêu và động lực của cách mạng, Hồ Chí Minh đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển. Cụ thể:
 - o Đặt con người trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
 - o Đặt con người trong chiến lược giáo dục – đào tạo.
- Vai trò của con người trong cách mạng Việt Nam:
 - o Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa. Đó là những con người kế thừa những giá trị tốt đẹp của dân tộc, có những phẩm chất của xã hội mới, là con người có đạo đức cách mạng, trí tuệ và bản lĩnh làm chủ, có lòng nhân ái, vị tha, độ lượng.
 - o Muốn có con người xã hội chủ nghĩa phải giáo dục, đào tạo, đó là biện pháp quan trọng bậc nhất. Nội dung giáo dục phải toàn diện: giáo dục cả đức và tài.

10. Trình bày những quan điểm chung của Hồ Chí Minh vị trí, vai trò của văn hóa?

Gợi ý nghiên cứu

- Vị trí, vai trò của văn hoá: được Hồ Chí Minh thể hiện trong quan điểm về văn hoá
 - o Tháng 8/1943 đưa ra khái niệm văn hoá được hiểu theo nghĩa rộng
 - o Sau tháng 8/1945 đưa ra khái niệm văn hoá theo nghĩa hẹp
- Vai trò của văn hóa thể hiện trong các mối quan hệ sau:
 - o Quan hệ của Văn hóa với chính trị:
 - o Quan hệ của văn hóa với kinh tế
 - o Văn hóa phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội

11. Trình bày những quan điểm chung của Hồ Chí Minh về tính chất của nền văn hoá mới. Vận dụng xem xét việc xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở Việt Nam hiện nay

Gợi ý nghiên cứu:

- Tính chất văn hoá mới:
 - o Tính dân tộc
 - o Tính khoa học
 - o Tính đại chúng
- Vận dụng xem xét việc xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ở Việt Nam hiện nay
 - o Tiên tiến: (gồm những yếu tố? nào vận dụng ra sao?)
 - o Đậm đà bản sắc dân tộc (cái gì là bản sắc? vận dụng phát triển như thế nào?)

12. Hãy trình bày chức năng chủ yếu của văn hoá mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Gợi ý nghiên cứu:

Tập trung vào 3 chức năng:

- Bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp
- Nâng cao dân trí
- Bồi dưỡng phẩm chất tốt đẹp, phong cách, lối sống lành mạnh luôn hướng con người tới chân, thiện, mỹ

13. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về lĩnh vực văn hoá giáo dục?

Gợi ý nghiên cứu:

- Một là mục tiêu của giáo dục

Đạy – học để mở mang dân trí, nâng cao kiến thức, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cách mạng. Đào tạo ra những con người vừa có đức vừa có tài, học để làm việc, làm người, làm cán bộ.

- Hai là: phải cải cách giáo dục cho phù hợp với bước phát triển của cách mạng.
- Ba là: phương châm, phương pháp giáo dục
- Bốn là: Quan tâm đến đội ngũ giáo viên

14. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về lĩnh vực văn hoá văn nghệ?

Gợi ý nghiên cứu:

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về văn hóa văn nghệ thể hiện ở một số nội dung sau:

- Thứ nhất, văn nghệ là mặt trận, nghệ sỹ là chiến sỹ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng, trong xây dựng xã hội mới, con người mới.
- Thứ hai, văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân.
- Thứ ba, phải có tác phẩm xứng đáng với dân tộc và thời đại.

15. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về lĩnh vực văn hoá đời sống?

Gợi ý nghiên cứu:

Quan điểm xây dựng đời sống mới của Hồ Chí Minh tập trung ở ba nội dung sau:

- Thứ nhất, Đạo đức mới:
- Thứ hai, Lối sống mới
- Thứ ba, Nếp sống mới

Xây dựng đời sống mới là một quá trình khó khăn, phức tạp lâu dài. ... Đó là công việc của từng người, từng nhà và toàn xã hội.

16. Vận dụng tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh vào việc xây dựng con người mới hiện nay

Gợi ý nghiên cứu:

- Nêu khái quát những tác động tích cực và tiêu cực tác động đến việc xây dựng con người mới hiện nay.
- Nội dung vận dụng:

- Vận dụng về đạo đức, lối sống. Tập trung vào:
 - Bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
 - Nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên trong lao động, học tập, bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.
 - Biết giữ gìn đạo đức, nhân phẩm, lương tâm, danh dự
- Vận dụng về tư tưởng nhân văn:
 - Tất cả vì con người, do con người
 - Coi trọng, phát huy vai trò của giáo dục
- Vận dụng và phát triển về tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh
 - Có tinh thần yêu nước, tự cường, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
 - Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung...
 - Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp
 - Thường xuyên học tập nâng cao trình độ.

CHƯƠNG VII:

1. Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến công cuộc đổi mới ở Việt nam như thế nào?

Gợi ý nghiên cứu:

- Đặc điểm tình hình thế giới:

+ Cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra như vũ bão với rất nhiều những thành tựu ở tất cả các ngành: khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng, điện tử, vật liệu mới, y học, vũ trụ

Cách mạng KHCN mở ra quy luật mới: bất cứ quốc gia nào, chỉ có thể phát triển được khi coi mình là một thành viên quốc tế

Chỉ rõ hai khả năng đối với các nước lạc hậu:

+ Tình hình chính trị trên thế giới tác động đến Việt Nam

- Chủ nghĩa xã hội không tồn tại với tư cách là một hệ thống trên thế giới
- Chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang,... xảy ra ở nhiều nơi
- Chủ nghĩa tư bản có sự điều chỉnh
- Châu Á – Thái Bình Dương phát triển với tốc độ cao nhưng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định

- Ảnh hưởng đến Việt Nam:

+ Tạo điều kiện để Việt nam tham gia vào việc giải quyết những vấn đề của khu vực và quốc tế

- + Nhưng Việt Nam trở thành mục tiêu lôi kéo của các nước lớn
- + Đứng trước thời cơ và thách thức lớn
- Bối cảnh trong nước:
 - Sau hơn 20 năm đổi mới, xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp đổi mới của Việt Nam có những đặc điểm:
 - + Đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các mặt của đời sống xã hội (phân tích để chỉ ra thuận lợi)
 - + Việt Nam đang đứng trước những thời cơ, thách thức lớn (phân tích tác động tích cực, tiêu cực)

2. Khi vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện hiện nay cần nắm vững những quan điểm cơ bản nào?

Gợi ý nghiên cứu:

- Lý luận gắn liền với thực tiễn:
 - o Luôn luôn đem những vấn đề lý luận đối chiếu với thực tiễn (phân tích dựa trên góc độ triết học của quan hệ lý luận với thực tiễn)
 - o Khái quát thực tiễn
 - o Thông qua thực tiễn để kiểm nghiệm lý luận
- Quan điểm lịch sử, cụ thể (đặt quan điểm, luận điểm của Hồ Chí Minh vào điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể, đặt trong sự vận động và phát triển của xã hội Việt Nam)
- Quan điểm toàn diện và hệ thống
- Quan điểm kế thừa và phát triển

3. Trình bày một nội dung chủ yếu vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay

Gợi ý nghiên cứu:

Tập trung vào:

- Kiên định con đường XHCN mà Hồ Chí Minh đã chọn (kiên định 6 đặc trưng về xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã xây dựng đã nêu ra ở ĐH VII)
- Dựa vào sức mạnh của toàn dân
 - o Thường xuyên chăm lo xây dựng và phát triển nguồn lực con người
 - o Tiếp tục xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc
 - o Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân
 - o Dựa vào sức mạnh nhân dân
- Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh
 - o Xây dựng chính đôn Đảng cộng sản Việt Nam
 - o Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân
 - o Chăm lo xây dựng mặt trận tổ quốc Việt Nam các đoàn thể của nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh – Bộ GD - ĐT
2. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh – NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội -2003
3. Những bài giảng về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh. TS Nguyễn Khánh Bật chủ biên; NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội -2000
4. Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh (Dưới dạng hỏi và đáp)- TS.Phạm Ngọc Anh, PGS,TS.Bùi Đình Phong (Đồng chủ biên). NXB lý luận chính trị 2004
5. Hỏi – Đáp môn tư tưởng Hồ Chí Minh – TS.Hoàng Trang, TS.Nguyễn Thị Kim Dung – NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2005



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ HỒ CHÍ MINH
Km10 Đường Nguyễn Chí Minh, Hà Nội
Tel: (04) 62543141 Fax: (04) 62543142
Website: <http://www.e-ptit.edu.vn>

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I	3
KHÁI NIỆM, NGUỒN GỐC, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH	3
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	3
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU	3
NỘI DUNG CHÍNH	3
I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA BỘ MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	3
II. KHÁI NIỆM VÀ HỆ THỐNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	4
III. ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ XÃ HỘI, NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.	6
IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	14
CÂU HỎI ÔN TẬP	14
CHƯƠNG II.....	16
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC	16
VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC.....	16
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.....	16
NỘI DUNG CHÍNH.....	16
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC.....	16
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC.	19
III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY.	23
CÂU HỎI ÔN TẬP	24
CHƯƠNG III.....	26
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	26
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:.....	26
NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH	26
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.	26
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.....	32
III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY CỦA VIỆT NAM.....	37
CÂU HỎI ÔN TẬP	40
CHƯƠNG IV	41
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC;.....	41

KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI.....	41
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU	41
NỘI DUNG CHÍNH	41
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC.....	41
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI.....	47
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	51
CHƯƠNG V.....	53
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN	53
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:.....	53
NỘI DUNG.....	54
I. NHỮNG LUẬN ĐIỂM CHỦ YẾU CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	54
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN.....	62
III. XÂY DỰNG ĐẢNG VỮNG MẠNH, XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC NGANG TẦM NHIỆM VỤ CỦA GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH....	68
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	70
CHƯƠNG VI.....	72
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN, VĂN HÓA.....	72
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU	72
NỘI DUNG.....	72
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC.....	72
II. TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH.....	77
III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA.....	80
IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN, VĂN HÓA VÀO VIỆC XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM MỚI HIỆN NAY	85
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	86
CHƯƠNG VII.....	88
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN.....	88
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI.....	88
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:.....	88
NỘI DUNG.....	88
I. BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC.....	88
II. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CÓ Ý NGHĨA PHƯƠNG PHÁP LUẬN ĐỐI VỚI VIỆC VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	90
III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI.....	92

CÂU HỎI ÔN TẬP	95
CÂU HỎI VÀ HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI	96
CHƯƠNG I:.....	96
CHƯƠNG II:	101
CHƯƠNG III:.....	106
CHƯƠNG IV:.....	110
CHƯƠNG V:	114
CHƯƠNG VI:.....	119
CHƯƠNG VII:	124
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	126
MỤC LỤC	127

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BUI CÍNH VIỆN THÔNG

Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông Hà Tây
Tel: (04) 5541.121 Fax: (04) 5541.587
Website: <http://www.e-ptit.edu.vn> Email: thk@e-ptit.edu.vn



TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Mã số: 412TTH120

Chịu trách nhiệm bản thảo

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG 1

(Tài liệu này được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-TTĐT1 ngày
của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)



VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông-Hà Tây
Tel: (04) 5541221; Fax: (04) 5540587
Website: <http://www.viettel.com.vn>; E-mail: dhk@vnet.vn